



Văn nghệ

VÌ TỔ QUỐC,
VÌ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NĂM THỨ 66

Số: **45**

(2804)

HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

THỨ BẢY, 9 - 11 - 2013



Minh họa của PHAM MINH HẢI

CÔNG DÂN PHÁT SINH

Truyện ngắn của NGUYỄN ĐỨC LỢI

(Xem trang 6)

TIẾNG NÓI NHÀ VĂN

5 VÍ DỤ VẬT TRONG 1 NGÀY

ĐỖ TRUNG LAI

1. VÍ DỤ THỨ NHẤT

Cố nhà văn Nguyễn Minh Châu, sinh thời là người của Tạp chí Văn nghệ Quân đội nhiều năm và là một nhà văn nổi tiếng của cả "Văn học chiến tranh" lẫn "Văn học đổi mới". Vì cùng ở đầu phố Lý Nam Đế (Hà Nội), cùng sinh hoạt ở Chi hội Nhà văn Quân đội nhiều năm, người viết bài này, không ít lần, được cùng ông trò chuyện, hội thảo, hội họp.

Sau đây, gần như là nguyên văn lời ông, trong một cuộc trò chuyện: "Tôi thấy nhiều trí thức nước ta (chỉ nói về những người đương thời và chỉ trong lĩnh vực Khoa học Xã hội - Nhân văn) buồn cười quá! Trước khi được Đảng và Nhà nước cử đi học ở nước ngoài, họ giống hết những cái thùng tổ - nó rỗng, không có "Ta", cũng chẳng có "Tây" trong ấy. Sang nước ngoài, người ta đổ vào cho cái gì, thì về nước, đem vụn vôi ra cho dân mình dùng cái đó, hết thì quay lại đổ thêm!". "Thế nếu không được quay lại để đổ thêm, hoặc chán chả quay lại nữa, thì sao ạ?" - tôi hỏi. Ông cười buồn: "Thì... nói chung là, nghĩ cho khỏe!".

Hiển nhiên, nói "nhiều", tức là Nguyễn Minh Châu đã không "Vơ đũa cả nắm", nhưng nghĩ kỹ, quả là không thiếu gì ví dụ, để ta phải lo lắng trước điều ông đã nói.

Ở những "ví dụ" không ít ấy, rõ ràng là, không thể có đóng góp gì tích cực, trong cả việc duy trì, phát triển và sử dụng văn hoá truyền thống; lẫn trong việc tiếp thụ văn hoá tiên tiến của nước ngoài được!

Vội họ, cũng không thể bàn chuyện "hội nhập" hay "hòa tan", vì họ có gì đâu để đem đi "hội nhập"? Có gì đâu để có thể bị "hòa tan"?

2. VÍ DỤ THỨ HAI

Cố bác sĩ - nhà văn hoá Nguyễn Khắc Viện, có lần trả lời một lãnh đạo văn hoá, đã vừa "kiêu hành" vừa "đau đớn", bảo, đại ý: Các anh đừng hòng tìm đâu ra những trí thức như chúng tôi. Chúng tôi sinh ra và lớn lên trong những gia đình có học, rồi lại học trường Pháp, học ở Pháp, lại sống và làm việc cả ở Việt và ở Pháp lâu năm, qua mấy chế độ, thạo tiếng Pháp như tiếng Việt, thạo cả văn hoá Pháp lẫn văn hoá Việt...

Có lẽ vì thế mà Nguyễn Khắc Viện, theo nhiều trí thức - văn nhân, là người dịch ngược Kim Vân Kiều truyện của cụ Nguyễn Du ra tiếng Pháp, hay hơn cả?

Ví dụ này cho ta thấy, việc am hiểu cả "văn hóa truyền thống" lẫn ngoại quốc quan trọng như thế nào, và "bản lĩnh văn hoá" của những người làm công tác văn hoá nước nhà, cần thiết ra sao, đặc biệt là trong giai đoạn "hội nhập" này.

Ví dụ này, tiếp nối ví dụ từ Nguyễn Minh Châu, lại càng là gợi ý tốt cho chính sách giáo dục - đào tạo của ta, để trí thức Khoa học Xã hội - Nhân văn ta không thành ra "những chiếc thùng tổ - nó rỗng", để bị "đổ" vào đó đủ thứ, rồi về "vận vôi ra cho dân mình dùng, hết thì lại sang đổ thêm!"

3. VÍ DỤ THỨ BA

Ông Mặc Gin-nét, một người Mỹ, chuyên buôn tranh, chủ yếu là tranh châu Á, có Ga-lô-ri ở Hồng Công nhiều năm và khá nổi tiếng.

Ông sang Việt Nam vào những năm 1991 - 1992, và rất thu vị khi tiếp xúc với hội họa Việt lúc ấy. Theo ông, nhờ Trường Mỹ thuật Đông Dương, rồi Mỹ thuật kháng chiến, Mỹ thuật đổi mới, mà tranh Việt có thể được xếp hàng đầu ở Đông Nam Á. Và, ông đã đưa tranh cùng một số tác giả, cả trẻ lẫn già của ta, sang triển lãm - bán ở Hồng Công, tại Ga-lô-ri của ông, và khá thành công.

Vào khoảng năm 1995, Mặc Gin-nét quay trở lại Việt Nam và người viết bài này, khi đó đang làm ở tờ Quân đội nhân dân cuối tuần, có phỏng vấn ông để đăng trên báo của mình. Ông Mặc

(Xem tiếp trang 2)

KỲ HỌP THỨ 6 QUỐC HỘI KHÓA XIII HIẾN PHÁP, ĐẤT ĐAI, QUY HOẠCH VÀ THỦY ĐIỆN THEO MỘT CÁCH NHÌN HỆ THỐNG

Sáng ngày 21-10 vừa qua, kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIII đã chính thức khai mạc. Theo kế hoạch, kỳ họp sẽ kéo dài đến hết ngày 30-11. Đây là kỳ họp cuối năm và cũng là kỳ họp đánh giá lại chặng đường ba năm qua với nhiều nội dung quan trọng: thông qua Dự thảo Hiến pháp 1992, thông qua Luật Đất đai (sửa đổi), quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2014.

THEO báo cáo của Chủ nhiệm Ủy ban pháp luật của Quốc hội, Ủy viên Ủy ban Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992, Trưởng ban biên tập Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 Phan Trung Lý, bản Dự thảo sửa đổi Hiến pháp đã tiếp thu nhiều ý kiến tâm huyết, trách nhiệm trên tinh thần xây dựng của đại biểu Quốc hội và các tầng lớp nhân dân. Dự thảo sau khi tiếp thu, chỉnh lý, còn lại gồm 11 chương, 120 điều, bám sát Cương lĩnh 1991 (sửa đổi, bổ sung năm 2011), các Văn kiện của Đảng và Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị về mục đích, yêu cầu và những quan điểm cơ bản, định hướng của việc sửa đổi Hiến pháp 1992.

Tại kỳ họp thứ 5 vừa qua, các đại biểu Quốc hội cũng đã thảo luận, cho ý kiến về Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992 đã được tiếp thu, chỉnh lý trên cơ sở tiếp thu ý kiến của nhân dân để hoàn thiện. Tuy nhiên cho đến nay, một số nội dung lớn của bản Dự thảo vẫn còn ý kiến khác nhau, đó là mô hình tổ chức chính quyền địa phương, việc thu hồi đất của nhà nước, vai trò của các thành phần kinh tế, hội đồng hiến pháp...

Không ít ý kiến cứ tri cho rằng, Hiến pháp sửa đổi là giải pháp của mọi giải pháp. Trên tinh thần đó, suốt thời gian vừa qua, các tầng lớp nhân dân đã phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức dân chủ, tâm trí tuệ, văn hóa để đóng góp xây dựng sửa đổi Hiến pháp sửa đổi. Vậy nên nếu việc sửa đổi Hiến pháp lần này không đạt yêu cầu đó, nghĩa là chúng ta sẽ không tiếp thu được những tinh hoa, trí tuệ mà nhân dân đóng góp, mà còn bỏ lỡ cơ hội đưa công cuộc đổi mới lên tầm cao mới, tạo động lực cho đất nước vượt thoát nguy cơ tụt hậu, tiến kịp các nước trong khu vực và trên thế giới.

Báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 trên cơ sở ý kiến đại biểu Quốc hội thảo luận ở tổ được ông Phan Trung Lý trình bày trước phiên thảo luận toàn thể của Quốc hội về nội dung này sáng 5-11 đã đề nghị giữ một loạt nội dung quan trọng. Trong các nội dung được đề nghị "giữ như dự thảo" có nội dung quy định về thu hồi đất, sở hữu đất đai... báo cáo giải trình cũng cho biết lý do giữ nguyên quy định về sở hữu đất đai trước ý kiến đề nghị quy định đa sở hữu về đất đai hoặc có sở hữu nhà nước và sở hữu tập thể về đất đai, đặc biệt là trước những quy định thu hồi đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội vì cho rằng, thu hồi đất vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng đã bao hàm các dự án phát triển kinh tế - xã hội... Trước những ý kiến này, ủy ban dự



Đại biểu Bùi Mạnh Hùng - Tôi rất băn khoăn về chữ quản lý theo quy hoạch...

thảo sửa đổi Hiến pháp đã khẳng định rằng, sở hữu toàn dân về đất đai là quan điểm nhất quán của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta, đã được xác định trong Hiến pháp năm 1980, Hiến pháp năm 1992. Vấn đề sở hữu về đất đai không chỉ là vấn đề kinh tế mà còn là vấn đề chính trị - xã hội quan trọng; và giải thích rõ hơn, rằng để phục vụ cho công cuộc xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước, thì bên cạnh việc thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, vì lợi ích quốc gia thì Nhà nước vẫn cần thu hồi đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội... Vì vậy, ủy ban đã đề nghị Quốc hội cho giữ quy định về sở hữu đất đai như trong dự thảo, Chủ nhiệm Phan Trung Lý nhấn mạnh.

Vậy thì vấn đề còn lại là ở chỗ là Luật Đất đai phải quy định thật cụ thể các trường hợp thu hồi đất và việc thu hồi đất phải bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng và phải có chính sách bồi thường thỏa đáng cho người dân bị thu hồi đất.

Dự thảo luật Đất đai sửa đổi, sau khi lỗi hẹn ở kỳ họp trước, sẽ có một buổi chiều ngày 12-11 thảo luận ở hội trường về các nội dung còn nhiều ý kiến khác nhau và sẽ được truyền hình, phát thanh trực tiếp, trước khi được biểu quyết chiều 29-11. Tuy nhiên trong phạm vi của Dự thảo Hiến pháp sửa đổi, đại biểu Bùi Mạnh Hùng (Bình Phước) đặt vấn đề: "Dự thảo quy định đất đai là tài nguyên đặc biệt quan trọng của quốc gia, nguồn lực quan trọng để phát triển đất nước được quản lý theo pháp luật và quy hoạch. Tôi rất băn khoăn về chữ quản lý theo quy hoạch..."

Để làm rõ hơn điều băn khoăn này, ông Hùng phân tích: "Nếu quy định quản lý theo quy hoạch thì vô hình trung chúng ta đã đặt tính chất pháp lý của quy hoạch ngang với pháp luật, mà thực tiễn thì quy hoạch diễn ra ở nhiều cấp như xã, huyện, tỉnh, quốc gia, quy hoạch ngành, vùng... Các quy hoạch

không tránh khỏi sự chồng chéo, có những quy hoạch thiếu khoa học, thiếu thực tế, điều chỉnh nhiều lần. Đây là một trong những nguyên nhân gây lãng phí đất đai. Nếu lấy quy hoạch làm cơ sở cho việc quản lý, thu hồi đất đai thì tôi e rằng không ổn, dễ bị lợi dụng. Vấn đề quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nên để luật định..."

Cơ sở để đại biểu Bùi Mạnh Hùng cũng như rất nhiều đại biểu Quốc hội và cử tri có cùng nỗi băn khoăn hoàn toàn không phải là điều gì xa lạ. Ngay trong kỳ họp lần này, một vấn đề liên quan đến quy hoạch cũng đã được đưa ra bàn thảo khá sôi nổi và gây được sự chú ý của dư luận, đặc biệt là trước tình trạng thiên tai, lũ lụt vừa diễn ra dồn dập trong thời gian qua. Đó chính là quy hoạch thủy điện. Sáng 30-10, Bộ trưởng Bộ Công thương Vũ Huy Hoàng đã trình bày Báo cáo của Chính phủ trước Quốc hội về quy hoạch tổng thể về thủy điện. Theo bản báo cáo này thì đã: Loại bỏ 424 dự án; Không xem xét đưa vào quy hoạch 172 vị trí tiềm năng; Tạm dừng có thời hạn 136 dự án; Tiếp tục rà soát, đánh giá 158 dự án... Báo cáo của Bộ trưởng Vũ Huy Hoàng đã làm dấy lên một không khí sôi nổi trong giờ giải lao của phiên họp. Tại đây, nhiều đại biểu đã thẳng thắn lên tiếng...

Đại biểu Trương Văn Võ (Đồng Nai) là người ngay từ những kỳ họp trước đã lên tiếng mạnh mẽ nhất về các dự án thủy điện Đồng Nai 6 và 6A trên địa bàn tỉnh mình. Lần này, ông Võ cũng hết sức thẳng thắn: "Xung quanh quy hoạch thủy điện, tôi cho rằng có 3 vi phạm: Thứ nhất, về quy trình lập quy hoạch. Thứ hai, về luật. Luật ở đây tôi nói là nghị quyết 49 của Quốc hội năm 2010. Thứ ba là vi phạm về môi trường. Chỉ tính đến lợi ích về kinh tế mà không tính đến lợi ích về môi trường, về xã hội... Còn Đại biểu Ngô Văn Minh (Quảng Nam), ủy viên thường trực ủy ban Pháp luật, thì cụ thể hơn khi cho rằng cần xem xét việc dừng 424 dự án ở mọi khía cạnh: nguyên nhân, trách nhiệm, xử lý hậu quả... bởi theo ông thì: "Đây là hậu quả do cách làm quy hoạch thủy điện của chúng ta...". Cuối cùng ông Minh đặt câu hỏi: "Liệu chúng ta có xử lý người ra chủ trương sai không?..."

Câu hỏi của Đại biểu Ngô Văn Minh có thể sẽ rất lâu không có câu trả lời. Điều đó cũng không khó khăn để nhìn thấy được, và do đó cũng không cần phải truy cứu gay gắt làm gì. Tuy nhiên từ câu chuyện cụ thể của thủy điện, xin được đặt câu hỏi ngược lại cho vấn đề quy hoạch quản lý sử dụng đất đã được nói đến trong Dự thảo sửa đổi Hiến pháp, điều đã khiến cho đại biểu Bùi Mạnh Hùng phải băn khoăn. Và cũng theo cách nhìn hệ thống ấy, xin đem nỗi băn khoăn của ông Hùng đặt vào bên cạnh những ý kiến cứ tri khi cho rằng Hiến pháp sửa đổi là giải pháp của mọi giải pháp, để nghĩ về những giải pháp mà chúng ta cần tiếp tục để ra, tiếp tục thực hiện...
P.V

5 VÍ DỤ VẬT TRONG 1 NGÀY

(Tiếp theo trang 1)

Gin-nét rất buồn và nói: "Những năm trước, khi tôi mới đến Việt Nam, tôi thấy thích gì thì mua nấy, còn các họa sĩ Việt Nam thích gì thì cứ vẽ nấy. Bây giờ tôi thấy các anh lại chỉ vẽ những gì tôi thích (thực ra "tưởng tôi thích")! Các anh đã tự phá hỏng thị trường tranh (hiện đại, vừa mới hình thành) của chính mình!"

Từ đó, không còn thấy Mắc Gin-nét thường xuyên quay lại Việt Nam nữa!

Thế hóa ra, Mắc Gin-nét với hội họa đương đại Việt nói riêng, người nước ngoài với văn hóa - nghệ thuật Việt nói chung, mong được xem, được tiêu thụ, những thứ thành thật Việt, chứ không phải là những thứ Việt "a dua", Việt "nhái" Tây, "nhái" Tàu để chiếu theo thị hiếu người mua, chiếu theo xu hướng thị trường tầm thấp nhằm kiếm tiền mua nhà lầu, xe hơi, điện thoại.

Ví dụ này, liệu có cho ta lời giải đáp nào, về văn hóa truyền thống, về "hội nhập", về bản lĩnh văn hóa trong "hội nhập...?"

4. VÍ DỤ THỨ TƯ

Trong dịp kỷ niệm 200 năm thành lập nhà nước Úc, Thủ tướng Úc khi ấy, đã chính thức xin lỗi tổ dân tộc. Vì từ khi người da trắng đến lục địa này, họ đã "phân biệt đối xử", đã thu hẹp không gian sống, không gian kinh tế và văn hóa của thổ dân.

Sau lời xin lỗi của Thủ tướng Úc, nước Úc đã có cả một loạt chính sách cải tổ và mạnh mẽ để khôi phục, phát triển và tiêu thụ văn hóa bản địa, từ vải ba - tích cho đến ca - múa - nhạc và văn chương chữ nghĩa.

Không ai dám nói, Úc bây giờ không phải là một nước tiên tiến, thế mà chính họ còn thấy, chẳng có mâu thuẫn gì, giữa sự tiên tiến ấy, với văn hóa truyền thống bản địa.

Liệu ví dụ này có gợi ý gì không, khi chúng ta cần "chữa" những căn bệnh trong thời "hội nhập", ví dụ như bệnh "vong ngoại" quá đáng; bệnh mặc cảm đến nỗi tự ti, trước văn hóa truyền thống của cha ông ta mấy nghìn năm?

5. LIỆU CÓ CẦN MỘT VÍ DỤ THỨ NĂM?

Chỉ có gì phải phân nân về chủ trương "Khoa học, Dân tộc, Đại chúng" (Đề cương văn hóa Việt Nam - 1943). Chỉ có gì nghĩ ngờ về chủ trương "Xây dựng một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc" (Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII).

Nhưng nếu ứng xử văn hóa và giáo dục - đào tạo như vậy, liệu ta có thành công?

Nếu sẵn sàng bưng mọi lý thuyết, mọi phương pháp văn hóa - nghệ thuật nước ngoài, kể cả những thứ người ta đã bỏ đi, đặt vào văn hóa - nghệ thuật nước nhà, liệu chúng ta có thể có sự "tiên tiến" trong văn hóa?

Nếu con cháu không trân trọng truyền thống văn hóa của cha ông, chưa nói đến việc chẳng biết cha ông viết gì, nói gì, thì liệu văn hóa Việt có thể "đậm đà bản sắc dân tộc"?

Nếu cứ chạy theo xu hướng thị trường từ trung bình trở xuống, liệu chúng ta sẽ đi đến đâu?

Nếu để chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa kim tiền dẫn dắt văn hóa - nghệ thuật, thì một vài năm nữa, văn hóa Việt Nam sẽ có hình hài như thế nào?...

Hồi thế, là người viết bài này muốn đưa ra ví dụ thứ năm.

Đó là một cuốn sách vừa được in ở Việt Nam, của Tzve-tan Tô-đô-rốp (Trần Huyền Sâm và Đan Thanh dịch, Trần Thiện Đạo hiệu đính). Tên cuốn sách mỏng này là: Văn chương lâm nguy.

Tác giả là một nhà tư tưởng có uy tín ở Âu - Mỹ, "là thành viên kỳ cựu của Thuyết cấu trúc vào những thập niên 60, 70 của thế kỷ trước ở Pháp", nhưng trong cuốn sách này, ông đã hoài nghi, và hình như đang phủ định nhiều thứ lý thuyết và phương pháp nghiên cứu - sáng tác của phương Tây hiện đại mà thời trẻ ông chuyên tâm nghiên cứu và nồng nhiệt cổ vũ (trong đó, ngoài Thuyết cấu trúc, ông còn viết về sự cực đoan trong các lý thuyết, về Thi pháp trong văn xuôi, về Chủ nghĩa Hình thức và Tân Hình thức, Hình thức văn bản, chủ nghĩa Hình thức Nga...). Ông đã "tự phản biện và đối thoại về hệ thống lý thuyết mà chính ông là người thiết lập" (Sdd).

Theo tác giả, "Văn học bị tiêu tằm vào vòng phi lý, bởi sự thống trị của Thuyết cấu trúc, hủ vơ, duy ngã một cách phổ quát trên các lĩnh vực giảng dạy, nghiên cứu, và lan sang cả giới phê bình - báo chí. Việc tuyệt

đối hóa hình thức, đóng khung trong cấu trúc văn bản hay phủ nhận thế giới ngoại ngoại tại; chỉ biết đắm mình trong thế giới duy ngã với mọi cảm xúc nhỏ nhặt, kinh nghiệm nhục dục vô nghĩa, kỷ ức phù phiếm, đã khiến văn chương trở nên nghèo nàn đến mức phi lý. Thay vì tìm kiếm ý nghĩa đích thực của tác phẩm, chúng ta đã áp dụng một cách thô thiển các phương pháp cấu trúc, ký hiệu, ký thuật phê bình và xem đó như một mục đích tối hậu trong việc tiếp cận văn chương... Chúng ta đang vô tình chặt mất đôi cánh của văn chương ở thuở ban sơ. Rằng, văn chương không nằm trong những lý luận kinh viện, cũng không phải trong những ốc đảo bí hiểm. Phải trả lại cho văn chương cái bản chất hỗn nhiên của nó." (Sdd).

Để hiểu thêm ví dụ này có hình hài thế nào ở Việt Nam, các bạn nên đọc ngay trong sách giáo khoa và giáo trình đại học môn ngữ văn hiện nay của ta!

Ở đó, ví dụ ở sách giáo khoa Văn lớp 11, người ta bắt con em chúng ta, vốn đang còn rất trẻ dại, phải học một chương nói về lịch sử văn học ta, từ đầu, qua đổi mới, đến hôm nay! Lại phải đọc một chương trong cuốn ấy nữa, nói về "Văn bản học" - những vấn đề chỉ nên nói ngoại khóa hoặc chỉ để thử trình bày ở các câu lạc bộ chuyên ngành!

Chẳng cần phải nói nhiều cũng thấy ngay rằng chính cách dạy như vậy đã trở thành một trong những nguyên nhân chính làm cho học sinh ta, nhiều thế hệ, đắm "sợ văn, ghét văn, đốt văn" như ta đã thấy!

Vâng! Ví dụ thứ năm là Văn chương lâm nguy! Mà văn chương chữ nghĩa có vai trò gì trong văn hóa truyền thống, thì ai cũng biết rồi! ■

Đ.T.L

VĂN HỌC - NGỌN ĐÈN CHIẾU SÁNG TÂM LINH CON NGƯỜI

TUỆ ĐỨC

VÀO những ngày đầu tháng 11, nhà văn Thiết Ngung, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội Nhà văn, đã dẫn đầu đoàn nhà văn Trung Quốc gồm 6 người tới thăm Việt Nam. Chiều ngày 4 tháng 11, tại Trụ sở Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam, ông Đinh Thế Huynh, Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư trung ương Đảng, Trưởng ban Tuyên giáo Trung ương đã tiếp đoàn. Ông Đinh Thế Huynh bày tỏ tình cảm nồng nhiệt trước chuyến thăm của đoàn và đánh giá cao mối quan hệ giao lưu văn học giữa hai Hội Nhà văn, đã góp phần thúc đẩy, củng cố mối quan hệ ngoại giao giữa hai quốc gia. Nhà văn Thiết Ngung cảm ơn trước sự đón tiếp nồng hậu của ông Đinh Thế Huynh cũng như Hội Nhà văn Việt Nam.

Sáng ngày 5 tháng 11 năm 2013, tại trụ sở số 9 Nguyễn Đình Chiểu, Hội Nhà văn Việt Nam đã có buổi gặp mặt chính thức đoàn nhà văn Trung Quốc. Về phía đoàn Trung Quốc gồm có các nhà văn: Thiết Ngung (Chủ tịch Hội Nhà văn Trung Quốc); Ngải Khắc Bái Nhi – Mễ Cát Đế (TBT Tạp chí Nhà văn Trung Quốc); Lưu Dũng (Giáo sư khoa tiếng Trung, Trường ĐH Thanh Hoa); Ngụy Vi (Cán bộ Hội Nhà văn tỉnh Quảng Đông); Thứ Nhân La Bố (Cán bộ Hội Liên hiệp các Tổ chức Văn nghệ Tây Tạng); Trương Đào (Phó trưởng Ban Liên lạc đối ngoại Hội Nhà văn Trung Quốc); ngoài ra còn có ông Lưu Tam Chấn (Tham tán Đại sứ quán Trung Quốc) và ông Trần Bằng (Bí thư thứ 2, phòng Văn hóa, Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam). Về phía Hội Nhà văn Việt Nam có: nhà thơ Hữu Thỉnh - Chủ tịch Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam, Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam; nhà văn Nguyễn Trí Huân – Phó Chủ tịch Hội; nhà thơ Nguyễn Quang Thiều - Phó Chủ tịch Hội; cùng các ủy viên BCH Hội; các ủy viên Hội đồng chuyên môn, các ban chuyên ngành; đại diện các cơ quan cấp hai của Hội Nhà văn Việt Nam; cùng đồng đạo các nhà văn, nhà thơ, nhà nghiên cứu, dịch giả hiện đang sống ở Hà Nội và một số tỉnh lân cận. Tham dự buổi đón tiếp còn có sự hiện diện của đại diện Ban Tuyên giáo trung ương.

Nhìn xuyên suốt chiều dài lịch sử giữa hai nước Việt Nam và Trung Quốc, thật

Tháng 8 năm 2013, Nhà thơ Hữu Thỉnh, Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam dẫn đầu đoàn Nhà văn Việt Nam có chuyến thăm, làm việc với Hội Nhà văn Trung Quốc. Trong chuyến thăm, làm việc này, nhà thơ Hữu Thỉnh đã có lời mời trân trọng với nhà văn Thiết Ngung, chủ tịch Hội Nhà văn Trung Quốc bằng một câu hỏi thân mật với đại ý rằng: Tại sao bà chưa đi thăm Việt Nam chúng tôi nhỉ? Nhà văn Thiết Ngung vui vẻ trả lời: Vậy thì ngày mai tôi sẽ lên máy bay cùng các ông tới Việt Nam nhé. Đó là những câu nói ngoại giao nhưng chân tình giữa hai nhà văn, hai chủ tịch Hội. Nhưng cũng chưa đầy ba tháng sau, nhà văn Thiết Ngung đã thực hiện chuyến thăm theo lời mời đó.



Đổng chí Đinh Thế Huynh Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư trung ương Đảng, Trưởng ban Tuyên giáo Trung ương tặng quà lưu niệm cho nhà văn Thiết Ngung.

Ảnh: ĐỖ HIẾU

khó có thể định danh cho mối quan hệ đó, ngoài hai từ mà ai cũng có thể nói được đó là quan hệ "láng giềng". Một mối quan hệ láng giềng có những bước thăng trầm. Nhìn trên quan hệ chính trị, ngoại giao là vậy. Nhưng nếu nhìn trên phương diện văn hóa, thì giữa hai dân tộc có nhiều điểm tương đồng. Bằng lòng kính của văn hóa chúng ta có thể hiểu về nhau được rõ hơn. Cũng bằng lòng kính văn hóa, dường như tình người đã xích lại gần nhau hơn và phần nào có tác động tích cực tới mối quan hệ chính trị, ngoại giao giữa hai quốc gia. Khi đã nói đến văn hóa thì không thể không nói tới văn học. Nó là cửa sổ giúp cho chúng ta nhìn ra bên ngoài, nhìn sang người láng giềng một cách rõ nét và tương đối toàn diện. Văn học giúp chúng ta nhận chân được người láng giềng của chúng ta là ai, họ sống như thế nào và họ đang nghĩ gì, làm gì. Nói rộng hơn, văn học giúp chúng ta có thể hiểu được phần nào đó về một quốc gia, dân tộc bất kì trên thế giới bằng

sự chia sẻ của ngôn ngữ, của tình người, của thẩm mỹ. Bởi văn học là một sản phẩm không có ranh giới lãnh thổ. Khi một tác phẩm văn học đã được viết ra và công bố thì sản phẩm tinh thần đó không còn thuộc về tác giả, hay quốc gia mà nó được sinh ra. Trải qua nhiều giai đoạn lịch sử, các tác phẩm văn học Trung Quốc đã trở nên rất quen thuộc với độc giả Việt Nam, được đón nhận một cách tích cực, thậm chí có những lúc được xem như là những sản phẩm tinh thần không thể thiếu trong đời sống văn hóa. Bên cạnh đó, thời gian dài qua nhiều tác phẩm văn học của Việt Nam cũng đã được dịch ra tiếng Trung Quốc và cũng được đón nhận nồng nhiệt.

Tuy không nhỏ, nhưng hội trường của hội Nhà văn Việt Nam không còn đủ chỗ ngồi trong buổi tiếp này, điều đó cho thấy sự quan tâm của các nhà văn Việt Nam đối với chuyến thăm này của đoàn nhà văn Trung Quốc. Thay mặt Hội nhà Văn Việt Nam, Nhà thơ Hữu Thỉnh đã bày tỏ

niềm vui chân tình trước chuyến thăm của nhà văn Thiết Ngung và các thành viên trong đoàn. Nhà thơ Hữu Thỉnh đã khẳng định mối quan hệ giao lưu hợp tác giữa hai Hội đó là sự gắn bó mật thiết với nhiều tình cảm cao đẹp. Đó cũng là cơ sở để chúng ta tin tưởng chuyến thăm này sẽ đưa mối quan hệ giữa hai Hội lên một tầm cao mới, đồng thời góp phần củng cố mối quan hệ ngoại giao giữa hai dân tộc. Nhà thơ Hữu Thỉnh đánh giá văn học Trung Quốc là một nền văn học đặc sắc có ảnh hưởng rộng lớn và được đánh giá cao trên thế giới. Điều đó đã được minh chứng bằng việc nhà văn Mạc Ngôn nhận giải Nobel văn học vào năm 2012. Trước đây văn học Trung Quốc được độc giả Việt Nam đón đọc, đến giai đoạn mở cửa nền văn học này có nhiều nổi bật và cũng đã được đón nhận ở Việt Nam. Trong số nhiều tác phẩm đó cũng phải kể đến tên tuổi của nhà văn Thiết Ngung với nhiều tác phẩm đã được dịch ra tiếng Việt. Thiết Ngung là nhà văn nổi tiếng ở Trung Quốc, có bề dày sáng tác đáng trân trọng với hơn 50 đầu sách. Tác phẩm của bà được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới. Trong một lần trả lời phỏng vấn báo chí, nhà văn Thiết Ngung đã phát biểu: "Làm quan là công việc của tôi. Viết văn là bản mệnh của tôi". Nhà thơ Hữu Thỉnh bày tỏ mong muốn giữa hai Hội Nhà văn cần có thêm nhiều cơ hội gặp gỡ giao lưu, quảng bá dịch thuật của nhau hơn nữa. Chúng ta cần phải tạo ra một diễn đàn cởi mở sâu rộng với nhiều vấn đề mà văn học cần quan tâm đến. Trong đó có trách nhiệm của nhà văn và sức mạnh của văn học trong việc duy trì hòa bình trên lãnh thổ quốc gia mình cũng như trong khu vực và trên toàn thế giới. Văn học là cầu nối tâm linh để kết nối các dân tộc, các cá nhân con người lại gần với nhau cùng hướng tới những giá trị tốt đẹp của đời sống.

Bằng cách nói chuyện giản dị, chân tình, nhà văn Thiết Ngung gửi lời chào trân trọng thân mật đến các nhà văn có mặt trong buổi đón tiếp. Bà xúc động khi thấy trong hội trường có nhiều các nhà văn cao tuổi, khiến bà nhớ đến các nhà văn tiền bối Trung Quốc. Họ là những người đã cổ vũ tinh thần cho lớp hậu sinh

(Xem tiếp trang 22)



Lãnh đạo Hội Nhà văn đón đoàn ở Deawoo Hà Nội.



Nhà văn Thiết Ngung và đoàn nhà văn Trung Quốc thăm Hội Nhà văn Việt Nam sáng 5-11-2013.

Ảnh: HỮU ĐO

Ý KIẾN NGẮN

GỐC LÀ VẤN ĐỀ NHÂN CÁCH CON NGƯỜI

VIỆT NGÀ

THỜI gian vừa qua, dư luận xã hội xôn xao trước thông tin một bác sỹ làm chết bệnh nhân đến phẫu thuật thẩm mỹ tại cơ sở tư của mình và sau đó đang tâm mang xác bệnh nhân thả xuống sông Hồng rồi thản nhiên ra về như không có chuyện gì xảy ra. Người nhà nạn nhân cùng các cơ quan chức năng đã phải khốn khổ quần thảo suốt hàng chục km đường sông mà cả chục ngày rồi vẫn chưa tìm thấy xác. Rồi hàng loạt các câu chuyện hệ lụy về tính người, từ những cuộc tìm kiếm nói trên cũng khiến nhiều người, nhiều cơ quan truyền thông phải lên tiếng. Cả xã hội phẫn nộ trước sự xuống cấp của ý thức mà vụ việc này là hồi chuông khẩn cấp thứ bao nhiêu giống lên chẳng rõ. Nhưng làm thế nào để vấn đề ý thức được cứu vãn thì nghe chừng tất cả vẫn còn đang lúng túng, kể cả Bộ trưởng Bộ Y tế...

Tuy nhiên cũng lại có nhiều ý kiến cho rằng vấn đề đáng báo động hiện nay không chỉ là chuyện ý thức, mà là chuyện đạo đức nói chung trong xã hội đang bị xuống cấp trầm trọng, trong đó có ý thức. Một khi đạo đức bị xói lở, bị đặt xuống hàng thứ yếu, thì không thiếu gì những chuyện kinh dị xảy ra. Nguyên nhân bắt nguồn từ đâu? Câu hỏi nhức nhối này thật không dễ trả lời.

Trước đây, khi chúng ta còn đang trong thời kỳ bao cấp, cả xã hội nghèo. Cái nghèo "bình quân" khiến cho ai ai cũng thiếu túng, gia đình nào cũng lâm vào cảnh giết gà và vai. Cái gì cũng thiếu. Nỗi lo cơm áo gạo tiền khiến cho từ công chức tới nông dân đều méo mặt. Khoảng cách giàu - nghèo trong xã hội cổ nhiên là có, nhưng không sâu, không rộng, không có độ chênh lệch nhiều. Lắm khi chỉ là hơn nhau ở nồi cơm không đun, tấm áo không vá, cái xe đạp ít bị chằng buộc lốp bằng những đoạn cao su sù sụ như thể bệnh nhân gãy tay bị bó bột... Ra khỏi thời kỳ bao cấp, xã hội như được thay da đổi thịt. Kinh tế phát triển hơn. Càng ngày con người càng tiến đến chỗ no đủ, văn minh hơn rất nhiều. Song cũng do kỷ ức kinh hoàng về đói kém vẫn nguyên vẹn nên tư duy của phần đông là cứ phải có "tư tiền của" thì mới ra con người, mới oai, mới là thành đạt. Cho nên, cứ ai nhiều tiền hơn, người ấy ắt được kính trọng hơn, bất biết những người nhiều tiền ấy kiếm tiền bằng cách nào. Thậm chí, khi có lắm tiền thì tha hồ vênh váo, coi thiên hạ như rơm như rác cũng chẳng sao. Không nhận đến cả bố đẻ mình cũng chẳng sao. Trong trường hợp ấy, đạo đức nào còn chỗ trú chân nữa? Kiếm tiền, kiếm tiền bằng mọi giá sẽ trở thành câu khẩu hiệu thúc giục giới trẻ tiến lên. Cho nên, sẽ không lạ lùng gì khi một cậu bé chưa tròn mười tám, để lấy được tiền trong két sắt đã nhẫn tâm đập chết bố đẻ mình, dùng cửa máy rửa chén thành nhiều mảnh, cho vào bao, vứt xuống sông, rồi quay về mang tiền đi ăn chơi. Một cậu bé khác, cũng vừa mười tám, để có tiền đã ra tay sát hại cả gia đình chủ tiệm vàng... Đạo đức bị giết chết chính ở chỗ đó chứ đâu. Mà khi đạo đức chết rồi, thì phận người mong manh lắm. Ăn thịt nhau lúc nào không biết nữa!

Rồi còn trẻ con đang ngồi trên ghế nhà trường, bị nhồi sọ đủ thứ kiến thức ghê gớm trên đời nhưng riêng cái môn đạo đức xem chừng hơi nhẹ, hơi ít. Đạo đức trong chương trình học tập chỉ là một chuyện, nhưng quan trọng hơn là đạo đức ngay trong chính cuộc sống hàng ngày mà các em được tiếp xúc, thì đây rầy những tiêu cực mà ngành giáo dục không hề là ngoại lệ... Học trò bây giờ có thể vào mạng nhao nháy, thông thạo đủ thứ trên đời, nhưng hiếm đứa ngồi từ từ đọc hết cuốn sách văn học kinh điển mà xa xưa cha ông nó say mê. Sở đến truyện tranh cho trẻ con mẫu giáo cũng toàn thấy bạo lực với khiêu dâm. Động đến thể giới giải trí là thấy game bạo

lực, thấy các cô ca sỹ, diễn viên mắt xanh mỡ đỏ hở hang uốn éo, rên rỉ, quần quai, thấy các cuộc thi vợ vắn, lăng xet mà giải thưởng khổng lồ. Bọn trẻ không được định hướng một cách nghiêm túc từ nhỏ xem chuẩn giá trị của con người là gì. Chỉ thấy lắm tiền là được tung hô. Chỉ thấy hở hang là được tán thưởng. Như thế, sao mà không "lệch chuẩn đạo đức" cho được. Từ chỗ "lệch chuẩn" đến chỗ sống vô cảm rồi phạm tội, ranh giới chỉ mỏng manh như sợi tóc mà thôi!

Bây giờ, hiếm thấy ai mua tặng nhau cuốn sách hay vào các dịp kỷ niệm hay lễ, tết. Đối với học trò, học môn văn là một cực hình. Khi thi đại học, cả phụ huynh lẫn học sinh phần nhiều chỉ nhằm nhằm chọn trường nào, ngành nào mà lúc ra trường phải kiếm được nhiều tiền. Tiến trở thành thước đo giá trị con người. Các ngành khoa học nhân văn ngày một thu hẹp lại. Các ngành kinh tế lại được đà phát triển như nấm sau mưa. Ngay trước mắt có thể chưa trực tiếp nhìn thấy hệ lụy của việc này, nhưng rồi chỉ sau dăm, mười năm nữa, chúng ta sẽ phải trả giá cho chính chuyện này. Kinh tế phát triển phải đi liền với sự phát triển của văn hóa và khoa học nhân văn. Nếu không, sẽ có thể hệ bị rơi vào khủng hoảng, như cuộc khủng hoảng tâm lý, ý thức hệ của châu Âu đầu thế kỷ XX. Chính lúc cuộc cách mạng công nghiệp và cách mạng khoa học công nghệ mang lại những biến đổi vĩ đại cho nền sản xuất, cho đời sống vật chất của con người, mang lại sự "bùng nổ kinh tế" vào những năm 50, 60 của thế kỷ XX thì cũng là lúc con người nhận ra "những thắng lợi của kỹ thuật dường như đã được mua bằng cái giá của sự suy đồi về mặt tinh thần". Sống trong xã hội vật chất mà cả một thế hệ thanh niên bị khủng hoảng tinh thần vì chán ngán, vì cảm thấy trống rỗng, không tìm thấy ý nghĩa đích thực của cuộc đời. Con người bị biến thành những cỗ máy vô cảm. Bao nhiêu tiền bạc cũng không là cứu cánh cho cuộc sống con người được.

Tất cả mọi hành động ngày hôm nay đều có căn nguyên từ trong quá khứ, nói như nhà Phật là đều có nhân quả cả. Cho nên thiết nghĩ, trước khi dạy học sinh những núi kiến thức khổng lồ khiến cho ngay cả các cháu tiểu học cũng còng lưng vì cặp sách quá nặng, thì hãy dạy các cháu biết yêu thương từ cỏ cây, hoa lá; biết nâng niu cả những con vật xung quanh. Trước khi cho các cháu tiếp cận với những điều to tát trong thế giới khoa học mệnh mông, hãy cho các cháu biết lắng nghe tiếng khóc của những kẻ lâm than, yếu đuối, khổ đau để biết chia sẻ, cảm thông. Hãy cho các cháu biết thương những phận người không may mắn chứ không phải vênh váo, coi thường. Hãy tặng cho con cái những cuốn sách chứ không phải những đồng tiền lạnh lẽo trong những ngày kỷ niệm của chúng. Hãy chỉ cho các cháu cách sống cho thành người chân chính chứ không phải dạy các cháu đánh giá người qua những thứ phù phiếm bên ngoài. Và khó nhất, nhưng cũng quan trọng nhất, là người lớn chúng ta phải sống đúng, phải định lại một loạt các giá trị như nó vốn có, để lớp trẻ đứng lẫm lẫm, đừng hoang mang. Còn nếu cứ loay hoay bàn riêng chuyện ý thức hay bàn chuyện ra những bộ luật thế nào để trừng trị nghiêm minh những kẻ phạm tội, lập ra bao nhiêu cơ quan theo dõi để xiết chặt ngành nọ, nghề kia, nghe chừng chỉ là tìm cách để hớt đi phần ngọn. Cái gốc còn sờ sờ ra đó thì cái ngọn có hớt hôm nay, mai lại mọc dài hơn thôi. Gốc của nó là vấn đề nhân cách, là vấn đề đạo đức của con người. Chừng nào giải quyết được điều đó thì mới bắt đầu được đáng kể những chuyện tiêu diệt, lừa đảo, thủ tiêu, giẫm đạp lên nhau để giành lợi nhuận, để kiếm tiền, bất biết hậu quả ra sao.■

BAN tôi, nhà báo Bùi Ngọc Nội trước khi bước lên chiếc máy bay số hiệu SU183E của Hãng hàng không AEROFLOT từ sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất - Thành phố Hồ Chí Minh đi Minsk thủ đô nước Cộng hòa Belarus, cứ ao ước trong chuyến công tác này anh sẽ được thấy tuyết, bởi tuyết đối với anh - một người Sài Gòn, cái thành phố nằm ở nam bán cầu quanh năm chỉ có nắng và nóng thật vô cùng xa lạ xa xỉ, nhưng cũng thật là thú vị. Anh nói, bà xã anh còn nhắc người thân từ Hà Nội gửi vào cho anh cả măngtô dạ, găng tay da, ủng lười tuyết và mũ lông thú để anh mang sang xứ bạch dương tuyết phủ!

Nhưng, ngay từ khi máy bay vừa sắp hạ cánh xuống sân bay quốc tế thủ đô Minsk trong một "chiều Matxcova" thì hy vọng... thấy tuyết của anh đã bị lung lay! Đang là tiết cuối thu, cả thành phố dường như ngập tràn một sắc vàng - cái màu sắc đặc trưng của mùa thu Nga đầy quyến rũ mà chúng tôi chỉ mới thấy trong tranh của danh họa Lévitan và đôi dòng trong bức thư của người bạn gái thuở thiếu thời gửi cho từ hồi còn "exetxere" (CCCP)... Và, buổi sáng đầu tiên đến với chúng tôi ở thành phố Minsk thanh bình và trắng lệt cái sắc thu vàng buồn đến lòng lầy kia cũng đã nhanh chóng hút hồn mấy anh em. Quên cả những giấc mơ về tuyết đêm qua, chúng tôi ủa ra phố và hoà mình trong sắc vàng. Cả thành phố lộng lẫy và quý phái trong một sắc vàng tươi. Vàng của nắng thu, vàng của những chiếc lá còn ở trên cây, vàng của những chiếc lá đang rơi rơi ào ào như mưa, như vãi giữa tầng không, bập bênh trên mặt nước sông hồ và đậu trên những mái nhà... Chưa thôi, chưa dừng, sắc vàng của lá những rừng phong, những hàng bạch dương và cả những cây sồi còn như dùng dằng, còn như quán quýt, còn như muốn níu kéo chân người trên khắp lối đi về... xáo xạc, âm vang, nhẹ dịu như những "tiếng thu".

Ngay hôm làm việc đầu tiên với các đồng nghiệp Belarus ở Trung tâm truyền hình Quân đội, vừa qua công gác chúng tôi đã gặp cả một tập chiến sĩ làm nhiệm vụ thu gom lá phong rơi hai bên lối ra vào doanh trại một cách bền bỉ... Cả mấy tiếng sau, lúc ra văn phòng họ làm một công việc cũ. Tôi chợt liên tưởng tới công việc của những người thợ sơn cầu Long Biên nơi quê nhà "sơn đầu này thì đầu kia sơn lóc".

Anh Nguyễn Hoài Nam, một cựu sinh viên trường báo chí Leningrad thời Xôviết (đoàn nhà báo quân đội Việt Nam đến Belarus có tới 3 người từng theo học báo chí tại Liên Xô cũ là các anh Lê Phúc Nguyên, Trịnh Văn Hào và Nguyễn Hoài Nam) cũng trong đoàn các nhà báo quân đội ta thăm Belarus cuối thu rồi không khỏi bồi hồi nhớ lại những kỷ niệm của thời trai trẻ. Anh kể, anh nhớ nhất những mùa thu xưa ở nơi này là những sớm mai hồng. Trong công viên thành phố, những thiếu nữ, những nữ sinh trung học chạy nhảy chơi đùa rất hồn nhiên dưới tán những cây phong già. Họ đuổi nhau trên thảm lá, gom những ôm lá to tướng vào túi nệm vào nhau rồi cười nắc nẻ; lại kết những chiếc lá phong thành mũ đội lên đầu giả làm vương miện hoa hậu... đôi khi họ chỉ mặc mỗi bộ đồ bikini phơi mình tắm nắng trên những thảm lá phong vàng ươm như những nàng tiên giáng thế!

Trong thời gian công tác ở Belarus đầu chưa "về được mùa đông", chưa được nhìn thấy tuyết, nhưng chúng tôi đã gặp được mùa thu vàng và tìm thấy trong đó những tình cảm ấm nóng, gần gũi của bạn bè nơi đây.

Belarus là quốc gia nằm ở phía đông châu Âu. Diện tích tổng cộng 207.600 km, dân số chừng 9 triệu người. Belarus đã từng là một trong 15 nước cộng hòa của Liên Xô trong trên dưới 70 năm cho đến khi tách ra và tuyên bố độc lập năm 1991. Tuy nhiên, đất nước này vẫn giữ mối quan hệ gần gũi với Nga; đồng thời là một thành viên của Cộng đồng các Quốc gia độc lập SNG cùng với Azerbaijan, Armenia, Gruzia, Kazakhstan, Kyrgyzstan, Moldova, Nga, Tajikistan, Turkmenistan, Uzbekistan và Ukraina.

Cộng hòa Belarus thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam ngày 24 tháng 1 năm 1992... Cộng đồng Việt Nam ở Belarus có khoảng 600 người, nhìn chung được bạn tạo điều kiện tương đối thuận lợi trong học tập, cư trú và kinh doanh theo pháp luật số tại. Tổng thống A. Lucasenô vừa ký sắc lệnh cho phép những công dân Việt Nam đã lao động tại Belarus trước năm 1992 được định cư hợp pháp, lâu dài ở Belarus.

Cũng như Việt Nam, Belarus là một đất nước có ngàn năm lịch sử, một dân tộc có nền văn hoá giàu bản sắc và cư trưởng trong chiến đấu giành độc lập tự do. Trong cuộc chiến tranh vệ quốc, chống phát-xít

ĐÍNH CHÍNH

BÁO Văn nghệ số 43, ra ngày 26 tháng 10 năm 2013 có bài trò chuyện với ông Vũ Khoan, Nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ, có tên gọi *Hội nhập trên nền tảng văn hóa* do nhà văn Văn Chính thực hiện. Do sơ xuất của tác giả và Ban Biên tập, bài viết đã có một vài sai sót đáng tiếc như sau:

• Ông Vũ Khoan có thời gian dài giữ chức Thứ trưởng Bộ Ngoại Giao; song chức danh Bộ trưởng của ông là Bộ trưởng Bộ Thương mại. Như vậy về chức danh của ông Vũ Khoan trong bài viết là không chính xác, xin được sửa lại là: Nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ, Nguyên Bộ trưởng Bộ Thương mại.

• Về nhân vật Thượng nghị sĩ Nhật bản được nhắc đến trong bài viết, không phải là ông Abe Shinzo, trùng tên với đương kim Thủ tướng Nhật như tác giả Văn Chính đã nhầm lẫn, mà là ông Wantanabe, một nhân vật hoàn toàn khác.

Những sai sót nói trên đã gây ra nhiều sự hiểu lầm đáng tiếc. Ban Biên tập tuần báo *Văn nghệ* xin được chân thành cáo lỗi với Nguyên Phó thủ tướng Vũ Khoan và bạn đọc.■

BÚT KÝ - PHÓNG SỰ

KỶ NIỆM 96 NĂM CÁCH MẠNG THÁNG 10 (7-11-1917 - 7-11-2013)

MINXCƠ MÙA TUYẾT CHƯA RƠI

Bút ký của NGÔ VINH BÌNH

1939 - 1945 quân và dân Belarus đã anh dũng chiến đấu và lập nên những chiến công vang dội, trong đó có đại chiến thắng Xtalingat của quân đội và cả những chiến công thầm lặng nhưng vĩ đại của những người du kích. Cho đến nay, gần 70 năm đã trôi qua rồi, nhưng tinh thần của cuộc chiến đấu năm xưa như vẫn còn tươi nguyên.

Đến Minxcơ, dù ở nơi nào chúng tôi cũng thấy toát lên niềm kiêu hãnh của người dân về đất nước tươi đẹp và anh hùng của mình. Những dòng chữ như *Minxcơ - Thành phố - Anh hùng* (*Minxcơ - Gôrôg - Gerôl*) được treo gần ở những ngã ba ngã tư, trên lối vào, lối ra thành phố. Rồi tượng đài chiến thắng với ngọn lửa vĩnh cửu; tượng Mẹ Tổ quốc, tượng Lênin vẫn sừng sững nơi công viên, nơi quảng trường trung tâm thành phố... Và, ngay cả khách sạn mà bạn bố trí cho các nhà báo Việt Nam ở cũng mang tên *40 năm Chiến thắng* (Khách sạn được xây dựng vào dịp Kỷ niệm 40 năm chiến thắng phát-xít 1945- 1985 và mang tên Sôrôc Gotrinhisa Pabedưt, ấn tượng hơn cả đối với những người lần đầu được đến Minxcơ như chúng tôi là được tới các bảo tàng.

Bảo tàng Lịch sử chiến tranh Vệ quốc vĩ đại còn có tên là Bảo tàng của *Hôm qua, Hôm nay, Ngày mai*. Ấn tượng nhất là khu vực giới thiệu những hoạt động du kích trong thời kỳ đầu chiến tranh, những công binh xưởng chế tạo vũ khí rất thủ công trong rừng; những lần lén băng gô lá đơn sơ là sở chỉ huy, là đại bản doanh của những Tư lệnh chiến dịch; và đây, những phương tiện thô sơ vận chuyển vũ khí, lương thực, vận chuyển thương bệnh binh ra mặt trận, về hậu phương... Rồi những cuốn nhật ký chiến trường bươm rách và ám khói đạn; những bức thư, tấm ảnh đã ngả màu được tìm thấy trong những cuộc diễn dã, khai quật tìm kiếm liệt sĩ... Bức chân dung bà Kupriannôpva, một bà mẹ Belarus tiêu biểu đã lần lượt tiễn 5 người con ra trận, để rồi chỉ còn một người sống sót trở về trên đôi nạng gỗ. Và đây nữa, những bức ảnh của các nhà lãnh đạo đất nước, những tướng soái... Tất cả đã gợi lên một thời binh lửa bi hùng của dân tộc này.

Chúng tôi đặc biệt chú ý đến một hiện vật, đó có khẩu súng AK47 của một chiến sĩ Quân đội Nhân dân Việt Nam, từng tham gia chiến đấu ở chiến trường miền Nam và đã anh dũng hy sinh trong cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc. Khẩu súng được Giám đốc Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam tặng cho đồng chí Mirôsvôvich Masêrôp, Anh hùng Lao động, Anh hùng Liên Xô, nguyên Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Belarus, trong một lần đồng chí sang thăm Việt Nam.

Bảo tàng Phòng tuyến Xtalin được xây dựng, tồn tại từ những năm đầu thế kỷ XXI và khánh thành vào năm 2005, đúng dịp kỷ niệm 60 năm "Ngày chiến thắng", chủ nghĩa phát-xít. Năm 2005 là năm chiến tranh Vệ quốc đã lùi xa tròn sáu chục năm, Liên Xô tan rã cũng đã 15 năm; lại nữa, đất nước Belarus đang gặp không ít khó khăn sau khi tuyên bố độc lập. Vậy mà, nhà nước vẫn đầu tư phục dựng và xây dựng một cụm di tích lịch sử quy mô hoành tráng với rất nhiều mô hình và cả hàng ngàn hiện vật, vũ khí, khí tài có từ thời chiến tranh thế giới thứ 2 gợi lại một cách sinh động cuộc chiến đấu vĩ đại của nhân dân Belarus và Hồng quân Xôviết, trong đó nổi bật lên là một cuộc chiến đấu, một trận đánh đã được ghi đậm trong lịch sử thế giới và là một nét son trong quân sử Belarus - Trận Xtalingrat, Phòng tuyến Xtalin...

Không chỉ ở các bảo tàng lớn như Bảo tàng Chiến tranh Vệ quốc, Bảo tàng

Phòng tuyến Xtalin mà ngay ở những bảo tàng, nhà truyền thống nhỏ khác, truyền thống anh hùng của quân đội và nhân dân Belarus cũng rất được chú ý. Ngay về thăm Lữ đoàn công binh số 2 Anh hùng chúng tôi thật sự bất ngờ và xúc động trước những hiện vật thời chiến được lưu giữ trong nhà truyền thống của đơn vị, trong số hiện vật được trưng bày có cả chiếc đĩa sơn mài của một vị tướng Việt Nam, tướng Nguyễn Quốc Khanh. Đồng chí thượng tá Lữ đoàn phó - Tham mưu trưởng nói, những hiện vật, những hình ảnh ở đây là niềm kiêu hãnh của người lính; đồng thời, là cội nguồn tạo nên sức mạnh của đơn vị...

Chiến tranh đã lùi xa, thế giới đang đổi thay từng ngày, nhưng lịch sử đất nước và truyền thống của dân tộc thì không thể đổi thay. Trong buổi làm việc với chúng tôi, đại tá Andorây Subadêrôp, Giám đốc Trung tâm thông tin thuộc Tổng cục công tác Tư tưởng quân đội Belarus đã nói như vậy. Ông cho biết thêm: Cũng như ở Việt Nam, đài và báo luôn có mục "Nhắn tim đồng đội" và ngày đêm những người lính vẫn miệt mài "đi tìm đồng đội", trên báo *Quân đội Belarus* (Vaiar) vẫn thường xuyên có chuyên mục "Những lá thư từ mặt trận" đăng những lá thư của các chiến sĩ Hồng quân gửi từ mặt trận phía Tây những năm đầu thập niên 40 của thế kỷ XX cho bạn bè, người thân ở hậu phương. Tổng tập báo quân đội của bạn còn cho biết: Suốt mấy chục năm nay, báo "Vaiar" vẫn giữ đều đặn chuyên mục này và không biết đến

bao giờ mới cạn nguồn tư liệu, bởi trong những năm chiến tranh Vệ quốc, cứ 3 người dân Belarus thì có một người hy sinh vì Tổ quốc! Tổng cục Công tác tư tưởng của quân đội Belarus còn có một cơ quan gọi là "Cục hồi tưởng chiến tranh" chuyên việc giải quyết những vấn đề tổn động sau chiến tranh. Hiện nay, quân đội Belarus vẫn tồn tại một tiểu đoàn đặc biệt, ngày ngày mài miết đi kiểm tìm đồng đội trên khắp các chiến trường xưa...

Đến Belarus thu này, chúng tôi cảm thấy ấm lòng khi biết cũng như ở quê mình, người dân nơi đây rất kiêu hãnh về quá khứ, tôn vinh và tri ân những người con yêu quý đã ngã xuống vì Tổ quốc. Chúng tôi cũng cảm nhận được tình người nơi đây. Tuy bỏ lỡ mất cơ hội được gặp gỡ giao lưu với các cựu chiến binh Belarus - những người đã góp phần làm nên chiến thắng của Việt Nam trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại miền Bắc của giặc Mỹ, đặc biệt là trong chiến dịch Điện Biên Phủ trên không dịp Nôen 1972, nhưng chúng tôi cũng đã có cơ hội được gặp và giao lưu với những người thầy ở Học viện Báo chí thuộc Đại học Tổng hợp Belarus. Các thầy cô nhớ từng sinh viên người Việt Nam từng học ở đây, trong đó tỏ ra tự hào về ông Dương Xuân Sơn - một sinh viên cũ của trường này, hiện đang công tác tại Khoa báo chí Đại học Quốc gia Hà Nội...

Ở Minxcơ có ít ngày, nhưng chỉ trong một lần đến thăm Sở quân Việt Nam tại Belarus ngân ngời chúng tôi đã phần nào

biết được về mối quan hệ giữa hai nước, hai dân tộc. Đại sứ Đỗ Văn Mai cho biết: Ngày 27/12/1991, Việt Nam công nhận độc lập của Belarus, sau đó ngày 24/1/1992 Việt Nam và Belarus thiết lập quan hệ ngoại giao ở cấp đại sứ và cử Đại sứ thường trú đầu tiên tại Belarus tháng 3/2005. Đại sứ cũng cho biết thêm, ngay từ thời Xô-viết mối quan hệ Việt Nam - Belarus đã rất thân nồng, bạn không chỉ giúp ta về giáo dục, đào tạo, nhất là dạy nghề cơ khí, cử cố vấn chuyên gia sang trực tiếp giúp Việt Nam những năm chiến tranh mà sau đó còn đưa cả những sản phẩm "đặc biệt" sang ta... ví như xe máy Minxcơ. Nói đến xe Min, tôi chợt nhớ tới một bài báo của mình in trên tờ Sài Gòn giải phóng cách đây hơn 20 năm (1992) có tựa đề *Lạng Sơn - thành phố đồ xe Min*. Bài báo có đoạn:

"Lần đầu tiên đến với tôi trong chuyến đi thăm Lạng Sơn là lần này không phải là những đoàn người "cửu vạn" thô, công, gánh, khiêng hàng hóa qua những con đường cheo leo nhỏ hẹp dọc biên giới Việt - Trung, cũng không phải là những núi bia Vạn Lức, những sọt những thùng táo Quảng Tây hay đồ gốm sứ, thủy tinh và bình thủy Trung Hoa một thời đại hay giả cổ mà là những chiếc xe, xe máy nhãn hiệu Minxcơ do Belarus thuộc Liên Xô cũ sản xuất. Tôi có cảm giác rằng, dường như tất cả xe Min được sản xuất từ cái nhà máy ở thủ đô Minxcơ đều được chuyển về đây - đất Lạng Sơn này của Việt Nam. Dọc đường 1A, đường 4... ào ào xe Min. Và xe Min "hội quân" đông hơn cả là ở các chợ Đông Kinh, Kỳ Lừa, Đồng Đăng, Chi Lăng, Thất Khê, Na Sầm... Ở đây màu đỏ của những chiếc xe sản xuất từ xứ sở bạch dương xa xôi này như lần ất, như làm mờ phai cả sắc chàm, cái màu đặc trưng của những phiên chợ vùng cao xứ Bắc. Xe Min không phải là loại xe máy thời thượng, thời trang, ăn xăng dầu nhiều nhưng bù lại giá cả phải chăng, vừa với túi tiền của người lao động, lại thích hợp với địa hình rừng núi nên nó đến với đất này một cách tự nhiên. Xe Min được dùng để chở hàng qua những con đường tiểu ngạch cheo leo, ngoằn ngoèo, nhỏ hẹp thay cho việc gửi vác bằng đôi vai của dân cửu vạn. Người ta cũng dùng xe Min để đưa đón khách du lịch, thường gia đình giao dịch, đi khỏi nguồn hàng. Xe Min trở thành cái cầu nối giữa những đoàn xe mang biển số Quảng Đông, Quảng Tây (Trung Quốc) với những xe mang biển số của Hà Nội, Hải Phòng và cả Đà Nẵng, Cần Thơ, Đà Lạt, Sài Gòn... xa xôi của Việt Nam. Tôi đã thử ngồi sau một con Min để vào chợ Đồng Đăng sắm uất, ngược đường số 4 dọc đường biên đến tận Bồng Lau, Thất Khê và queo qua các cửa khẩu nơi ta và bạn chỉ cách nhau một chiếc barie mảnh mai. Nhờ có chiếc xe Min, tôi đã len lỏi được tới bao ngõ ngách nơi đường biên xứ Lạng, đôi khi còn đưa được cả một bàn chân sang nước láng giềng..."

Nhà báo Tô Thành Tuyên, thành viên của đoàn nhà báo quân đội đến Belarus bạn thu này cứ tha thiết với Trung tướng Lê Phúc Nguyên - trưởng đoàn muốn được đến "mục sở thị" nơi là những chiếc xe Min vừa nói tới, nhưng trong chương trình làm việc của đoàn ta không có việc này... và thời gian về Hà Nội cũng đã cận kề, đành luyến tiếc, biết làm sao?!

Hy vọng sẽ còn gặp lại Minxcơ trong một mùa tuyết lại chưa rơi... Và, cảm ơn hai bạn Côli và Xecgây - những người bạn Belarus, những đồng nghiệp thân mến đã cùng chúng tôi đi suốt cuộc hành trình trên xứ bạch dương thơ mộng và hiếu khách, ngân ngời những đầy kỷ niệm!



Trước một ụ súng trên Phòng tuyến Xtalin năm xưa.

Ảnh PV báo Vaiar (Belarys)



Một góc quảng trường Trung tâm ở Minxcơ.

Ảnh NGÔ VINH BÌNH

Tiếng súng chỉ ục lên một cách khó nhọc. Ông già không ngập để cho sự kết thúc được có hậu, được thuận lòng người, thuận đất, thuận trời! Hai hàm răng cắn chặt. Cả đôi mắt, cơ mí kéo trợn trừng lên, thì lại lí trí ông đề xuống, cho nhắm nghiền, cho khỏi ai phải thương tiếc!

Tất cả những người có mặt trong đám tang của ông một cách bất đắc dĩ kia, chỉ lát nữa thôi, sẽ làm nốt cái việc mà loài người bày đặt ra, đó là chôn cất ông, như thế, để bố thí cho kẻ không còn được sống một chút thương xót cuối cùng. Nghĩa tử nghĩa tận!

Đúng như ông dự liệu, một ngôi mộ đá được xếp lên giữa đỉnh quả đồi trọc, nặng nề lửa trợn ngày như một sự trừng phạt. Sự trừng phạt còn thể thâm hơn, thể hiện bằng cuộc đua tiền lạnh căm, không một tiếng khóc.

Ngọn đồi chìm vào quá khứ đen ngòm. Đêm xâm chiếm cả vào giác quan của những người sống. Họ không cầu cho một cuộc siêu thoát nào.

Ngôi mộ - ngôi nhà mới của ông trở về với sự ắng lặng rừng rợn. Ông muốn được nghỉ ngơi. Thực sự là ông đã quá mệt mỏi. Chỉ có như thế ông mới được nghỉ và nghĩ theo ý mình. Thế là ông được nhìn mọi thứ bằng con mắt của người không thờ.

Ông già khép mắt, khép luôn cả suy nghĩ. Bên hàng xóm, từ nửa đêm hôm trước đến giờ luôn có một cô gái nhòm sang. Cô là người quen của ông, cô nhận ra ông vì, sự thật là suốt mấy chục năm qua cô vẫn theo ông không sót một bước. Cô không lánh người tiền đưa ông già, nhưng cô tránh mắt ông. Cô và ông vốn đồng trang lứa. Cô bị mặc định mãi mãi chỉ là một cô gái mười tám, không như ông già bây giờ, được bảy mươi.

Ông già chính là người đứng đầu của bộ tộc cô - một bộ tộc đã xuất hiện ở đất này gần ngàn năm rồi. Một bộ tộc "di cư" gần như trọn vẹn cả cuộc đời. Đất ở đâu tốt, trời ở đâu lành là đến. Chín mươi lần khai sơn phá thạch. Mười tám hai mươi việc lớn dựng nghiệp, cất nhà. Kết quả chỉ có hai tính từ mạnh và độc đoán vào loại bậc nhất từ điển tiếng Việt đó là "Độc" và "Khó". Kỷ lục đứng chân dài nhất của bộ tộc chỉ vẹn vẹn mười chín nóc nhà ấy là mười bốn năm trên đỉnh núi Khuất Trời. Mười chín nóc nhà và một bộ tộc có tên gọi như một sự mơ hồ, vất vưởng và luôn ở thì cuối của sự mong manh. Bộ tộc Không Có Thật! Tất nhiên rồi, không dung ai lại tự đặt cho mình cái tên như một hư từ thế. Lý do được đến từ hai phía, Bản thân bộ tộc tự nhận thấy mình không có thật và người ngoài nhìn vào bộ tộc cũng cho rằng không có thật. Tự hỏi mình là ai, không biết. Hỏi có ai biết mình là ai, cũng không biết.

Bộ tộc không biết mình là người gì, ở xã nào, huyện nào, tỉnh nào, thậm chí là đang ở dưới đất hay trên trời. Thực ra thì các nhà nghiên cứu văn hóa dân gian đã và đang săn lùng bộ tộc. Nhưng do sự tồn vong, bộ tộc phải cầm cổ chạy trên con đường đua mưu sinh, nên mất dấu. Có khi các thợ săn văn hóa vừa nghe thấy người Mông, người Thái nói bộ tộc ở ngọn đồi này, dòng suối kia... tìm đến nơi thì chỉ còn những cái mái lán đổ một màu vàng ủa cả chân trời.

Thế là bộ tộc Không Có Thật cứ vất vưởng một cách không có thật trong cộng đồng mấy chục dân tộc anh em. Cũng tủi thân, nhưng có lẽ những nhà sưu tập học chủng người còn tủi thân hơn vì không quyết toán được dự án.

Ông bạn già của cô gái mười tám chính là Khổng Minh của bộ tộc Không Có Thật. Ngay từ khi mới biết cầm cái cuốc, ông ấy đã biết cải tạo đất bạc màu bằng cách xếp đá chắn ngang núi để hứng màu, vì thế mà tuổi thọ của nương rẫy kéo dài từ ba mùa lá vàng lên mười bốn mùa, và dường như càng lâu năm thì càng tươi tốt.

Ông già cũng biết làm cho nước trào núi, trào cây bằng cách bắt con suối đi vào một thung lũng không có đường ra, nước càng chảy nhiều thì càng nhanh, quay cổ lại nhấn chìm cả đầu nguồn, tha hồ ao, ruộng.

Ông già cũng biết lập ra các quy tắc của bộ tộc để tôn vinh người già, bảo vệ phụ nữ, trẻ em; sau thắng hoa thành luật bảo vệ đời sống vốn nhiều lần chênh vênh trên bờ vực tuyệt chủng.

Ông già phát minh ra các cuộc họp, mà ở những miền văn minh, có thể đã phát kiến trước đó tới cả vạn năm, nhưng với một bộ tộc nhiều lúc còn không hiểu là từ trên trời rơi xuống hay dưới đất chui lên, thì họp là một phát minh tiến hóa vĩ đại.

Ngày chưa có ông già, mỗi khi cần nói, cả bộ tộc chụm đầu vào cái vĩa, thậm chí là chửi nhau. Miệng nào

phát ngôn, tai nấy lĩnh hội. Xong nhu cầu bộc lộ, chẳng cần biết có kết quả gì không, ai lại về lếu nấy ăn ngon, ngủ ngon.

Ông già phát minh ra người cầm chịch, đặt tên là "Trưởng nghe", sau nhiều lần sửa đổi bổ sung, lại thêm được vị trí "Trưởng nói". Hợp hành dần gia tăng mật độ, chất lượng cũng lên theo, lại phát minh ra một "ghế" quan trọng nữa gọi là "Tổng hợp ý kiến Hợp viên", nhưng cuối cùng, ông cũng được bộ tộc giao cho tất cả các việc ấy. Sau đó người ta tranh luận sôi nổi để đặt tên lại cho gọn. Có đề nghị rằng, gọi tên các chức danh ấy theo tên của ông già - A Số Một. Và thế thì, các chức danh "Trưởng nghe", "Trưởng nói", "Trưởng kết luận" sẽ gom thành chức "A Số Một". Ông già hình như thấy như

CÔNG DÂN PHÁT SINH

Truyện ngắn của NGUYỄN ĐỨC LỢI

thế là sượng, nên chốt hạ vẫn gọi các chức danh như cũ.

Thời gian qua đi, các chức danh trên lại một lần nữa được sửa đổi. Đây là lần du nhập văn minh đầu tiên, đúng kiểu quản lý hành chính, học lỏm từ các bản dân tộc khác, trên con đường du cư. Trưởng bản Không Có Thật ra đời thay thế cho "Trưởng nghe", "Trưởng nói", "Trưởng kết luận" bộ tộc Không Có Thật. Trưởng bản Không Có Thật tên cúng cơm vốn là A Vọt. Cái tên A Số Một là do dân bản tôn vinh.

Cô gái mười tám nhìn sang bên hàng xóm lần cuối rồi về. Bên ấy thật tối tăm. Cái tối tăm đúng như sự tăm tối của dân tộc cô từ thời bộ tộc đến khi gần chạm ngưỡng được công nhận là một dân tộc như năm tư dân tộc anh em khác. Chuyện làm chuyện ăn, chuyện no chuyện đói dường như không được để ý nhiều bằng chuyện tìm ra chính mình. Cứ vài ngày, các bộ lão lại mở tiệc họp bàn. Lúc đầu còn rụt rè, nhưng chỉ sau khi cạn ống rượu ủ từ lá rừng, nhấm nháp vài thứ lá lâu và miếng thịt thú rừng nướng là chuyện nổ giòn như súng sấm.

Giới hạn ngoại giao của bộ tộc Không Có Thật trước đây vốn chỉ dám mon men đến với các bản làng người Thái, Mông, Kháng, Khơ Mú... Nay A Số Một được bộ tộc bầu cho cơ man nào là bạc trắng, đào được ở một mỏ bạc lộ thiên trên dãy núi Đại Bằng, để làm lộ phí cho một cuộc "đột phá ngoại giao", đó là xâm nhập xuống vùng thấp với người Kinh. A Số Một không biết chữ phổ thông, nhưng biết cách đi đường ngắn nhất vào các ủy ban nhân dân xã, phường mà theo các dân tộc khác tiết

lộ, đó chính là Chính phủ địa phương, cai quản các dân tộc anh em. Bản Không Có Thật biết chọn mặt gửi vàng, vì A Số Một biết gần như tất cả tiếng nói của các dân tộc khác mỗi khi A Số Một có dịp ngang qua. Cũng thế, A Số Một học tiếng Kinh nhanh như bản năng săn thú.

A Số Một kết luận cuộc họp:

- Bụng no thì chân mới khoẻ, mà chân khoẻ thì mới đi xa được. Tất cả nghe lời ta, phá nương sấm, nương ngô đi để trồng cây thuốc phiện. Vì thuốc phiện bán cho người Kinh là nhanh thu tiền nhất.

- Đúng rồi.

Cả bản đồng thanh hô. Chưa có cuộc họp nào lại đồng thuận cao đến thế. Tất cả những thứ này phải để người Kinh giải quyết. Người Kinh, mà theo A Số Một và dân bản là vật chung gian lợi hại nhất. Cứ có người Kinh, xin lỗi, kể cả là chữa con gái nhưng khi để lại thành con trai. Với người Kinh, chuyện vô lí như kéo trời xuống làm ghế ngồi, lật đất lên làm mái che họ cũng làm được. Nghe nói họ còn làm được cái nhà có đầy đủ bàn ăn, giường ngủ, chỗ đi ỉa đi đại... bay ầm ầm trên trời. Họ bắt khẩu súng to như gốc cây trường rừng bay từ trái đất này sang trái đất khác, bùm một cái là người chết hàng loạt... Một vài công dân bộ tộc Không Có Thật vận dụng trí hiểu biết bập bùng, cự nự.

- Đây không phải sản phẩm của người Kinh mà của người Tây, nghe dân tộc khác kháo nhau vậy đấy. Ôi dào, Kinh và Tây là một. Làm rất giỏi, nghe nói ăn đấu nhau càng giỏi.

Người Kinh giỏi mọi thứ, nhưng đi bộ là kém nhất. Theo lệnh A Số Một, bộ tộc Không Có Thật cứ rồi là cuốc, rong rã ba năm xong một con đường cho người Kinh đi ngựa sắt lên. Họ dạy bộ tộc săn bắt thú quý, bán cho họ. Họ dạy bộ tộc phá rừng Pơ Mu, bán cho họ. Họ đưa văn hoá đổi truyến, văn hoá độc hại lên... A Số Một và dân bản mừng mừng tủi tủi, mặc kệ chuyện chẳng bao lâu, bản Không Có Thật và những cánh rừng họ dừng lại cư trú sẽ tan hoang như một bãi trầu đầm.

A Số Một lại bồng bế cả bộ tộc sang một vùng rừng giàu có khác, khai phá trồng thuốc phiện, xẻ gỗ, săn bắn động vật hoang dã, mở đường đón người Kinh lên mua hàng... Cánh rừng này tàn, bộ tộc Không Có Thật lại tìm đến cánh rừng khác. Cái cột mốc kỷ lục định cư mười bốn năm bị rơi vào lạc hậu. Một công cuộc du canh du cư hiện đại vào loại bậc nhất trong lịch sử bộ tộc được hình thành. Cứ đi, cứ phá. Phá cho đến khi nào rừng Tây Bắc không còn nữa, núi Tây Bắc không chịu đựng nổi nữa.

Cuối cùng thì cũng đến ngày tài nguyên cạn kiệt. Người Kinh là bậc thầy trong việc nuôi giấu. Đố ai biết trên đời này có bộ tộc Không Có Thật tồn tại và làm giàu cho lớp lớp người vùng thấp. Cô gái bắt đầu tự vấn. Thử chiếu lại chuyện xảy hôm trận mưa đầu mùa năm ngoái, bộ tộc viên A Kà đặt bẫy được một con rắn đen, đầu có bông hoa hồng, nặng tròn bốn mươi cân. Con trai A Kà là A Kục xuống núi mời người Kinh lên. Gã này trả giá một triệu ba cho một cân, rồi khiêng đi. Đúng lúc ấy có bốn cán bộ người Kinh khác, mặc áo màu xanh lá cây, bất ngờ ập đến. Họ đọc lệnh, lập biên bản thu giữ và giải gã lái rắn người Kinh ra khỏi nhà A Kà. Đi được một đoạn ngắn, họ dừng lại trao đổi. Gã lái rắn đưa cho bốn cán bộ một bọc tiền to gấp bốn lần số tiền A Kà bán con rắn. Cán bộ cầm đầu bảo:

- Vẫn còn thiếu!

- Đủ rồi mà anh.

- Thiếu suất của thằng dân tộc bán rắn.

- Em tưởng tiền ấy anh phạt nó.

- Phạt nó, lần sau nó có dám bắt rắn hổ mang chúa bán cho mày nữa không? Phải trả lại cho nó chứ!

- À! Vâng vâng, em hiểu. Em xin gửi nốt.

Bốn cán bộ bàn giao tất cả giấy tờ vừa lập cho gã lái rắn, rồi nhanh chân rẽ vào rừng. Đi một đoạn nữa, cán bộ cầm đầu hô:

- Anh em chú ý! Trên đỉnh Khỉ Phơi Nắng có tiếng xẻ gỗ, chia hai mũi tiếp cận, tiến!

- Rồi!

Cô gái mười tám lúc ấy mới chỉ lên mười, đứng nép vào bụi rau lợn, xem như trẻ con vùng thấp xem phim hành động của Mỹ, chẳng hiểu gì cả. Trên đỉnh Khỉ Phơi Nắng, kịch bản cũ diễn lại. Sau đó, mọi chuyện trở về vẻ thanh bình như vốn dĩ có núi, rừng, mây và gió.

Một cuộc họp khẩn cấp, nhưng không phải từ A Số Một như thông lệ, mà lệnh được ban ra từ các bộ lão:

- Đây là những đồng tiền cuối cùng, bản góp cho mày đi tìm cán bộ. Chúng ta không thể ở mãi mà không



Minh họa của VŨ ĐÌNH TUẤN

biết gì về mình.

- Nếu không thành công, mày hãy làm con ma đi, để cho trẻ con lên thay.

- Cho mày quyền được làm "Trưởng nói" lần cuối, nghe mày phát minh một lần nữa, không quan trọng là bao nhiêu năm, nhưng phải một trăm phần trăm được.

- (...).

Các ý kiến Hợp viên nhao nhao đổ vào A Số Một. Tan họp, A Số Một ra đầu núi Không Chân ngồi phỗng tám mắt thẳng như nòng súng kip xuống vùng thấp. Bao nhiêu phát kiến đều thất bại thê thảm. Đỉnh núi Khuất Trời giờ trở thành đỉnh núi Lộ Trời. Trời như cõi trưởng dưới con mắt của những ai biết xấu hổ.

Chẳng biết phát minh mới có đặc địa không. Mười chín nóc nhà cử được bốn thiếu niên do đích thân A Số Một dẫn sang bản dân tộc Kháng gửi làm con nuôi, lấy họ khẩu để đi học chữ, thực hiện chiến lược lâu dài là luồn sâu vào trong bụng Chính phủ địa phương. Dự định, hai đứa con gái có lợi thế thông minh, xinh đẹp là A Dung và A Dinh phải cài vào được uỷ ban nhân dân xã. Còn hai thằng hổ con A Sấm và A Sập thì cho đi bộ đội, học chiến đấu để biết cách bảo vệ bộ tộc.

Hôm A Số Một chia tay vợ con, bảo đi rất xa và rất lâu đấy. Hôm ấy là lần đầu tiên A Số Một tìm đến mộ cô gái. Cô ra, hôn nhẹ lên má thay cho một lời chúc phúc, an lành. A Số Một không hề hay biết, vẫn lầm rầm khấn: "Vi ta mà hai đứa hai núi, hai đường, hai nhà, hai suy nghĩ. Ta định không bao giờ ra đây đâu, nhưng vì ta đi chuyến này có thể là không trở về, nên thế. ở lại thì làm ma thiêng núi thiêng rừng...".

Cô gái nhớ như in cái ngày định mệnh của cô. A Tăng đến gõ vách. A Số Một thì đã tiến xa hơn một bước. Cậy vách. Vách nhà cô làm bằng gỗ khế, đóng đinh hộp già, khó cậy. Nhưng khó cậy hơn là vách lòng cô, thì cô đã mở cho A Số Một vào. Hôm ấy, nhà A Số Một có việc nên hai giờ sáng mới tới. A Tăng đã ở đó. A Tăng thổi kèn lá ma mị. A Số Một phải cậy vách bằng tay, nhưng tiếng kèn lá của A Tăng làm cho tất cả cửa khoá, vách cái bung lá tả. A Số Một thấy thế quay về. Nhưng rồi thì, đàn ông miền núi là thế, phàm cái gì không giải được là không thể ngủ, không thể ăn. Sớm hôm sau, A Số Một hùng hục đến nhà cô, lôi cô ra rừng:

- Mày là đồ chim cái! Minh hai đường đi, hai nơi sống. Minh hết sạch từ nay!

Nói xong, A Số Một mang khuôn mặt hể hả về. Còn cô vĩnh viễn nằm lại rừng ở tuổi mười tám - cái tuổi mới chỉ được chứng kiến một người cậy vách bằng tay và một người cậy vách bằng tiếng kèn. Hôm nay, trước khi A Số Một đi xa như A Số Một vừa nói, A Số Một đã đến và đã nói lời muốn nghe.

chiều rách đắp mặt không pháp phổng. Cô quay về. Rồi cô lại sang nữa. Thế giới của cô không có khái niệm ngày đêm và khái niệm thời gian. Lâu lâu, nhớ nhớ, là rục rịch, thế thôi. Ông già bị đánh thức. Ông nhìn chăm chăm bằng con mắt toàn lòng trắng. Rồi ông hỏi bằng một thứ tiếng mà lần đầu tiên ông nói, chắc chắn người bộ tộc ông không thể nghe hiểu, ông cũng không biết vì sao lại thế:

- Để cho ông yên!

- Ông..., anh không còn nhớ vách khế đóng đinh hộp?

- Ông..., à anh...

- Em là A Lau mà.

Ông già muốn bật dậy. Dây guột rừng dai như da trâu, lại là bọn thanh niên tay rắn như gỗ nghiêng, cuộn, thì làm sao vùng ra nổi.

A Lau ra hiệu cho ông già nằm yên.

- Một trăm ngày là đây mở. Người có tội như anh phải một nghìn ngày. Lúc đó tha hồ đi lại.

- Sao A Lau biết tôi ở đây?

- Một nghìn ngày nữa anh cũng nhìn xuyên thủng như em.

- Thế à! Nhưng, tôi tưởng A Lau còn thù tôi lắm?

- Thù trên kia, xuống đây cô đơn, chỉ nhớ. A Lau muốn hỏi anh chuyện anh đi rất lâu, đến chào A Lau và nói điều dễ nghe. A Lau nhìn thấy hết nhưng không nghe được gì.

A Số Một rưng rưng kể.

A Số Một đã lang thang đi tìm trí khôn cho bộ tộc, như một thằng ăn mày nơi quê lạ, suốt ngày nghe nghe ngóng ngóng mà chẳng gặp vị cứu rỗi nào. Chẳng nhìn thấy cái gì có dấu hiệu "thuốc chữa bệnh", ngoài những tấm gỗ vẽ những hình thù, phần giống người phần giống ma và, vô vàn những con giun ngoằn ngoèo với đầy đủ màu sắc xanh, trắng, đỏ, vàng... mà người Kinh gọi là chữ. A Số Một hỏi một người đi đường, người ấy bảo đó là biển quảng cáo. A Số Một không hiểu. Người ấy nói ngắn gọn:

- Nó chính là thứ mày không biết thì dạy cho mày biết; mày không tin thì bắt mày phải tin; mày không theo thì kéo mày theo... cùng ma cũng không cưỡng nổi!

A Số Một lại hỏi ai làm ra cái miếng văn thần diệu ấy, người kia bảo đó là họa sĩ, rồi chỉ đường cho A Số Một vào một cửa hiệu in chữ. Nghe A Số Một trình bày nỗi khổ tâm và sự bế tắc của mình, gã thợ in dò xét:

- Có tiền không?

- Có rất nhiều.

- Kiểm đầu ra làm tiền thế?

- Đào mỏ bạc; bán cây rừng, thú rừng và thuốc phiện.

Gã này nghe thấy thế, mắt sáng như sao:

- Muốn gì?

- Muốn dân bản tin là ta đã kéo được "chỉ đạo" lên núi để chỉ cho bộ tộc ta biết ta là ai?

- OK! Cứ có tiền thì bảo tao ăn bã nòn cho mày cũng OK!

A Số Một quăng cho gã thợ in một túi bạc trắng, rồi đi. Hai ngày sau A Số Một quay lại vác tám biển về, đóng cái biển lên cây to đầu bản. Con dân của A Số Một đổ ra xem xanh, đỏ, tím, vàng. Thằng A Sấm vô vẽ chữ nghĩa, đọc sang sảng: "Hãy đợi đấy, rồi cán bộ sẽ lên!". Cả bản hôm ấy thịt một con trâu, hai con lợn và mười chín con gà. Rượu lá rừng say, núi nghiêng hai ngày. A Số Một hôm sau lại khăn áo ra đi, lần này mang tám biển: "Đổi tên bản Không Có Thật thành bản Có Thật". Dân bản thịt hai con trâu, bốn con lợn và ba tám con gà. Rượu lá rừng say, núi nghiêng bốn ngày. A Số Một lại đi, lại mang biển về, lần nào cũng bảo làm theo chỉ đạo của cấp trên, bản nào cũng thế, toàn quốc giống nhau. Cả bản lại nhảy lên hò reo, thịt trâu, thịt lợn, thịt gà và núi lại say nghiêng ngả. Trong cơn say họ bảo nhau. Thế này thì đúng mình là công dân Việt Nam rồi. Ôi giới đi, sướng quá! Sướng phát điên lên quá!

Tính từ hôm chào A Lau, tròn sáu mươi năm cuộc đời, lần đầu tiên A Số Một biết thế nào là thị xã.

Thị xã tái thành lập. Sấm uất còn chưa kiến thiết. Vẫn chỉ nhà cấp bốn, nhà tạm nâng cấp theo hệ tư duy tịnh tiến. Hơn mười năm kể từ ngày thị xã chuyển đi xa, rồi lên thành phố, thị xã cũ tái lập người ta mới có được hai ngày hội lớn. Ngày hội thứ nhất ra mắt thị xã mới. Họ mở hội vì cơ hội lại quay về, nhất là hệ thống nhà hàng, khách sạn, siêu thị, xưởng, tiệm, quán, lò... có nguy cơ trôi cả những mảnh cổ phần nhỏ nhất xuống con "sông Đái" (Nậm Te). Ngày hội thứ hai là ngày bầu cử. Người ta mở hội vì hy vọng vào những đổi thay và một chu kỳ sự thật.

Vùng cao, sương nhòe nhòe đến tận trưa. Phóng viên ôm máy ảnh ngồi chờ từ sớm. Một tấm ảnh chụp bằng rôn chạy dòng chữ "Tổ bầu cử số 19, phường...". Tổ bầu cử số 19 đặt sát mép sông Đà - con sông xe mình từ mãi Ngụy Sơn, Vân Nam, Trung Quốc - mới vào Việt Nam được một quãng ngắn, nên hỗn cốt còn khách sáo lắm; màu nước và cả cái kiểu rêu rất chưa mấy thân thiện. Tổ bầu cử số 19 chỉ đông người phục vụ. Cử tri rải rác, đến sớm về sớm còn đi ăn nường, ăn chợ. Trời ứng thì tan sạch. Tay thợ cắt chữ ăn ngập răng tiền thù lao từ A Số Một, mới mách nước cho A Số Một lóc cóc đến bầu cử. Vẫn với khuôn mặt ngô ngố mà gã thợ tạo hóa nào đó, do thiên vị nên khi nặn người bộ tộc Không Có Thật đã cố tình kéo cái trán ngắn lại, các khoảng cách giữa mồm - mũi - mắt thì lại dài ra như không có

(Xem tiếp trang 8)

Cô gái lò dò sang. Ông già nằm thêm thiếp. Mạnh

SỞ TAY THƠ

KHOẢNG CÁCH

Chín tháng học xa,
một mùa bên anh không hết
ba ngón nắng em về
ba ngón nắng em đi.....

đêm đêm
anh nghe tóc em hắt bóng bên này
cửa sổ
khoảng cách ba mùa đại đại
tim tay.....

cánh tay anh im cánh tay em
cánh tay em im cánh
tay đêm.....

LÊ HUY QUANG

Lời bình của TRẦN VŨ LONG

ĐÂY là bài thơ nói về nỗi nhớ của đôi trẻ đang yêu nhau, người con trai nhớ về bạn gái. Thực ra tứ thơ khá đơn giản, cấu trúc thơ cũng không có gì đặc biệt, nhưng hình ảnh thơ độc đáo. Có lẽ phải đọc hơn hai lần ta mới có thể cảm nhận được cái hay của bài thơ, sự độc đáo trong cách

dùng từ và tạo hình ảnh. Mới đọc ta cảm nhận bài thơ có chút gì hơi ảo nhưng hóa ra lại rất thực. Thực một cách trong sáng. Thực một cách hồn nhiên. Thực một cách đáng yêu giống như tình yêu của đôi trẻ vậy. Tình yêu của đôi bạn trẻ phải chịu khoảng cách cả về thời gian và không gian. Chín tháng học xa, không chỉ là chín tháng em đi học xa anh mà còn có thể hiểu trong chín tháng đó đôi bạn trẻ phải làm quen, phải học cách xa nhau. Với tình yêu của đôi trẻ, sự chờ đợi đó quả là dài đằng đẳng. Dường như bù đắp cho sự chờ đợi suốt chín tháng bằng ba tháng ở bên nhau là không đủ: "một mùa bên anh không hết". Thời gian sao trôi nhanh quá. Ba tháng hè em về thoáng cái đã qua. Em ulla về như nắng và đi cũng vội vàng như nắng. Vì thời gian mà như ngắn thì kể cũng lạ nhưng không phải ngắn thời gian mà là ngắn nắng. Ba tháng hè như ba ngón nắng. Một nét độc đáo riêng, rất Lê Huy Quang. Nó gợi sức sống, rạo rực của tuổi trẻ lại vừa có chút gì băng khuâng tiếc nuối.

"đêm đêm
anh nghe tóc em hắt bóng bên này
cửa sổ

khoảng cách ba mùa đại đại
tim tay....."

Đọc đến đây ta cảm nhận được nỗi cô đơn đậm đặc quá. Nỗi cô đơn khi thiếu vắng người bạn gái khiến người con trai đó như bị ảo giác. Nhìn đâu cũng thấy gương mặt ấy, mái tóc ấy, bàn tay ấy... Lẽ ra phải viết anh nhìn thấy tóc em hắt bóng bên cửa sổ, nhưng Lê Huy Quang lại viết là anh nghe tóc em thì quả là đáng sợ. Đáng sợ bởi nỗi cô đơn ám ảnh thường trực. Chỉ một đêm thôi cũng có thể bằng ba mùa ta xa nhau. Đêm cứ tràn ngập, kỉ niệm cứ ulla về, hình bóng em cứ tràn đầy trong căn phòng ấy như sắp bóp nghẹt trái tim yêu của chàng trai. Người ta vẫn bảo đêm dài lắm mộng, nhưng với chàng trai này thì đêm dài với biết bao hoài niệm, biết bao hình dung và tưởng tượng. Và, sự tưởng tượng trong nỗi cô đơn của chàng trai đã được đẩy lên đến đỉnh điểm. Anh ta hình dung được ở bên cạnh người bạn gái. Hai cánh tay yêu thương được đặt gần nhau. Chỉ là cánh tay thôi, sao không phải là sự tiếp xúc thân thể nào khác. Câu thơ

này dường như thể hiện sự trong sáng, hồn nhiên trong tình yêu của đôi trẻ, cũng là của một thời đã qua. Thời bây giờ chắc ít gặp sự ví von yêu đương kiểu đó. Ta dễ dàng chứng minh được điều đó trong vô vàn các bài thơ tình của các nhà thơ trẻ hiện tại. Cũng có thể đó là sự liên tưởng. Ở nơi này anh đang nhớ về em và từ phương xa em cũng đang nhớ anh. Nỗi nhớ đưa hai con tim yêu thương đến với nhau, mọi khoảng cách về địa lý trở thành vô nghĩa. Lại một điều độc đáo nữa của nhà thơ khi ví cánh tay như cánh tay. Một sự ví von dường như vô nghĩa về mặt ngôn ngữ nhưng lại có lý trong hình tượng, khiến người đọc chấp nhận được rồi dẫn đến thích thú. Khi hai cánh tay hạnh phúc đó đang gần bên nhau thì có cánh tay đáng sợ của kẻ thứ ba xuất hiện, đó là cánh tay của màn đêm. Mà cánh tay của màn đêm thì dài bóp nghẹt sự nhớ nhung nhưng cũng đồng thời nuôi dưỡng tình yêu của đôi trai gái. Khoảng cách là một bài thơ độc đáo viết về tình yêu, nỗi nhớ và cô đơn, bởi tác giả đã thành công trong cách nói ẩn dụ để tạo nên hiệu quả hình ảnh.

CÔNG DÂN PHÁT SINH

(Tiếp theo trang 7)

điểm nút, nên nhìn nó cực kì vô lý. Riêng với A Số Một, cái vẻ kì dị chỉ hiện ở mặt phẳng một của không gian, do các chi tiết sắp xếp rối rắm, chứ trong đôi mắt sâu hun hút kia, hẳn chứa một cả một tâm vóc.

Thì đúng thế, thái độ và hành vi luôn là anh em, nên ngay tức thì, A Số Một xin ứng cử làm lãnh đạo. Tay tổ trưởng bầu cử mặt nghệt như mặt vịt phồng nghe tuyên ngôn, luỳnh quỳnh chạy ngược chạy xuôi, hội ý tổ, rồi xin phép. Tỉnh trả lời xuống thị, thị trả lời xuống phường, phường trả lời xuống tổ, tổ trả lời A Số Một:

- Không được! Cơ cấu bầu vào đấy rồi, nghe chưa!
- Ta không biết những thứ lạ hoắc đó. Ta chỉ biết, kiểu gì thì kiểu ta cũng như mọi người Kinh, người Mông, người Dao... ta có quyền ứng cử để làm cấp trên.
- (...).

A Số Một bất chợt nhớ cái "dự án" - nói leo gã thợ in - làm pa nô áp phích. A Số Một đã phải trả cả núi bạc cho hắn, để hắn làm cho một sê ri khẩu hiệu "Mỗi cặp vợ chồng không đẻ quá 2 con gái, 1 con trai"; "Ốm đau đi viện, chết hẳn cùng ma"; "Chăm học để làm trưởng bản tốt; chăm làm để thành nhân dân tốt"... toàn quốc giống nhau. Nhưng rồi mãi, rồi nhàm, nhất lại là khi thằng A Tốt vác tiền xuống mua một cái xe máy về chở gỗ lậu. Trên đường đi bị cảnh sát giao thông bắt, hỏi giấy xe, giấy người đều không có. Cảnh sát lại hỏi A Tốt kiểu, mày vừa ở trên trời xuống à. Theo chỉ dẫn của cảnh sát, muốn làm được giấy xe (đăng ký xe) thì phải làm giấy người 2 (bằng lái) bên Sở giao thông. A Tốt sang Sở giao thông xin làm cái giấy chết tiệt ấy thì họ đòi phải có giấy người 1 (chứng minh nhân dân). A Tốt vào làm giấy người 1, họ hỏi giấy nhà (sổ hộ khẩu), A Tốt không có, họ không công nhận là người của mặt đất.

A Tốt hỏi A Số Một. Cả bản hỏi A Số Một. A Số Một lặng câm. Thanh niên bản trèo lên giạt tất cả những tấm biển A Số Một mang về xuống, đập hết. Tấm biển "Đổi tên bản Không Có Thật thành bản Có Thật" là bị họ đập cho như tử nhất. A Số Một vác xác xuống bắt đến gã thợ in:

- Mày đúng là bọn Kinh. Nói thì thơm, làm thì thối.

Gã này sợ mất uy tín cửa hiệu, nên gọi vào quân sự cho kẻ đi ứng cử làm lãnh đạo...

Mặt tổ trưởng bầu cử, sau khi được cấp trên bổ túc, đồ phùng phùng, như đá đốt vôi. Anh ta lôi A Số Một ra, trấn tĩnh, giải thích; tay chêm bảo ào ào. A Số Một đuối dần, rồi nhụt, nhưng ruột vẫn sôi lên như bị nung. Không thể thua từ tóc xuống đến chân được, nên quay ra nêu yêu sách khác:

- Không được ứng cử làm cấp trên thì cho tao bầu cấp trên!
- Đã có thể cử tri chưa?
- Thế gì?
- Cái giấy... nói mày là công dân ấy!
- Chưa!
- Làm gì có chuyện chưa?
- Chưa thật! Chưa từ đầu xuống chân!
- Thế sống trên trời à?
- Gần trời, nhưng vẫn có đường xuống.
- Đi mấy ngày đến?
- Trong ngày thôi.
- Thế thì sao lại không là công dân, vớ vẩn. Công dân chính hãng rồi, hiểu chưa!
- Nhưng tao có cái giấy mày nói đâu!

Tay tổ trưởng bầu cử mặt lại nghệt ra như mặt vịt, lần lần gọi điện lên phường, phường gọi lên thị, thị gọi về tỉnh, tỉnh trả lời:

- Cậu linh động ghi đại một cái tên bản, làng nào đó đi!
- Báo cáo sếp, nhưng không có thể cử tri?
- Khất bác ấy đến kì bầu cử sau, còn bây giờ vào sổ là công dân vắng lai, công dân phát sinh.
- Tay này rón rén đặt ống nghe xuống, không một tiếng cách, quay sang A Số Một quát ông ông:
 - Năm năm nữa lấy giấy vàng. Giờ chỉ là công dân phát sinh thôi, nghe chưa.
 - Không được, phải có cái giấy để tao mang về.
 - Ờ, cái lão rợ này nhé, bỏ thì bỏ, không bỏ thì biến đi.

A Số Một lếch thếch ra đường. Lang thang qua từng quán rượu. Say mềm. A Số Một lần đến hiệu thợ in.

Mày lừa tao! Tao vẫn chưa biết tao là ai... chưa có cái giấy vàng. Hắn cười ha hả:

- Vẫn còn vô khác.
- Thôi, tao mỏi rồi.
- Sao mỗi sớm thế. Làm chính trị mà để đầu hàng thì làm thế đểch nào được, hả?
- Tao hiểu rồi, người Kinh chúng mày có câu "nuôi béo để thịt", tao vừa nghe được từ bà chủ quán gà nướng. Tao muốn làm một cái biển nữa, thế thôi, tiền đây, cầm tất đi mày.
- Biển gì?
- "Chặt phá rừng là chặt đầu vợ; hút thuốc phiện là hút máu con".
- OK! Lão này cũng biết làm thơ cơ đấy!

Gã thợ in lại cười ha hả. Xong xuôi, A Số Một đi tìm trùm ma túy Gấu Đen để đòi nợ. Không bao giờ gặp nữa. Hắn đã bị tử hình. A Số Một chỉ biết mỗi đường quay lại hiệu in, đợi vật vớ để được vác cái biển về. Lần này A Số Một không treo ở bản, mà mang đến cửa một cánh rừng duy nhất còn sót lại của Tây Bắc, đóng vào một cây cổ thụ mà A Số Một chắc chắn, ai vào rừng này thì cũng chặt cây ấy đầu tiên.

A Số Một không còn đường đi. Rừng và ruộng thú bị cái mưu kế mỗi nhử của A Số Một phá tan hoang... Thực ra thì cán bộ đã lên núi, nhưng chỉ lên tịch thu thú quý hiếm, tịch thu gỗ, tịch thu thuốc phiện... rồi về. Chắc chắn là họ đã nhìn thấy mười mười, nhưng lại không phát hiện ra bộ tộc Không Có Thật của A Số Một là có thật. Chắc chắn cán bộ nó đã nhiều thông minh, vậy mà lại nói không biết mình là ai?

A Số Một lật đật đi tìm khẩu súng săn vốn tin cậy như vợ của mình...

Dưới đáy mộ, A Số Một nhờ cô gái nhìn xuyên tường lại xem hai thằng hổ con A Sầm và A Sập có vào được bộ đội không. Cô gái trả lời rằng, hai thằng ấy vào được, học chiến đấu được, nhưng có bảo vệ được bộ tộc không thì mắt cô chưa chạm tới! Có điều chúng nó chắc chắn đã là công dân chính hiệu, chứ không còn là công dân phát sinh như bố nó nữa. Chúng nó nhất định sẽ đủ gan để ứng cử làm lãnh đạo!

N.Đ.L

THÁI HẢI

Thương lời hát ru

Cây đa làng rêu rác vương đỉnh đầu
lá trắng phờ mắt người trắng phờ
đôi bờ sông dọc ngang sạt lở
mái đình xưa bùn gọi mây Ngai

Cánh đồng mai bạc phếch
cánh đồng chiếu đỏ quạch
nhà không vách mái không tranh
nền tro đất túp lều nghiêng vắng khói

Con chó nhà ai mất vía sủa người thân
đầu cơ nghiệp của làng theo nhau trôi về biển
để lại dây thừng chủ buộc lưng quần
mục đồng mơ đêm trăng cùng ghé ọ

Bát cháo em thơ thóc giống nảy mầm
lão nông ngửa hổ mắt nhìn trời cao rộng
bão chống lũ theo sông về đâu không biết
chỉ biết bàn thờ dựng bên lều tranh

Quan tài đặt giữa nền nhà không cột
sau lũ nước mất lặn sâu vào đất
ẩn vào lời ru xa ngái vọng về
"đi đâu cho thiếp đi cùng..."

Làng rách từ gấu đến vai
hình hài đắp nên từ tình thần tổ tiên biến dạng
chỉ còn lời ca dao chẳng lặn vào đâu giữa đất nước
rộng dài
"nhiều điều phủ lấy giá gương..."

Vạn tấm lòng thảo thơm vạn tia nắng ban mai
chiếu rọi những bàn tay ngã ra bột trắng
giữa nước mắt - nụ cười với đầy khoảng lặng
kể nhận người cho máu chảy ruột mềm

Mắt người già thâm quầng ngấn lũ
dám ba nhà dựng tạm lá thắm nâu
vườn nhà ai thu về hoa quên nở
đọt bí ngon khoai tím tái nước phen
con trẻ ngập ngừng chờ áo mới

Cha vác cuốc lội đồng
mẹ bồng con lời ru đầm ướt
"còn da lông mọc..."
làng đi.

Khe Sanh

Chợt nhận ra gió của ngày bão lửa
Bông lau bên suối vật vờ

Người ta thức cho rừng cà phê ngủ
Tôi đi tôi giữa thị trấn xanh mơ

Tiếng gõ bát bên đồi
Mất nhịp
Trăng rằm tắm suối La La
Bạn đi tôi chấp chững đứng bên ngọn gió
Đêm Khe Sanh eo óc
Tiếng gà.

Cát

Khi hoàng hôn về bóng mẹ chạy dài. Cát khóc
vương trên tóc - lặn cong đôn gánh - quanh nòn
không vành

nước mắt cát khô giòn
mặn hơn muối xót
làng cát em tôi dấu chân bao đời không thành lối mòn

Cát hắt vào mặt biển
hắt vào rặng đỏ dựng chiều
quất rất đôi tay cuộn lên như sóng của cha
cát trắng trời
vợ ngóng chồng. Cát chảy

Sáng nay
những vù cát trắng hồng
theo em
theo gió
vạch nên đường cong mềm.

ĐỖ DOÃN PHƯƠNG

Viết cho em gái

Từ bậc thềm xuống dưới sân
Chúng ta đã bao nhiêu lần nhảy, nhảy
Điều nhảy lò cò một chân
Ơi em gái yêu của anh!
Từ hồi anh còn tị em rửa bát, nấu ăn
Đến ngày anh lo cho em như cha để

Em đã giấu anh, ngày em trở thành con gái
Anh đã lấy tay che mắt khi em lần đầu có bạn trai
Rồi em lấy chồng, khệ nệ bụng bầu và trở thành
người đàn bà xa lạ

Anh đã không dám nhìn em sinh con với một
chậu huyết

Tình cha huyết mẹ cho em, hết cho anh
Nên anh thấy mình như vừa phải đổ máu

Mỗi lần đến thăm gia đình em, ngắm các cháu
Anh thấy thân thể em san ra trên mặt đất
Anh chẳng thể đủ tay để ôm và lo hết
Dù máu kia, thịt kia trong anh vẫn liến một dải
Trong bộ xương canxi của chúng ta

Giờ đây, cùng trở về căn nhà xưa vào ngày
mẹ ốm đau

Bật khóc trước em
Anh nhận ra em cũng là mẹ của mình.

Di chúc

Sau này, bố thành nhà văn lớn
Các con có điều kiện làm nhà lưu niệm bố
Trên mảnh đất, bố đã chịn cả đời mình vào
Chữ không phải miếng đất mua lại của người khác

Các con hãy bày tác phẩm của bố, hàng dọc,
hàng ngang
Tác phẩm dở ở trên, bực khi xem, người ta sẽ nhớ
Thối xấu, lỗi lầm, thật ra, gần với bố nhất lúc sống
Các con cứ lấy trưng bày

Những gì bố muốn quên đi
Lại chiếm trọn tâm hồn bố
Còn những gì ghi trong di chúc
Thực ra bố lại không cần

Nhà lưu niệm bố, nếu đoàn khách nào ghé qua
Con chỉ cần giới thiệu: đây là cuộc đời chính ông ấy
cũng không hiểu
Vậy ai hiểu thế nào mặc người.

Tình yêu 6

Anh không thể nghĩ thấy mùi hương em kể
Anh không thể nghe thấy âm thanh em tả
Anh không thể sống bằng giác quan của em
Trùng nơi em đứng

Nếu em bé lại như cây hoa, anh sẽ đánh vào chậu cảnh
Nếu em phẳng dẹt như bức ảnh, anh sẽ lồng vào khung

Nếu ảo ảnh hư vô, anh sẽ hoá em vào thơ
Chúng ta bắt đầu nối thông nhau
Hợp thể.



TRẦN ĐÌNH NHÂN

Người đàn bà mùa thu

Lặng tim kỷ ức
Người đàn bà trở ngược nắng trưa
Lục bình hoa tím ngắt
Sông Đồng Nai xanh dọc thàng năm xưa

Người đàn bà
nghe bóng chiều quạnh quẽ
Hương bưởi xanh trước thềm
Ba mươi năm một lần trở lại
Tuổi hoa niên ai thắm gọi tên mình

Như vội vã tháng năm xa kỳ ảo
Mặn mòi sợi tóc sương bay
Bao xa cách trở về hồi hải
Một thời trẻ dại gió lay

"Quê nhà... bấy lâu như đất khách
Một lần ghé vội rồi đi"
Nắng chớm lạnh mùa thu chợt biếc
Trên môi người rèm cửa gió se.

* Thơ của Trương Bích Phượng, người Việt gốc Hoa, hiện đang sống ở Canada.

Lời thủy tinh

Đừng đổ lỗi cho ta
Ta chẳng có tội gì
Chậm lễ vật
Người ngọc về tay kẻ khác
Cơn buồn chán ta găm gào tỷ chút
Đâu có gây tang tóc cánh rừng thưa

Nàng My Nương xinh đẹp nhường kia
Ta có hận là hận ta chậm bước
Trái tim càng tan nát
Ta càng yêu, càng gần bỏ trần gian

Không lẽ nào một chút đa mang
Ta thành kẻ tội đồ muôn kiếp

Ta khát khao bầu trời trong vắt
Với màu mơ quyến rũ ngàn hoa
Để sớm mai hay dưới nắng chiều tà
Ta từ xa ngắm người ngọc
qua màn sương mỏng
Ta làm gió đưa hương rừng ngào ngạt
Làm sóng rầm rì dạo khúc tình ca.

Tìm xưa trên phố

Thu về phố đã xanh chưa
Heo may lạc ngõ buồn xưa phố phường
Trời thu quải nắng tha hương
Phố xao xác phố giảng đường người đi

Ơi người ở phía xanh rì
Nước non gió tạt nổi gì gió ơi
Giò hồn gió vút chơi vơi
Để bằng quơ những ru hời bóng mây

Nẻo xa sương lạnh trăng gầy
Mỏng tang câu hát thàng ngày cách xa
Mảnh như khói lững lờ qua
Mà nghe thấp thỏm như tà áo ai

Trải bao đất rộng sông dài
Bao nhiêu xa ngái còn ngoài thàng năm
Hồi người ở bến xa xăm
Có nghe đất thấm trở thấm sang thu.

VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

N GÀY 9 tháng 10 năm 2013, đoàn nhà văn Việt Nam gồm nhà thơ Trần Hùng, dịch giả Nguyễn Thị Kim Hiền và tôi đã đến Yakutsk, thủ đô nước Cộng hòa Yakutia, còn gọi là nước Cộng hòa Sakha. Chúng tôi đến để dự Liên hoan thơ quốc tế lần thứ hai được tổ chức tại thành phố này. Ngoài ra, được sự phân công của Thường vụ Hội Nhà văn, tôi sẽ làm việc với Ban lãnh đạo Hội Nhà văn Yakutia về hợp tác mà chủ yếu là dịch thuật trong tương lai giữa hai Hội Nhà văn. Chúng tôi đến Moscow và từ đó bay đi Yakutsk cùng với dịch giả Nguyễn Thị Kim Hiền. Nếu không có chị, chúng tôi sẽ trở thành những kẻ cầm điếu vì không biết tiếng Nga.

Trước khi lên đường, tôi đã tìm hiểu đất nước này. Và hầu như những người Việt Nam được hỏi đều không biết gì về xứ sở đó. Trên Google có mấy dòng về Cộng hòa Yakutia: "Cộng hòa Yakutia (còn gọi là Sakha) có diện tích rộng gấp ba lần nước Pháp với gần một triệu dân. Thành phố Yakutsk là thành phố lạnh nhất hành tinh. Yakutia là một trong những nơi khai thác kim cương lớn nhất thế giới. Nhiệt độ trung bình mùa đông ở Yakutia là năm mươi độ dưới 0". Nhưng chính những thông tin đơn giản ấy lại quyến rũ chúng tôi. Tôi thực sự muốn đặt chân lên xứ sở đó, tôi muốn biết trong thế giới của tuyết và băng giá ấy, thơ ca đã cất tiếng nói của nó như thế nào.

Năm 2012, Nhà thơ Natalia Kharlampieva, nhà thơ Nhân dân của Yakutia, Chủ tịch Hội Nhà văn Yakutia, đã sang dự Liên hoan thơ Châu Á - Thái Bình Dương lần thứ nhất do Hội Nhà văn Việt Nam tổ chức. Bà vô cùng ấn tượng. Trở về nước, bà đã báo cáo Chính phủ Yakutia và xin được tổ chức Liên hoan thơ quốc tế hằng năm tại thủ đô Yakutsk. Khi chúng tôi đặt chân xuống sân bay thủ đô Yakutsk, chúng tôi đã hình dung một phần nào về mùa đông của xứ sở này. Mới đang mùa thu, nhưng nhiệt độ đã hơn mười độ dưới 0. Và con sông Lena, con sông lớn nhất và kỳ bí nhất của Yakutia, nước hai bên bờ đã đóng băng. Bà Chủ tịch Hội Nhà văn Yakutia ra sân bay đón chúng tôi. Những cô gái trẻ Yakutia dâng bánh mì, muối và sữa ngựa chua chào đón những sứ giả thi ca đến từ nhiều miền của thế giới. Chỉ mới thế thôi, chúng tôi đã thấy cảnh đường vắng đặc mà mình đã đi và cái lạnh ghê gớm đối với những người sống ở một đất nước nhiệt đới dần dần tan biến.

Liên hoan thơ quốc tế ở Yakutsk có tên: "Ân sủng mùa tuyết lớn". Tôi được biết đây là cái tên được dùng cho tới khi không còn Liên hoan thơ ở đất nước này nữa thì thôi. Tuyết là ân sủng đối với người Yakutia. Mỗi cuộc đời con người nơi đây gắn liền với tuyết. Tuyết mang nhịp đập và giai điệu cuộc sống của họ, tuyết là bạn đồng hành và là tri âm của họ, tuyết làm nên sức mạnh và văn hóa của họ. Ở Yakutia, mùa đông có những nơi lạnh đến hơn bảy mươi độ dưới 0. Tôi không hình dung được sự sống trong nhiệt độ đó. Người dân ở đây nói vào thời gian lạnh nhất, họ không được phép tắt máy xe hơi. Họ nỗ lực cho đến khi thời tiết ấm hơn mới thôi. Vì nếu họ tắt máy thì sau mùa đông họ không thể khởi động xe được nữa vì cái lạnh bảy mươi độ dưới 0 có thể bóp vỡ máy xe hơi. Mỗi năm đất đai xứ sở này chỉ có một khoảng thời gian hơn ba tháng gọi là đất ấm để trồng một vụ khoai tây hay rau quả mà thôi. Mỗi đầu tháng Mười khi mà ở Moscow cây đang bắt đầu ngả sang màu vàng thì ở Yakutsk, nước ở những vùng cận đã đóng băng và băng chỉ tan hết vào đầu tháng sáu năm sau. Khi chúng tôi đến Yakutsk thì người dân ở đây đang hân hoan khi họ đã trồng được dưa hấu, cho dù phải trồng trong nhà kính.

Chính phủ Yakutsk quyết định ba đơn vị cùng đứng ra tổ chức Liên hoan thơ quốc tế trên đất nước họ: Bộ Văn hóa và Phát triển Tinh thần, Đại học tổng hợp Phương Bắc và Hội Nhà văn Yakutia.

TRONG THẾ GIỚI CỦA TUYẾT VÀ BĂNG GIÁ

Ghi chép của NGUYỄN QUANG THIỀU



Chủ tịch Hội Nhà văn Yakutia đón các nhà thơ tại sân bay.

Lần đầu tiên tôi biết có một Bộ có chức năng "phát triển tinh thần". Tôi không kịp tìm hiểu họ làm gì trong việc "phát triển tinh thần" cho dân tộc họ. Nhưng chỉ nghe như thế thôi đã thấy được sứ mệnh lớn lao và thiêng liêng đối với con người của Chính phủ Yakutsk. Trong suốt những ngày ở Yakutia và trên đường trở về quê hương của mình, tôi đã nghĩ về điều ấy rất nhiều. Phải chăng chính điều đó đã làm cho gương mặt mỗi người dân nơi đây tôi gặp luôn tỏa sáng cùng với một nụ cười bình yên như chẳng có chuyện gì phiền muộn xảy ra trên đất nước của tuyết trắng và băng giá này.

Năm nay, Tổng thống Cộng hòa Yakutia đi công tác nước ngoài trong dịp tiến hành Liên hoan thơ quốc tế, ông không đến được để chúc mừng các nhà thơ. Ông đã gửi thư cho Liên hoan thơ và Chủ tịch Hội Nhà văn Yakutsk đã đọc lá thư đó trong lễ khai mạc. Toàn văn bức thư của Tổng thống Yakutia như sau:

Các bạn thân mến!

Thay mặt Lãnh đạo nước Cộng hòa Sakha (Yakutia) và nhân dân cả nhân, tôi xin chào mừng tất cả những người tham gia, các vị khách mời và các nhà tổ chức Liên hoan thơ quốc tế "Ân sủng mùa tuyết lớn!" lần thứ II.

Thơ ca nói riêng và văn học nói chung đã và đang là cốt lõi tinh thần xác định các nguyên tắc nền tảng đạo đức và luân lý xã hội, buộc chúng ta suy nghĩ về các giá trị vĩnh cửu, khiến chúng ta suy nghĩ về những điều tốt đẹp và mong muốn làm cho cuộc sống tươi đẹp hơn. Ngày nay, khẩu hiệu "Tình bạn giữa các nhà văn chính là tình hữu nghị giữa các dân tộc" trở nên thiết thực hơn bao giờ hết. Bởi vì, thông qua tác phẩm của các nhà văn, nhà thơ, chúng ta tìm hiểu về tâm hồn và văn hóa của các dân tộc khác để làm phong phú thêm kiến thức của mình, và điều đó giúp chúng ta sống hòa nhập trong thế giới hiện đại. Bản thân tên của Liên hoan có ý nghĩa liên kết, tượng trưng cho sự tinh khiết và vẻ đẹp miền đất phương Bắc của chúng tôi, là sự cộng hưởng giữa tư tưởng con người và sức mạnh thiên nhiên.

Liên hoan thơ quốc tế "Ân sủng mùa tuyết lớn" được tổ chức tại Yakutia lần thứ hai. Liên hoan năm ngoái không chỉ là ngày hội và cơ hội giao lưu sáng tạo của các nhà thơ, là dịp gặp gỡ với độc giả yêu thơ, mà là đóng góp đáng kể cho hình ảnh của đất nước. Tôi tin tưởng rằng Liên hoan thơ lần này sẽ được nhớ đến như một sự kiện nổi bật trong đời sống văn hóa và văn học của đất nước và trở thành một giai đoạn hội tụ tiếp theo giữa các

nền văn học, thúc đẩy tình hữu nghị và hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc.

Tôi xin chúc các đại biểu tham dự Liên hoan Thơ quốc tế "Ân sủng mùa tuyết lớn" những cuộc hội ngộ thú vị, nhiều cảm hứng và những ấn tượng rực rỡ!

*Tổng thống nước Cộng hòa Sakha
(Yakutia)*

Egor Borisov

Và trong lễ khai mạc cũng như những ngày tiếp theo, các nhà thơ quốc tế và các nhà thơ Yakutia đã đọc thơ mà chủ yếu là thơ viết về tuyết. Trong đêm khai mạc Liên hoan thơ, nhà thơ Natalia Kharlampieva tỏ ra tiếc nuối khi tuyết chưa bay trên xứ sở của bà. Liên hoan thơ năm ngoái, sau khi lễ khai mạc Liên hoan thơ quốc tế "Ân sủng mùa tuyết lớn" vừa kết thúc thì tuyết đã từ trời cao đổ xuống. Chúng tôi, những nhà thơ Việt Nam đã nói với các nhà thơ Yakutsk rằng: tuyết sẽ bay trong những ngày Liên hoan thơ. Chúng tôi nói vậy bởi chính chúng tôi mong được nhìn tuyết bay. Và đến ngày thứ hai của Liên hoan thơ, vào lúc nửa đêm, tôi mở cửa sổ phòng ngủ ở khách sạn. Và tôi đã lặng người xúc động. Ở bên ngoài cửa sổ, từ trời đêm thăm thẳm của phương Bắc, tuyết đang lông lắt bay về thành phố. Và trong đêm ấy, nhà thơ Trần Hùng đã sáng tác một bài thơ về tuyết. Sáng hôm sau tỉnh dậy bước ra ngoài, thành phố Yakutsk như hiện ra lần đầu tiên với ngay cả người dân của thành phố đó. Đêm qua, khi mọi người đang ngủ, tuyết đã về lại thành phố ấy, tuyết đã về lại bản đồ thế giới. Văn những ngôi nhà ấy, những con đường ấy, những hàng cây ấy... nhưng bây giờ đã mang một vẻ đẹp mới, một tinh thần mới. Tất cả hiện lên lung lất, tinh khiết và yên bình. Và hơn một lần, tôi mong một ngày nào đó khi tỉnh dậy, thế giới đã được về lại. Một thế giới mới hiện ra, một thế giới không chiến tranh, không thù hận, không độc ác, không đói nghèo và không bệnh tật... Đó là một thế giới mà thơ ca bao đời nay đã từng nói đến, đang nói đến và sẽ còn nói đến và nhiều khi nói bằng chính ngôn từ đau đớn và tuyệt vọng của mình.

Cộng hòa Yakutia có nhiều dân tộc khác nhau. Nhưng người Yakutsk chiếm 60%. Họ nói họ là hậu duệ của Thành Cát Tư Hãn. Trong những nhà thơ dự Liên hoan thơ có một nhà thơ, một nhà nghiên cứu và viết nhiều sách về Thành Cát Tư Hãn. Họ rất tự hào về ông. Một lần nói chuyện về Thành Cát Tư Hãn, khi kết thúc phần nói chuyện của mình, nhà thơ ấy dừng lại rồi nói: "Nhưng Thành Cát Tư Hãn đã bị người Việt Nam đánh bại".

Nghe xong, tôi thực sự xúc động. Tôi xúc động không phải chỉ vì niềm tự hào về dân tộc mình. Tôi xúc động bởi sự tôn trọng sự thật và công bằng với lịch sử của nhà thơ kia hay nói khác là của dân tộc họ. Và trong một lần đọc thơ, tôi đã nói về tuyết, tôi đã nói về cảm xúc của những nhà thơ Việt Nam tham dự Liên hoan thơ "Ân sủng mùa tuyết lớn" và của cá nhân tôi. Ngay sau đó, đại diện của cộng đồng người Yakutsk đã công nhận tôi là công dân danh dự của người Yakutsk. Họ tặng tôi quốc kỳ của Yakutia và một chiếc bình gốm dùng để uống sữa ngựa. Chiếc bình đó đã trở thành biểu tượng của Cộng hòa Yakutia. Một người Yakutsk nói với tôi rằng: ông đã nói về tuyết như vậy nghĩa là ông đã hiểu tuyết. Hiểu được tuyết thì ông có thể sống trong tuyết ở nhiệt độ năm mươi độ dưới 0.

Một lần ngồi ăn cơm, một nhà thơ nữ người Yakutsk hỏi tôi vì sao người Việt Nam có thể thắng được Thành Cát Tư Hãn? Tôi đã nói với bà rằng: Vì chúng tôi yêu xứ sở của mình bằng mọi giá. Và vì đối với đội quân của Thành Cát Tư Hãn thì trời càng băng giá đường đi của mũi tên của đội quân ông càng căng, đường gươm của đội quân ông càng sắc. Nhưng ở xứ nhiệt đới nóng ẩm đã làm đường đi của những mũi tên ấy chùng xuống và đường gươm ấy trở nên rã rời. Nhưng lịch sử buồn ấy giờ đã lùi xa, nó đã trở thành một bài học chỉ đường cho những thế hệ người sau này biết làm gì cho dân tộc mình và cho thế giới chứ không phải biết tiến hành một cuộc chiến. Đến bây giờ, cuộc chiến tranh ấy chỉ còn vọng lại trên thế gian này như một bài thơ mang âm hưởng riêng biệt của nó.

Trước khi Liên hoan thơ kết thúc, thay mặt Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam và được ủy quyền của Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam, chúng tôi đã làm việc với Chủ tịch Hội Nhà văn Yakutia. Chúng tôi đi đến thỏa thuận hợp tác với hai mục tiêu: Một, hai bên sẽ dịch và xuất bản các tác phẩm văn học tiêu biểu bắt đầu từ năm 2014. Hai, tăng cường các cuộc giao lưu của các nhà văn hai nước, đặc biệt là tham dự các Liên hoan thơ quốc tế do mỗi bên tổ chức. Trong buổi làm việc đó, bà Chủ tịch văn tiếp là năm nay tuyết xuống muộn và chưa nhiều để các nhà thơ có thể ngồi trên những chiếc xe tuyết để những chú tuần lộc kéo đến đọc thơ cho công chúng. Tôi nghĩ, đó là một trong những hình ảnh đẹp và nhân tính nhất của thế gian.

Chúng tôi rời thủ đô Yakutsk trở về nước khi tuyết trắng đang dần phủ kín những mái nhà, những con đường ở đó. Chủ tịch Hội Nhà văn Yakutia ra tận sân bay tiễn chúng tôi lúc mờ sáng. Đêm hôm trước, trong bữa tiệc chia tay, Hội Nhà văn Yakutia đã tặng cho mỗi nhà thơ tham dự Liên hoan thơ quốc tế một viên kim cương kèm theo hồ sơ về viên kim cương đó. Kim cương là một trong những sản vật nổi tiếng nhất của Yakutia. Một viên kim cương rất nhỏ, nó lấp lánh như một bông tuyết của xứ sở này. Viên kim cương nhỏ đó không chứa đựng một tài sản vật chất mà chứa đựng vẻ đẹp lòng lấy và kỳ bí của thiên nhiên, vẻ đẹp thuần khiết và lung lất của con người đất nước Yakutia. Đó là bông tuyết không bao giờ tan trong kỷ ức chúng tôi. Đó là bông tuyết mà tôi cảm thấy rằng: mỗi khi lắng nghe nó, tôi thấy thi ca vang lên. Và khi thi ca vang lên (giống như lúc tuyết bay về từ thăm thẳm trời cao), một thế giới mới lại mở ra, một thế giới được vẽ lại bằng những giấc mơ lung lất nhất của các thi sỹ. ■

Hà Đông, 27.10.2013

MỘT SỐ BÀI THƠ ĐỌC TRONG LIÊN HOAN THƠ QUỐC TẾ TẠI YAKUTSK

NATALIA KHARLAMPIEVA

Nhà thơ Nhân dân,
Chủ tịch Hội Nhà văn Yakutia (thuộc Liên bang Nga)

Ba đoản khúc về những người đàn bà bộ lạc Turkic*

1.
Thảo nguyên tận chân trời
Cỏ Covyli như tóc bím xòa tung tuôn chảy.
Có phải nơi đây kỷ niệm và tên tuổi các chị chôn vùi
trong thảo nguyên
Tan ra như bụi và bốc hơi như sương trên cỏ?

Chiến tranh, xung đột và thù hận
làm hao gầy ngực các chị thật tham lam.
Không hứa hẹn đối lại điều gì
Chỉ có những vết chày được nhân lên gấp bội.
Còn gì lưu lại cho thời đại chúng tôi
Chỉ là ánh sáng chảy từ đôi mắt của các chị...

Tôi đi, hạt cườm lấp lánh
Mái tóc cắt ngắn thời trang
Nhưng dường như có thứ gì níu giữ tôi
Phải chăng bím tóc nặng từ ngàn năm trước?

Tôi đứng trên đường ranh nhỏ hẹp
Những thế kỷ tranh chấp và xung đột.
Một điều bí mật trong hồn tôi -
Nét ngang ngạnh tự hào
Truyền lại từ những người đàn bà bộ lạc Turkic.

2.
Ô, những người chị em nghiêm khắc của tôi!
Hy vọng và khẩn cầu của tôi vươn tới các chị như
những cánh tay
Hãy ban cho tôi lòng chịu đựng khi các chị tiến
chống ra trận
Át nổi buồn bằng tiếng hát bay tới trời xanh

Giữa thảo nguyên không bến bờ, chỉ có bầu trời và gió
Các chị là trung tâm sự sống mà bản thân không tự biết
Các chị tìm kiếm thần chiến tranh điên rồ
Và rửa kiếm bằng nước mắt của mình.
Chính các chị phát ra ánh sáng trong đêm tối
Dưới trăng, các chị lóng lánh như bạc từ đồ trang
sức trên ngực mình.

Hãy dạy cho tôi không gục ngã vì đau đớn và tai họa
Hãy chia sẻ với tôi lòng kiên nhẫn
Ô, những người chị nghiêm khắc của tôi
Hãy ban cho tôi sự sáng suốt linh thiêng đã cứu rỗi
các chị trên đường
Khi các chị đi về phương Bắc, giữ lửa sống trong
ngực và nguyện cầu thần linh đừng từ bỏ

Các chị đưa Aysyt* theo mình, nữ thần ban phát
những đứa con
Các chị mang thai sinh nở không một tiếng than
Ô, các bà chị nghiêm khắc của tôi
Tôi cầu khẩn chân thành
Nguyên cho tôi sáng suốt khôn ngoan!

3.
Và đây, tôi đứng trên ngưỡng cửa một ngày đang đến
Bảng trái tim mình, tôi cảm thấy con đường này
được truyền lại cho tôi
Không chỉ đơn giản bởi số phận,
Mà còn bởi máu nóng những người đàn bà Turkic cổ
xưa, say ngất ngây từ khi tôi ra đời - dòng máu lẫn
trong sữa mẹ nuôi ta từ tấm bé
Và những nghĩ suy sáng láng, sự thông thái, niềm
kiêu hãnh và dáng hình
Qua những chặng đường và tháng năm
Mở ra cho ta di chúc giản dị -
Sức mạnh nhân dân nằm trong sự tử tế...

* Các dân tộc Tukich, là các dân tộc nói nhóm ngôn ngữ
Turk, thuộc hệ dân Á Âu, định cư ở miền Bắc, Trung và Tây
lục địa Á-Âu. Bao gồm người Kazakh, Uzbek, Kyrgyz,
Uyghur, Azerbaijan, Turkmen, Tatar, Qashkai, Bashkir,
Chuvash, Afshar và người Thổ Nhĩ Kỳ.

*Aysyt là vị thần của người Yakut, chuyên bảo vệ trẻ em
và gia súc.

SAILUKMAA SALCHAKOVNA KOMBU

Sinh năm 1960. Nhà thơ nước Cộng hòa Tuva
(LB Nga), hội viên Hội Nhà văn Nga, tiến sỹ ngôn
ngữ học. Bà từng dịch thơ của Xuân Quỳnh, Ý Nhi.

Sonnet

Tuyết đầu mùa – tấm khăn choàng trắng muốt.
Những dốc núi – những sợi chỉ kim cương
Ánh trắng trải ra như tấm lụa mờ.
Hít khe khẽ một hơi - thơm ngát.
Những vì sao đầu tiên nhấp nháy trên trời
Con đường xa ngái uốn vòng kết thúc
Thảo nguyên tĩnh lặng. Bàn đạp từ xa vọng lại
Tiếng thác lăn – thẳng thốt lời ca.

Hai con đường – nét vẽ dấu chân
Chúng gặp nhau. Rõ ràng có nguyên nhân
Bông hoa bảy màu từ đất lên trời
Từ tâm hồn vươn tới tâm hồn.

Tuyết đầu mùa – tấm khăn choàng trắng muốt.
Những dốc núi – những sợi chỉ kim cương.

MARSEL SALIMOV

Nhà thơ Nga, sinh năm 1949 tại nước
Cộng hòa Bashkiria (thuộc LB Nga)

Mối tình tuyết

T
rên đời có bao phép lạ
Lấp lánh em như cây bạch dương
Có phải những bông tuyết từ trên trời rơi xuống
Đậu trên mái tóc bóng bẩy của em?

Không phải bông tuyết đầu, không phải
Anh xin tiết lộ:
Để em luôn nhận ra anh
Anh đã rắc ngọc trai lên khuôn mặt đẹp như trăng
của em

Và nhà cửa, và những ngọn núi, và cây thông
Trang hoàng ngày và đêm
Đó là anh đã leo lên cung trăng
Rắc lên người em bằng ngọc trai.

ULZYTUEV AMARSANA DONDOKOVICH

Nhà thơ Cộng hòa Buryatia
(thuộc LB Nga), sinh năm 1963

Người đi tới phương Bắc

Người đi tới phương Bắc, tôi chặn đường người
Tôi nhìn vào mắt người, tôi cầm tay
Và thầm thì: "Người anh em, quên đi phương Bắc
Quên đi con đường đối ngược với phương Nam"

Đáp lời, người đi tôi đó bỗng cất tiếng hát
Bằng chất giọng át cả cơn gió
Và trong giọng người có ngôi sao thoáng qua
Với tia sáng thẳng chiếu tới phương Bắc.

Trong giọng hát của người có tiếng những tảng băng
và nhau
Và dân phương Bắc lang thang trên xe trượt tuyết
màu trắng
Gái phương Bắc khâu hạt cườm vào đôi ủng lông untý
Hát về phương Bắc và ánh cực quang.

Và giọng người hát về giá băng
Về màu trắng ngọt ngào vương quốc tuyết
Nơi ốc gấu hội hè và sao sáng
Nơi ốc hải cầu vui sướng.

Còn nhiều điều trên con đường phương Bắc
Người khàn giọng hát, mơ và tin
Và khi đó tôi buông tay
Và khi đó tôi buông lời: "Thôi anh lên phương Bắc đi!"

Phản thơ quốc tế do dịch giả Nguyễn Thị Kim Hiền
chuyển ngữ.

TRẦN HÙNG

Ghi ở YAKUTSK

1.
Đêm nghe tiếng băng non trên dòng Lê Na
Tiếng tuyết rơi bên chiếc bình thanh mảnh
Tiếng run rẩy của những lông chim trắng
Tiếng dịu dàng đất đai

Ước gì được ngậm tóc em
Lâm hạt mầm nằm sâu trong tuyết

2.
Trên thảm tuyết dày
Cần ngón tay
Nhỏ xuống nền toan trắng.
Sakha 10.2013

NGUYỄN QUANG THIỀU

Tuyết lúc nửa đêm

Bản thánh ca từ trời cao vang trên những ngọn đồi,
dọc bờ sông, trên những ngọn cây, bên hàng rào gỗ
trên con đường chạy qua khu vườn, bên những ô
cửa sổ
bản thánh ca của tuyết, bấy giờ lúc nửa đêm.

Như không bao giờ khác, như vĩnh viễn,
mỗi bông tuyết
mang theo một ngọn nến nhỏ, mang theo
một lời hát
mang theo một gương mặt thánh thiện, một cuốn
sách, một hơi thở
trở về đêm lễ hội của Thiên đường trên những ngọn
đồi ngoại ô

Có tiếng cỗ xe bạch mã trôi theo con đường ven
chân đồi
Trên những cành cây khẳng khiu khúc khích tiếng
cười các hài đồng
Một con chó thức giấc không sửa, im lặng nhìn ra
Máu thức tỉnh và chảy, dưới tuyết, dưới bộ lông thú,
và chảy.

Một hơi thở lớn phủ ảm những quả đồi, đầu đầy
thầm thì giọng nói
bên những ô cửa, bấy giờ lúc nửa đêm, lộng lẫy
tuyết bay.
Vẫn những ngôi nhà ấy, những con đường ấy,
những hàng cây ấy
Giờ mang một hình ảnh mới. Tất cả dấu vết chết
chóc được xoa đi.

Người đàn ông tha phương không ngủ nhìn tuyết
nghĩ về một thế giới mới
Máu thức tỉnh như những dòng sông và chảy,
dưới tuyết, dưới làn da người, và chảy.
Boston, 2003



TRÒ CHUYỆN VĂN CHƯƠNG

CÁI LỚN LAO THƯỜNG ĐƯỢC NHÌN NHẬN Ở MỘT KHOẢNG CÁCH KHÁ DÀI

(Ra mắt bộ Bách khoa Thư về Sholokhov)

* Thưa Juri Aleksandrovich, nguyên do nào đã khiến cho độc giả Nga hiện nay rất chú ý tới nhà văn Sholokhov?

- Hiện nay có một điều rõ ràng là Sholokhov đã và đang là một nhân vật chủ yếu trong tiến trình văn học của thế kỷ XX. Cuộc sống cho thấy rằng những tác phẩm của Sholokhov, mặc dầu có những biến thiên lịch sử và những nỗ lực của vài kẻ điên cuồng phủ nhận tác giả *Sông Đông êm đềm*, không bị gạt ra khỏi ý thức của nhân dân. Trong những cuộc trò chuyện của các độc giả hiện nay thuộc các tầng lớp xã hội rất khác nhau, không hiếm trường hợp ta có thể nghe thấy tên các nhân vật của nhà văn, sự nhắc nhở tới những tình huống trong cốt truyện của Sholokhov ở một văn cảnh này hay một văn cảnh khác. Sách của ông không nằm đọng trên giá của các cửa hiệu sách; sự quan tâm đến những vấn đề phức tạp nhất của bộ môn Sholokhov học ngày càng gia tăng. Rõ ràng là điều này chỉ có thể thực hiện được trong tình hình những tác phẩm của Sholokhov, ngay cả ở thời buổi ngày nay, vẫn là những áng văn thực sự đầy sức sống. Nếu không hiểu được bản chất của hiện tượng Sholokhov thì không thể nào tạo dựng được một bức tranh hoàn chỉnh, chẳng những của văn học ở thời kỳ Xôviết mà còn của các quá trình tinh thần - đạo đức ở thế kỷ trước của nước Nga.

* Nhưng chính một quan niệm như vậy về Sholokhov hiện nay không phải là đơn nghĩa.

- Đúng vậy. Vì tất cả có thể nêu tên một nhà văn nào những năm gần đây phải hứng chịu sự hăm hại lẫn lộn đến thế.

Toàn bộ ý nghĩa của chiến dịch chống Sholokhov là mưu toan dùng mọi thủ đoạn chứng minh rằng một nghệ sĩ độc đáo từng sáng tạo nên một thế giới thẩm mỹ hoàn chỉnh như ông là hoàn toàn không hề tồn tại.

Ở Sholokhov có quá nhiều điểm hội tụ trong những quan niệm về đạo đức - tinh thần, về xã hội - lịch sử, trong ý thức hệ, trong cách nhìn nhận những con đường phát triển của nền văn học Nga ở thế kỷ XX.

Trong giới sáng tác có một số người không ưa thích Sholokhov bởi tính cương trực, dứt khoát và cách bày tỏ quan điểm rõ ràng, có phần cứng nhắc của ông. Nhiều nhà phê bình hiện nay khi nhắc tới tác giả *Sông Đông êm đềm*, *Đất vỡ hoang* và *Số phận một con người* chỉ giới hạn bằng những lời lẽ biểu dương mang sắc thái tình cảm và thậm chí cổ khi còn phớt lờ cả nhân vật này. Dường như họ không biết nên ứng xử như thế nào với Sholokhov như một hiện tượng của lịch sử văn học. Tác giả *Sông Đông êm đềm* chẳng những không hòa nhập được với những cơ cấu của mô hình xã hội mới mà còn đã phá chúng. Dù để cập vấn đề về

Cuối tháng 5 vừa qua, bằng sự cộng tác và nỗ lực chung của Viện Văn học thế giới mang tên M.Gorki (IMLI) trực thuộc Viện Hàn lâm khoa học Nga (РАН), và Nhà xuất bản "Sinergija", bộ Bách khoa thư về Sholokhov đầu tiên ở Nga đã ra mắt độc giả. Nhân đây chúng tôi xin giới thiệu cuộc trao đổi giữa ông Ju. A. DVORJASHIN, Tổng biên tập bộ sách, tiến sĩ ngữ văn Viện Văn học thế giới Gorki, nhà hoạt động khoa học công huân, giải thưởng Quốc tế mang tên Sholokhov, với Biên tập viên Báo Văn của LB Nga về ý nghĩa và quá trình biên soạn bộ sách quý này.



Ông E.Bessmertnykh, Tổng Giám đốc Nxb "Sinergija" và ông Ju.Dvorjashin, Tổng biên tập bộ "Bách khoa thư về Sholokhov" giới thiệu công trình mới xuất bản.

nghệ sĩ và cách mạng, vấn đề về phương pháp luận nghệ thuật hay vấn đề về thập kỷ tiến chiến mà dường như được nhất trí coi là thời kỳ suy thoái của nghệ thuật, ở mọi nơi, Sholokhov đều có những suy nghĩ không đồng thuận với những quan điểm tân kỳ hiện nay: cách mạng chẳng những không hủy diệt mà còn sản sinh ra tài năng và những nhân cách lớn, và thái độ của ông đối với chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa hoàn toàn không bị tẩm thuốc hóa một cách thô thiển và, cho dù có những ý kiến lặt vặt đến mấy đi nữa, thì chính vào những năm 1930, Sholokhov đã viết ra tập 4, có sức nặng nhất về mặt nghệ thuật, của bộ *Sông Đông êm đềm*. Chính do sự khó xử như vậy đối với Sholokhov nên hoặc là ông hoàn toàn không được nhắc tới, hoặc là những tác phẩm của ông, bằng cách nói lấp lửng, cố tình bị lôi kéo vào một cộng đồng này hay một cộng đồng khác.

* Trong hoàn cảnh như vậy thì nhiệm vụ của môn Sholokhov học là gì?

- Nghiên cứu một cách nhất quán và có hệ thống về số phận và sự nghiệp sáng tác của nhà văn, trên cơ sở những tư liệu nghiêm túc, và biết dựa vào cách phân tích khoa học được kiểm tra kỹ lưỡng đã và vẫn đang là phương pháp hiệu nghiệm trong nghiên cứu văn học.

Không nghi ngờ gì nữa, chính cách tiếp cận như vậy, xét cho cùng, sẽ cho phép giải đáp nhiều vấn đề có liên quan đến số phận và sáng tác của Sholokhov,

sẽ cho phép lĩnh hội không chỉ những quan điểm thẩm mỹ mà cả những quan điểm thế giới quan của nhà văn. Bộ "Bách khoa thư về Sholokhov" có sứ mệnh giải quyết nhiệm vụ này.

* Bộ sách được biên soạn như thế nào?

- Ý tưởng biên soạn bộ bách khoa thư là của ông E.A.Bessmertnykh, Tổng giám đốc Nhà xuất bản "Sinergija". Theo sáng kiến này, một tập thể các nhà khoa học của Viện văn học thế giới mang tên Gorki (IMLI) trực thuộc Viện Hàn lâm khoa học Nga (РАН) được thành lập, có nhiệm vụ lập bảng từ cho bộ "Bách khoa thư về Sholokhov". Năm 2002, bằng từ này được đưa ra xem xét và được phê duyệt tại một phiên họp của Hội đồng khoa học IMLI. Nhưng sau đó, do thiếu kinh phí mà dường như đã được chính phủ LB Nga hứa hẹn ngay trước lễ kỷ niệm 100 năm ngày sinh của nhà văn, công việc phải tạm dừng lại.

Mãi đến năm 2006, bằng những nỗ lực của Nhà xuất bản "Sinergija", của Viện IMLI, của Trung tâm nghiên cứu Sholokhov thuộc trường Đại học Sư phạm Surgut, quỹ "Bách khoa thư về Sholokhov" đã được thành lập. Phụ trách quỹ này là nữ nghệ sĩ nhân dân Nga Z.M.Kirienko, còn giám đốc điều hành là E.A.Bessmertnykh, người đóng vai trò quan trọng trong việc biên soạn bộ Bách khoa thư này. Những thành viên của quỹ gồm: Viện bảo tàng quốc gia Sholokhov

và Trường đại học nhân văn quốc gia mang tên M.A.Sholokhov. Tháng 11/2006, việc ký kết bản hợp đồng tài trợ giữa "Ngân hàng khí đốt công nghiệp" (OAO) - nhà tài trợ chính của dự án - và quỹ "Bách khoa thư về Sholokhov", đã cho phép hiện thực hóa dự án. Một hội đồng biên tập có uy tín được thành lập để tổ chức quá trình biên soạn. Công việc hết sức phức tạp, tỉ mỉ và tốn nhiều công sức này đã kết thúc vào năm 2012. Đó là những cái mốc quan trọng nhất của việc hình thành bộ Bách khoa thư.

* Ông có thể nói điều gì về tập thể tác giả thực hiện dự án rất quy mô này?

- Về điều này tôi muốn nói thật kỹ. Một trong những vấn đề chủ yếu được đặt ra trước chúng tôi, vượt ra ngoài giới hạn nội dung của bộ sách - đó là cần phải tập hợp và lái vào một hướng thống nhất những tìm tòi khoa học của các nhà nghiên cứu hiện nay về sáng tác của Sholokhov. Mặc dầu có hàng loạt khó khăn, nhiệm vụ này đã được giải quyết một cách mỹ mãn. Công việc biên soạn bộ Bách khoa thư đã liên kết những nỗ lực của nhiều nhà khoa học. Tham gia biên soạn bộ sách có 114 tác giả, trong số đó có 28 tiến sĩ khoa học, 18 phó tiến sĩ. Thành phần tập thể tác giả của bộ sách trên thực tế bao gồm tất cả (trừ một vài ngoại lệ hiếm hoi) các nhà Sholokhov học nổi tiếng và có uy tín: các cán bộ nghiên cứu của Viện Văn học thế giới, của Trường Đại học nhân văn quốc gia Moskva mang tên Sholokhov, của Học viện Văn học mang tên M.Gorki, các nhà nghiên cứu ở các trường đại học của nước Nga, các học giả của một số nước bạn (Đức, Latvia, Litva, Mỹ), các ủy viên của Hội nhà văn nước Nga. Tôi có thể kể tên các viện sĩ thông tấn Viện Hàn lâm khoa học Nga - F.F.Kuznetsov và N.V.Kornienko, các tiến sĩ khoa học - S.G.Semenov, E.A.Kostin, S.A.Nebolsin, A.A.Dyrdin, N.I.Stopchenko, D.V.Pol, N.M. Nyraveva, N.A.Kovaleva, N.D. Kotvichikina... Cần phải đặc biệt nêu lên sự tham gia tích cực của những người đồng hương của nhà văn - các cán bộ Viện bảo tàng Quốc gia M.A.Sholokhov, các nhà khoa học ngữ văn hàng đầu của trường Đại học Liên bang miền Nam. Những công trình địa phương chí, những hồi ký của những người đương thời với Sholokhov, đặc biệt của các cư dân vùng Donshina vốn biết rõ nhà văn hoặc có dịp tiếp xúc với ông, đã được sử dụng. Sự giúp đỡ thường xuyên và sự hỗ trợ trong việc biên soạn bộ sách của các thân nhân nhà văn vốn vui vẻ đồng ý gia nhập Hội đồng biên tập (M.M.Sholokhov, M.M.Sholokhova, S.M.Sholokhova, A.M.Sholokhov) thật là vô giá.

* Vào những thập kỷ gần đây, người ta thấy có sự quan tâm đáng kể tới một thể loại nghiên cứu văn học - đó là bách khoa thư. Đã xuất hiện hàng loạt ấn

CHUYỆN LÀNG VĂN NGHỆ

THƯƠNG NHỚ YBROM!

KHẮC TUẾ

MÙA xuân năm 1961 của thế kỷ XX, Đoàn thực tập sinh Việt Nam sang thực tập tại trường Đại học Múa Bình Nhưỡng- Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên gồm 6 người: Trần Thị Lệ Cung, giáo viên trường Múa Việt Nam; Thanh Hùng, biên đạo múa – Đoàn Ca múa Nhân dân Trung ương; Ngọc Minh và Khắc Tuế, biên đạo múa quân đội; Vương Thảo, biên đạo múa Đoàn Ca múa dân gian Việt Bắc; Ybrom, biên đạo múa Đoàn Văn công miền Nam. Trong 6 anh chị em chúng tôi, phải nói Ybrom là người keng trai nhất: mặt vuông chữ điền, lông mày rậm, mắt to, nước da ngăm đen, thân hình cân đối, khỏe mạnh trông rất quắc thước và đầy sức sống của một chàng trai Tây Nguyên! Ybrom người Ba-Na, nói tiếng Kinh không cần cố dấu, tính tình vui nhộn, hài hước, khi giao tiếp thường hay nheo mắt, cười tủm tỉm. Trong 6 anh chị em sinh viên chúng tôi, Ybrom trẻ nhất. Tuổi Canh Thìn sinh 1940, biết phận làm em nên các anh, chị nói sao nghe vậy, quả thật thà nên hay bị lừa vui. Có lần, chúng tôi xúi nhau báo cho Ybrom là hôm nay, sẽ có Thủ tướng Kim Nhật Thành đến thăm, mọi người phải phải mặc comple cả vật thật nghiêm chỉnh, đẹp đẽ. Ybrom phấn khởi tin ngay, vì đoàn chúng tôi là các nghệ sĩ múa đầu tiên của Việt Nam sang thực tập biên đạo múa tại đất nước Triều Tiên anh em ruột thịt, nên được bạn chăm sóc quá tình nghĩa, chu đáo, được ở khách sạn sang trọng nhất của Bình Nhưỡng ngày đó. Được thông báo, anh chàng Ybrom vội về phòng, đóng cả bộ rất trịnh trọng. Chờ mãi không thấy ai đã động gì, anh tìm đến từng phòng. Thấy mọi người vẫn thản nhiên như chẳng có chuyện gì, cho đến khi vào phòng tôi, mọi người mới ủa vào, cười ầm lên... Đến lúc ấy Ybrom mới tưng hửng, mặt đỏ ửng tai chực bằng tiếng Kinh không dấu: "mây thang Kinh bo lao đam lư tao ha?".

Trong đoàn có hai người dân tộc thiểu số: Ybrom và

Vương Thảo (anh là người Tày tỉnh Thái Nguyên, nên nói tiếng Kinh sỏi hơn), còn Ybrom ở vùng cao Tây Nguyên, tiếng Kinh hạn chế rất nhiều. Do vậy chúng tôi phải chia nhau giúp cho hai "chú em" phần học lý luận. Lệ Cung kèm cặp Vương Thảo, tôi thì bám sát Ybrom. Những buổi học lý luận, bằng tiếng Kinh, chúng tôi lựa lời, lựa ý giảng giải lại một cách thấu đáo cho hai người. Ybrom rất thông minh, cầu thị, những điều gì chưa rõ đều nói ngay: "không hiểu, không rõ đâu"; còn phần thực hành múa thì khỏi nói- các động tác của người Ba-Na, Gia-Rai, Xê-Đăng... của anh cứ tuồn trào như suối chảy, những bước chạy lắt lắt, lắt lắt, ngoái cổ, uốn ngực, còng lưng, thè lưỡi hú vang động núi rừng và vô vàn những động tác nữ nhẹ nhàng uyển chuyển, thật tuyệt vời, sinh động từ trong cơ thể của Ybrom. Đến nỗi các thầy giáo, cô giáo Triều Tiên phải thét lên: "Rơm. Rơm", vì yêu Rơm quá, quý Rơm quá, cảm phục Rơm quá! Với người Triều Tiên, việc chan hòa, giao đãi nam nữ là điều hết sức hạn chế- hạn chế đến mức nghiêm ngặt! Ấy vậy mà các cô giáo cả trẻ lẫn già, vẫn vượt qua "tập tục", đến tận khách sạn chơi với Rơm (nhưng cũng chỉ đến mức cầm được tay Rơm mà thôi). Ybrom hấp dẫn đến mức, sau khi tốt nghiệp về qua Trung Quốc, một nhóm nữ nghệ sĩ múa của Đoàn Ca múa Tổng cục Chính trị QĐND Việt Nam đang quay phim *Ngon lửa Nghệ Tĩnh* tại Bắc Kinh đã ra tận ga xe lửa, chỉ để chào, gặp gỡ chúng tôi ở sân ga. Ấy thế mà một bạn nữ ngồi bên cạnh Ybrom đã quên mất giờ tàu chuyển bánh. Đi qua bốn ga, bạn gái ấy mới giật mình khốc lốc, đòi Trưởng tàu cho xuống. Thế là lại một ô tô có "tiền hô hậu ủng" của bạn, đưa cô nàng ấy trở lại xuống phim Bát Nhất để hoàn thành cảnh phim đang quay dở "Ngon lửa Nghệ Tĩnh".

Là một biên đạo múa được đào tạo bài bản ở Triều Tiên- một nước có nền nghệ thuật múa nổi tiếng thế giới



- cộng với tài năng do Giàng cho (Giàng là Trời theo tên gọi của dân tộc Tây Nguyên); Ybrom đã sáng tạo những tác phẩm múa nổi tiếng *Chén rượu diệt thù*; *Trống Tây Nguyên*; *Khiên*; *Đêm trăng*; *Gĩa gạo* và nhiều tác phẩm múa đương đại khác có giá trị mẫu mực của Tây Nguyên, của đất nước. Cũng chính từ đó, Ybrom được Nhà nước phong tặng Danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân; anh còn là Ủy viên Ban chấp hành Hội Nghệ sĩ Múa Việt Nam, nguyên Phó Giám đốc Sở Văn hóa- Thông tin tỉnh Gia Lai. Ngày 28-10-2013 vừa qua, có phải Ybrom đã nghe lời dỗ ngon ngọt của nghệ sĩ Vương Thảo nơi chín suối, nên đã xuống đó để lập "đội múa đoàn kết Việt Bắc -Tây Nguyên" hay chăng? Thảo ơi, nhớ đừng bắt nạt Ybrom nhé! Thay mặt nhóm bạn múa đồng môn học ở Triều Tiên, tôi viết những lời tâm huyết này là nén tâm nhang để tưởng nhớ các bạn đây, và để thương nhớ Ybrom nhiều lắm!

phẩm tra cứu khoa học vốn đã trở thành một dạng tổng kết độc đáo trong việc nghiên cứu sáng tác của các nhà văn kinh điển nước nhà. Vậy bộ Bách khoa thư về Sholokhov tương quan như thế nào với những công trình trước đó?

- Cơ sở của bộ Bách khoa thư của chúng tôi là những thành tựu của bộ môn Sholokhov học trước đây, cũng như những tìm tòi khoa học hiện nay. Trong khi biên soạn bộ sách này, chúng tôi lưu ý tới kinh nghiệm của các công trình cùng loại: trước hết đó là bộ *Bách khoa thư về Lermontov*, các bộ bách khoa thư *L.N.Tolstoi*, *A.P.Chekhov*, *A.N.Ostrovski* v.v... Tuy nhiên, bộ *Bách khoa thư về Sholokhov* là một công trình khoa học độc đáo xét trên những nguyên tắc chủ đạo cũng như trên những cách giải quyết cụ thể về mặt tổ chức xuất bản. Những bộ bách khoa thư trước đây phần lớn dành cho các nhà văn của thế kỷ XIX. Sholokhov rất gần gũi với chúng ta về mặt thời gian, điều này có vẻ như làm cho nhiệm vụ trở nên đơn giản hơn. Nhưng thực ra lại làm cho nó phức tạp hơn. Sholokhov qua đời cho đến nay chưa đầy 30 năm. Để lý giải một cách toàn diện về một nghệ sĩ tầm cỡ như thế, thì đây là một khoảng thời gian quá ngắn ngủi. Cái lớn lao thường được nhìn nhận ở một khoảng cách khá dài. Bởi thế việc lĩnh hội Sholokhov với tất cả chiều sâu - đó là nhiệm vụ của tương lai.

* *Kết cấu bộ Bách khoa thư về Sholokhov là như thế nào?*

- Công việc biên soạn các mục từ của bộ sách được tiến hành theo 12 hướng: Tác phẩm của Sholokhov; Tiểu sử; Phạm vi giao tiếp; Thi pháp và những vấn đề

thế giới quan; Sholokhov và văn học Nga ở hải ngoại; Sholokhov và văn học thế giới; Những sự kiện lịch sử trong các tác phẩm của Sholokhov; Ngôn ngữ trong các tác phẩm của Sholokhov; Sholokhov và nghệ thuật (các tiểu mục: Âm nhạc; Nghệ thuật tạo hình; Sân khấu; Điện ảnh); Những địa danh kỷ niệm về Sholokhov, đài tưởng niệm, địa hình học văn học; Lịch sử nghiên cứu Sholokhov.

Cấu trúc của cuốn sách phản ánh ý nguyện của những soạn giả bộ bách khoa thư muốn ghi lại và lý giải một cách khoa học tất cả những tư liệu về nhà văn mà hiện nay chúng ta biết được. Bộ bách khoa thư mở đầu bằng tài liệu viết của M.M.Sholokhov *Đôi lời về cha tôi*, bài viết này cung cấp sự nhận định đánh giá về con người và công việc sáng tạo của nhà văn. Được viết một cách chân thực, mạch dẫu có phần dè dặt, với sự nhận thức đầy đủ về tinh thần trách nhiệm đối với độ chính xác của thông tin về con người thân cận và về nhà văn vĩ đại, bài viết này trên một ý nghĩa nhất định được coi là mẫu mực cho tất cả những tài liệu tiếp theo sau. Phần chủ yếu về nội dung của bộ sách là phần từ điển của nó. Cũng như trong phần lớn những bộ bách khoa thư văn học về nhân vật được xuất bản trước đây, những mục từ trong bộ *Bách khoa thư về Sholokhov* được sắp xếp theo bảng chữ cái. Tuy nhiên ở đây cũng có một đặc điểm đáng chú ý: Trong phần từ điển của ấn phẩm, được tách riêng ra hai cụm mục từ nói về hai cuốn tiểu thuyết *Sông Đông êm đềm* và *Đất vỡ hoang*. Mỗi một cụm được mở đầu bằng một mục từ chủ chốt cung cấp cho ta một khái niệm trọn vẹn về hệ thống hình tượng của

tác phẩm, về vẻ đặc thù nghệ thuật và về ý nghĩa của nó trong tiến trình văn học Nga và thế giới. Tiếp theo đó là những mục từ nói về lịch sử sáng tạo cuốn tiểu thuyết, về những nguồn tư liệu, những nguyên mẫu nhân vật, về địa danh và địa hình, về những lần xuất bản tác phẩm này. Trong phần cuối của bộ sách là biên niên sử về cuộc đời và sáng tác của M.A.Sholokhov cũng như bảng tra tên nhân vật trong tất cả các tác phẩm của Sholokhov, vốn được biên soạn riêng cho bộ bách khoa thư kèm theo nhận xét đối với từng nhân vật.

* *Một số bộ bách khoa thư được xuất bản gần đây mang tính chất đặc sệt hàn lâm: chúng thiếu những tư liệu minh họa. Vậy về phương diện này, bộ Bách khoa thư về Sholokhov có gì mới?*

- Việc minh họa cho ấn phẩm được đặc biệt chú ý tới. Chúng tôi cố gắng sao cho độc giả sẽ cảm thấy thú vị khi đọc bộ sách đồ sộ này (có tất cả 76 tay sách, gồm 1216 trang), nhưng ý nghĩa của tài liệu minh họa không chỉ có thế. Có thể nói rằng những minh họa đã tạo ra một bộ bách khoa thư đặc sắc trong bộ bách khoa thư. Tranh ảnh, phim ảnh, tài liệu lưu trữ, những tấm ảnh hiếm hoi hoặc lần đầu tiên được công bố, những bản sao các bài báo, thủ bút của Sholokhov đã cung cấp cho ta một hình ảnh đầy đủ về nhà văn thiên tài. Đó là công lao của họa sĩ chính J.V.Basov. Bộ bách khoa thư có 6 phụ trương mang tính chất chủ đề: "Gia đình Sholokhov", "Những người thân cận của nhà văn", "Cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại", "Tiểu thuyết *Sông Đông êm đềm*", "Tiểu thuyết *Đất vỡ hoang*", "Giải thưởng Nobel". Phần phụ trương cũng

giới thiệu những minh họa đẹp nhất trong các tác phẩm của Sholokhov. Tổng cộng gần 1000 đơn vị tài liệu minh họa được công bố.

* *Cuốn sách mời này sẽ được đọc giá hiện đại đơn độc như thế nào?*

- Hội đồng biên tập, tập thể tác giả hy vọng rằng bộ *Bách khoa thư về Sholokhov* sẽ được đón nhận không chỉ bởi giới khoa học mà còn bởi đông đảo các tầng lớp độc giả. Ấn phẩm này sẽ đặc biệt quan trọng đối với hệ thống giáo dục của Nga, đối với giáo viên và học sinh các trường phổ thông, đối với giảng viên và sinh viên các trường đại học. Bằng việc tổng kết lại một giai đoạn nhất định trong quá trình nghiên cứu số phận của nhà văn Nga vĩ đại, ấn phẩm của chúng tôi sẽ tạo cơ hội để độc giả có được những kiến thức tổng hợp về cuộc đời và sáng tác của ông. Ý nghĩa của bộ *Bách khoa thư về Sholokhov* vượt ra ngoài khuôn khổ của bộ môn Sholokhov học. Sáng tác của Sholokhov đã phản ánh nhiều đặc điểm không chỉ của tiến trình văn học, mà còn của cả tiến trình xã hội - lịch sử của thế kỷ XX. Bởi thế, bộ sách mang tính chất tổng hợp, gồm những bài nghiên cứu và những tư liệu về nhà văn, là một nguồn tài liệu quan trọng để hiểu được những phương diện khác nhau của lịch sử nước Nga và của nền văn hóa Nga ở thời kỳ Xôviết.

LÊ SƠN

(Theo Literaturnaja Gazeta số 21, tháng 5/2013)

HƯƠNG BÀN

Truyện ngắn của TRẦN QUỲNH NGÀ

CÓ một buổi chiều ngơ ngẩn buồn. Trời vàng vọt nắng. Những đợt nắng cuối cùng của mùa thu đang đi qua một cách lặng lẽ. Trong sắc nắng đã chớm chớm hơi may bằng lăng. Một nhòai, định làm một hiệp cầu lông cho đỡ mỏi nhưng trời còn chát nằng quá, lại chợt nhớ ra bức thư chuyển phát nhanh vừa chuyển đến hồi sáng đang đặt trên bàn vội cầm lên băng quơ. Một tấm thiệp mời cưới mà cả hai họ mới đều không biết tên. Lại lật chỗ phong bì, đích thị là gửi cho mình có cả địa chỉ hẳn hoi. Lại bắt thần đọc lại tên cô dâu chú rể: Bùi Minh Anh và Nguyễn Khắc Tâm, rồi lại vỗ vỗ vào đầu bàn khoăn mãi mới ngó người nhớ ra. Thì ra là thằng bạn học thời phổ thông với mình. Tên nó là Tâm. Tâm mọc sừng cưới vợ. Tôi bất ngờ ồm miệng cười khi nhớ đến hẳn. Kí ức vỗ oà ra như một cống nước to vừa mở ống xả, ào ào chảy trong tâm hồn tôi những kí ức về một thời xưa cũ có nó.

Tôi và nó là hai thằng bạn thân. Thân đến nỗi có lúc quên hẳn tên nhau, bởi lúc nào cũng gọi thằng này thằng kia, ồm vai bả cổ suốt cả ngày, chẳng có lúc nào mà gọi đúng cái tên cúng cơm của nó được. Tâm, đúng ra, tên của nó là Tâm. Thật ra, hồi ở với tôi nó là thằng Tâm Rớt - vì mẹ nó đẻ rớt nó đầu hồi hợp tác xã, cũng như tôi hồi bé, nào tôi có biết tên mình, cả làng cả xã chỉ gọi tôi là cái anh cặc Tùn. Miết miết thành quen, chỉ đến khi viết đơn xin đi bộ đội tôi mới nhớ ra cái tên cúng cơm của mình. Thật ra, hồi đó, tôi cũng ngó ra mắt một lúc như bây giờ tôi nhận ra cái thằng Tâm lạ hoắc trong thiệp cưới đích thị là thằng Tâm Rớt ngày xưa vậy. Không hiểu sao bây giờ lại thay tên như thế. Chết thật, đầu có một cái đầu thời cũng làm người ta dễ lại xa nhau.

Suốt cả đêm dài tôi ngủ không say giấc. Trời u ỉ buồn. Đầu đông, nhưng sao đêm ấy đột nhiên bức đến lạ. Tôi nằm đột thuốc trên đi vắng, chăm chăm nhìn trên trần nhà vô định. Tự nhiên nghĩ đến việc về quê ngày mai. Sao điều này lại khó nghĩ với tôi đến thế. Quê năm nào chẳng về, nhưng lần trước, lái xe đón tận cổng, tôi và cả vợ con tôi nữa, áo váy tung bùng xách đủ thứ về rộn rạo một lúc rồi lại đi. Từ ngày xa quê, chưa bao giờ tôi ngủ đêm lại đó, nó giống như một sự cự tuyệt mơ hồ nào đó trong cái ngày tôi xuống rẫy quê mà ra đi. Giờ về không có vợ con, lại về ít bữa, tự nhiên thấy lạc lõng, lo lo như đứa trẻ lần đầu đi xa vậy.

Tôi ly quê từ năm 17 tuổi. Đêm trước khi ra đi lòng cũng chộn rộn như thế này. Một nửa muốn thoát thật nhanh ra khỏi cái làng quê nghèo, một nửa dửng dưng như nín chân ở lại. Đó là một ngày cuối mùa đông, trời lát phát mưa. Lạnh buốt. Tôi cúi đầu bước trên con đường đất đỏ trơn như mỡ lấy lợi những bùn bị bom quắn rách nát. Hai bên đường hoa cỏ lau trắng ngập tràn, có đôi chỗ, hoa bị bùn tạt, một vạt đỏ như máu. Tôi đứng trên gò cao nhìn quê hương lần cuối, thấy khói bếp bắn thần trên mái rạ, và đồng làng chỉ chít những ô vuông. Tiếng ghé gọi đàn buồn đến không thể tả.

Những năm sau đó, tôi cố giấu nỗi buồn đó tận sâu trong kí ức để không còn lấy lên được nữa. Tôi lăn lộn trong cuộc sống, giành giật. Tôi đã từ bỏ quê hương của mình, từ bỏ như một nỗi nhục của những người con xa quê kiếm ăn nơi đất khách. Trong mọi câu chuyện của cuộc đời mình, tôi tránh không nói về quê

hương, dẫu trong lòng nhiều lúc nóng như lửa. Cho đến khi trở về, tôi muốn trở về làng hoang. Tôi che giấu những xúc cảm thực sự của mình bằng những hành động lịch lãm, sang trọng. Tôi không nhìn con đường đất đỏ, cố tình không thấy những vạt hoa lau bên đường đỏ như máu. Những lúc ấy, tôi không nhìn được chính tôi.

Chuyến xe đưa tôi về tận đầu cổng làng. Con đường đất đỏ mềm mại lạnh đầy hơi sương lạnh lạnh của buổi sớm mai. Suốt một đêm dài không ngủ, tôi xách chiếc cặp sổ to sụ đi thẳng vào làng. Mẹ tôi ngồi bồm bồm nhai trầu, thấy tôi về bất ngờ cũng luống cuống, vội vàng chạy ra nhắc chiếc cổng tre sang một bên, chiếc cổng ọp ẹp nằm rạp bên bờ bóng bụi đầy hoa đỏ.

Anh không gọi điện trước cho mẹ để mẹ chuẩn bị cơm nước, thế đã ăn gì chưa?

Mẹ không chờ tôi trả lời, xằng xở đi xuống bếp. Tôi rửa mặt bên cái ang nước rồi nằm dài trên chiếc chõng tre ngoài sân nhìn quanh quẩn lên bầu trời lấp ló sau giàn hoa thiên lí xanh mát. Thấp thoáng có ngọn khói vẫn bay lên rồi đậu sà sà trên mái rạ đầu hồi.

- Thằng Tâm mọc sừng kia, mày sẽ biết tay tao.

Tôi nằm rạp trên lưng con trâu cổ, hai chân thúc mạnh vào bụng như người phi ngựa. Con trâu trụi truôi xông lên phía trước. Hai bên vũng lầy, bùn quánh lại, đen kịt kịt. Những tùm cỏ lác bị quấy nát, những bông hoa màu tím tím ngậm ngập trong đồng bùn vừa bị xéo nát, mùi tanh rình rịch.

Thằng Tâm trùng trục cưỡi con trâu mộng nhà nó chạy trước tôi một đoạn dài, vừa chạy nó vừa quay đầu lại nhìn tôi cười cười. Tôi nhìn nhớ nhìn hẳn, vừa tức tôi vừa then thùng vì bị thua một vố trong trận đua chiều nay. Rồi bỏ cuộc, lùi lùi cho trâu xuống sông tắm trước. Hẳn lừa trâu lội ào xuống, dòng sông vỗ oà, nước đập lên nước chan chất.

Làng tôi vắng người, phần lớn họ đều đã đi sơ tán cả. Chỉ có mẹ kiên quyết không đi đâu khi mộ phần cha tôi còn nằm lại ở đất này. Lại còn anh tôi nữa, phải ở lại để chờ ngày anh tôi trở về. Còn nó, chẳng còn ai. Bố mẹ chết bom cả rồi. Chết khi nó đang hùng hục cưỡi con trâu mộng lội nước rào rào chạy qua chỗ khúc sông hẹp để qua nhà tôi. Khi nó về nhà thì cũng là lúc người ta làm ma cho bố mẹ nó. Nó ngồi im như phỗng, không khóc. Khu vườn, chỗ gốc mít hồi chiều giờ sâu hoắm hố bom, hương nghi ngút cháy. Chỉ đến khi tôi về đám người chật kín ngồi sát lại với nó, tựa lưng vào nó mà cũng chẳng biết nói gì, dăm dúi một chùm trứng muông nướng thơm vào tay, nó mới ứ hự khóc. Tiếng khóc khùng khục, chạt chạt làm mọi người sững sờ. Đến lúc nghe tiếng nó khóc, không ai có thể làm được gì cả. Tiếng khóc dút dút như con dao lâu ngày không mài, không tước nổi một sợi lạt cột trên chiếc quan tài đóng vội của cha mẹ nó. Đám đàn trai vừa làm vừa rung. Người ta vỗ vỗ bảo nó nín nhưng rồi lại vén tay áo lên lau nước mắt.

Đám ma cha mẹ nó dài lắm. Người người đưa ra đến tận đồng làng. Mùa này đang là mùa thu, hoa cỏ may chấy sém vàng bám đầy cả ống quần của người

đưa tiễn. Thằng Tâm đội chiếc nón cời, chiếc khăn tang trắng xé vội tờ tướp sợi vải nhàu nhĩ cột trên đầu. Nó chống gậy, bước từng bước giật lùi và tôi bước cùng nó, cũng giật lùi. Hai đứa lén nhìn nhau rồi cười. Dù sao hồi đó, chúng tôi cũng chỉ là một đứa trẻ.

Sau ngày đó, mẹ tôi đem nó về ở cùng nhà với tôi. Thời gian qua đi, nó cũng quen dần với nỗi mất mát lớn lao đó. Chiến tranh mà, ngay cả bản thân chúng tôi đây cũng không biết được rốt cuộc ngày mai là những ai ra đi. Một bảy giờ chôn kín đồng, người làng thì ngày một thưa thớt. Mà lũ trẻ con chúng tôi thì không thể ngày một ngày hai đã lớn lên, buồn đấy rồi vui đấy.

Thằng Tâm về ở nhà tôi được đúng 3 năm rồi ra đi. Tôi không nhớ rõ đó là ngày nào nhưng cũng vào độ cuối nắng. Mùa thu đang vào sâu, ngày trở nên ngắn hơn. Mới sáu giờ chiều, trời đã bắt đầu chập chạo. Năm ấy, tôi và Tâm cùng học hết lớp 9. Tôi đã không lường trước được sự ra đi này. Tâm đã không nói gì với tôi cho đến lúc trước khi đi, hẳn tôi ra giữa dòng sông Cây thơm ngát mùi hương bản. Cả hai ngụp lặn trong nước giữa buổi hoàng hôn tím ngát rồi nằm vắt vèo trên rễ cây bắn trôi lên giữa sông như một con cá lớn. Tâm nằm giữa mặt lên trời nói trống không:

- Mai tao sẽ đi bộ đội.
- Ai cho mày đi? - tôi hồn nhiên.
- Tao đăng kí rồi, trên xã. Chiều mai lên đường.

Tôi lặng im. Một khoảng trống bao trùm lấy tôi đến nghẹt thở. Thảo nào mấy bữa nay, bọn con trai lớp tôi cứ xì xào nói chuyện đi bộ đội mãi, có đứa đã có giấy gọi nhập ngũ. Tôi thì không. Hình như, xã hiểu, cả nhà tôi, bố tôi hi sinh hồi đầu chống Mỹ, anh trai tôi và anh rể tôi đã lên đường nhập ngũ rồi nên tôi không có giấy gọi. Tôi im lặng nằm. Không gian lặng im chợt vỡ ra khi nghe tiếng nói của Tâm.

- Tao bây giờ không còn cha mẹ, anh em, bà con, chỉ có mẹ mày và mày. Nếu tao chết, hãy đưa tao về quê, chôn ngay sát bờ sông để ngày nào tao cũng được ngửi thấy mùi hoa bản. Không ở đâu có mùi hương hoa bản thơm như quê mình mày ạ.

Tôi chấp nhận sự ra đi của thằng Tâm một cách miễn cưỡng. Mẹ tôi cầm tay nó khóc mãi. Nó lặng im, tôi thấy sự kiên quyết nằm ngay trên cái đầu đã gọt trọc lóc của nó, nó minh chứng một sự thật dữ dằn "một đi không trở lại" của một thằng đàn ông đã bắt đầu trưởng thành.

Tôi bật tin Tâm ngay từ ngày đó.

Có những buổi chiều bình yên như không, nắng nhẹ thật nhẹ. Tôi nhớ như in hình ảnh đẹp bất ngờ ấy. Làng không một tiếng động, thì thoảng chỉ có tiếng sáo vi vút kêu trên con diều căng gió và tiếng gà nhà ai bằng quơ gáy một hồi dài. Tôi hi hụi bơi giữa đầm mênh mông nước, những người trong làng ngồi giặt áo bên cầu ao. Con sông Cây chảy qua làng tôi bình lặng trôi. Cả đám lục bình cũng lững lờ khi nước lên nước xuống. Rốt cuộc nó cũng không trôi được đâu xa, chỉ quanh quẩn bên mấy gốc bản nở hoa trắng muốt, thơm đến ngọt ngào cả bên sông làng tôi. Hình như trong mỗi người, ai cũng có cái cảm giác bình yên đó, không ai nói ra nhưng trong mắt họ hình như long lanh hơn thì phải.

Chiến tranh. Nó làm mọi thứ bị đảo lộn hết thảy. Người ta quên hẳn cái thú ra

ngồi hóng gió trong những đêm trăng vắng vạc sáng. Nhà nhà vội vàng đóng cửa, tấm rèm tranh hạ xuống che kín bóng đêm buồn buồn, mặc cho hoa bản hằng đêm vẫn không thôi toả hương, mùi hương kỉ diệu của nó. Nói như anh tôi, trong bức thư gửi về thăm nhà, cứ so sánh mãi cái mùi hoa đó, giống như mùi thơm của người con gái vừa chớm tuổi yêu, cứ e lệ, dửng dưng, vừa sáng trong vừa quyến rũ mà tôi thấy ngưỡng ngưỡng mỗi khi đọc đến đoạn đó.

Tôi thức dậy giữa chừng mới thấy mình đang nằm mơ. Mẹ tôi ngồi im nhìn tôi, chắc có lẽ cũng đã lâu lắm rồi, nên khi thấy tôi giật mình thức giấc bà cũng cuống cuống không kém. Tôi lặng lẽ nhai cơm. Bà lặng lẽ nhìn tôi không nói nên lời. Tôi cúi đầu ăn, bát canh chua nấu khế mẹ hái ở vườn nhà bốc khói nghi ngút. Mẹ không nhìn thẳng vào tôi, hình như, từ dạo lên tỉnh đến giờ, trong bà, tôi đã khác xưa nhiều lắm. Những lời mẹ tôi nói nghe xa vời:

Anh ăn đi, dạo này mẹ thấy anh khỏe lên nhiều đấy.

Tôi cúi đầu ăn, cố tránh để không cho mẹ biết cơm đang ứ nghẹn ở cổ. Mẹ tôi - người yêu quý nhất đời của tôi đang dần xa tôi biết mấy. Bà có biết đâu rằng, từ ngày ra đi, trong tôi bao giờ những hình ảnh về bà vẫn không hề phai nhạt. Tôi càng cố gắng gắp bà, bà lại càng xa tôi. Đôi lúc, tôi muốn được trở lại như hồi bé, mặc chiếc quần nâu nhuộm bùn, đầu khét nắng để lại được nằm lên đùi bà, để được bàn tay gầy gầy mằn mằn vuốt tóc, nhưng không thể. Nhiều lúc đang đêm, thức dậy, thấy bà cứ ngồi đầu giường tôi chần chừ, lại rón rén vịn nhỏ bắc đèn ở giữa bàn, nói như biết lỗi: mẹ phải để đèn, chứ ban đêm, người già khó ngủ lắm.

Tôi ăn hết bát canh. Nóng. Mồ hôi vã như tắm. Mẹ cười cười nhìn tôi. Chưa bao giờ tôi thấy mẹ vui như thế:

- Sao, lâu không ăn những món nhà quê thấy ngon phải không?

Tôi khựng lại. Mẹ tôi lại thế, người nhà quê nào cũng có cái tính rụt rè, dẫu là trước mặt con đẻ. Tôi nói tránh:

- Tại lâu không được ăn món ăn mẹ nấu. Mà hình như hơi thiếu tí ruốc mẹ ạ.

Mẹ tôi cười. Nước mắt ứa đầm khuôn mặt nhìn tôi với vẻ yêu thương.

- Đùng là thiếu tí ruốc.

Nắng lên. Mùa đông, nắng yếu ớt đến tôi nghiệp. Se se vàng bên cạnh dãy chè mạn hảo tốt cao ngang đầu và mọc loà xoà chắn cả lối đi. Bảy giờ đời sống cao lên rồi, chẳng mấy ai uống nước chè mạn hảo nữa. Ngay cả công viên ở làng cũng thế, người ta uống trà xanh. Chỉ mẹ vẫn giữ thói quen như ngày xưa, uống chè mạn hảo hằng ngày, đến nỗi một ngày không có nó là không chịu nổi. Nhưng bây giờ già cả rồi, lâu lâu được nâng một hời chè phơi, mà hời cũng không kịp. Cây cứ mọc tốt, loà xoà cả lối đi như thế. Còn nhớ ngày bé, khi còn ở nhà, tôi thường theo chân anh cả tôi cắt chè mạn hảo phơi khô làm nước uống. Chè mạn hảo không đậm đà như chè xanh, nhưng thơm thơm như nước vối. Uống lâu thành nghiện, sau bữa ăn thế nào cũng phải có một bát uống mới sướng.

Tôi còn nhớ có một lần anh tôi cắt chè mạn hảo. Anh cắt nhiều lắm, phơi đầy cả sân. Anh im lặng không nói gì nhiều, chỉ bảo tôi sau này lớn lên, khi cầm được cây kéo cắt cành thì phải biết phơi chè cho

mẹ uống. Hồi đó nào tôi đã biết gì, tôi kém anh tôi những 15 tuổi. Đêm hôm đó, anh trốn nhà đi bộ đội. Mẹ tôi ngồi hoá đá trước hiên nhà. Xung quanh mẹ, bóng tối loang lổ và cô đơn. Trong góc bếp, chỉ cả tôi ngồi nấu cơm, bóng tối che khuất gần hết cái bụng to bè sắp sinh của chị. Anh rể tôi cũng đi từ sau tết. Chị tôi cũng buồn như mẹ tôi buồn ngày hôm nay. Chiến tranh loạn lạc, sống chết chẳng thể nào tránh được. Mẹ tôi cũng như chị, giấu nỗi đau vào trong dáng ngồi, im như tượng gỗ, lâu dần thành quen. Thi thoảng lại ngồi như thế, ngệt ra một hồi rồi lại tắt tã lo chuyện cơm gạo ngày thường thoăn thoắt như không hề có chuyện gì xảy ra cả.

Sau ngày thăng Tắm lên đường. Nhà tôi có chuyện lớn. Đó là nguyên nhân khiến tôi ra đi. Đó là một ngày mùa đông lạnh lạnh. Mưa dầm suốt cả tháng. Tôi đang đi bộ từ trường về đến nhà thì thấy mọi người đứng chật cả lối đi. Thấy tôi, họ dạt sang một bên. Tôi ngỡ ngàng. Trong ánh mắt mọi người nhìn mình, tôi đọc được cả sự căm thù lẫn kinh hãi.

Mẹ tôi, chị tôi ngồi cả trước sân ngơ ngác như người mất hồn. Giọng ông trưởng ban an ninh thôn gần lên từng tiếng:

- Giữa lúc chiến tranh loạn lạc, bao nhiêu người hi sinh xương máu của mình thì con trai bà lại đào ngũ, nghe theo lời xúi giục chiêu hồi của địch để được sống sung sướng. Thật là...

Ông trưởng ban an ninh dừng lại giữa chừng. Tôi chết điếng, không tin vào tai mình nữa. Mẹ tôi chỉ lặp đi lặp lại một câu:

- Tôi không tin. Tôi không tin.
Đêm hôm đó. Nhà vắng lạnh. Tĩnh không cả tiếng thở nữa. Mẹ tôi ngồi trước bàn thờ cha tôi nghĩ ngút khói. Tôi lặng im, trong đầu chất chứa hỗn độn những ý định táo tợn. Ngày hôm đó, tôi đến nhà ông trưởng ban an ninh xin được nhập ngũ. Thấy tôi, ông nhò ngay một bãi nước mắt xuống sân hằn học:
- Anh nghĩ là anh sẽ được gọi đi?
- Tôi tình nguyện- tôi kiên quyết
- Anh trai anh còn trốn nhà đi cơ đấy, rồi cũng đào ngũ cả thôi.

Tôi không nói được nữa, cổ họng cứng lại vì uất ức. Khát. Tôi chạy thực mạng ra bờ sông. Hai bên tai tôi còn vang vọng lại tiếng cười giễu cợt ghê rợn.

Khi đã ngụp lặn giữa dòng sông rồi tôi mới không khỏi bàng hoàng. Anh tôi- tấm gương sáng, lòng tự hào, niềm kiêu hãnh của tôi đã trở thành kẻ phản bội Tổ quốc. Rồi bạn bè sẽ giễu cợt, sẽ khinh bỉ, sẽ nhổ toẹt vào thành tích đáng nể trong học tập của tôi chỉ vì tôi là em của một kẻ đào ngũ. Tôi cố lặn sâu xuống nước. Bùn tanh đến nồng nặc. Ngay đến dòng sông cũng đã quay lưng lại với tôi từ hồi nào.

Ngày tôi ra đi. Mẹ tôi không còn nước mắt để mà khóc nữa. Tôi lăm lăm bước như một kẻ trốn chạy. Trời chiếu lất phất mưa. Mẹ tôi đứng thần thờ đầu ngơ, chỉ tôi bước cạnh, không nói một lời nào. Tôi hết nhìn chị rồi nhìn mẹ. Tôi đã không đủ can đảm để chấp nhận sự thật đau lòng đó. Thực ra, tôi đang trốn chạy. Lúc đó tôi đâu nghĩ được rằng, thêm một việc tôi ra đi, vai mẹ tôi đã không còn thẳng được nữa.

Những tưởng sẽ chẳng bao giờ tôi trở về quê hương. Ấy vậy mà có lần, đó là vào dịp đầu hè, trời gay gắt nóng. Tự nhiên mấy hôm liền tôi nằm mơ thấy anh tôi. Anh không nói, chỉ nhìn thôi, đôi mắt thâm sâu hun hút ánh nhìn trách móc. Sau năm lần nằm mơ liên tục, tôi nhảy xe về quê.

Khi tôi về đến nhà, trời cũng đã nhá nhem tối. Đom đóm bắt đầu tóe ra ở những bụi cây ven đường như những đốm lửa lân tinh. Tôi đứng thật lâu bên bờ chèo mạn hào nhìn vào nhà. Mẹ tôi ngồi im lặng, ánh sáng hắt bóng mẹ đổ dài thành một vệt lớn. Mọi người vây quanh mẹ. Ông trưởng ban an ninh ngồi ngay trên bậc cửa. Tôi rợn người, từ trong sâu thẳm trái tim mình, tôi đã có nỗi căm hận với sự cười cợt, giễu nhại và

kinh bỉ của hẳn. Tôi bước vào nhà.

Mẹ tôi lặng lẽ đón tôi. Tôi nhìn quanh. Ngay trên bàn một chiếc ba lô sờn cũ. Một người đàn ông lạ mặc quân phục, tay bị thương đến tận nách, chiếc ống áo rung rung theo tiếng nấc của anh:

- Thưa mẹ- người đàn ông đó nấc lên- đây là tất cả những kỉ vật của con trai mẹ, con đã hứa với cậu ấy trước khi hi sinh là đưa về tận tay cho mẹ, nhưng con bị thương... - người đàn ông lại nấc lên- cậu ấy đã hi sinh anh dũng ngay trên đường vào Nam chiến đấu- anh rung rung một tay gỡ túi áo lấy ra một tấm ảnh anh trai tôi đang cười rạng rỡ, đoạn nói tiếp trong nước mắt- đây là bức ảnh cuối cùng cậu ấy chụp nhân dịp kết nạp Đảng.

Mọi người òa khóc. Mẹ tôi lặng im. Tôi thất thần mất một lúc:

- Xin anh cho biết mộ anh trai tôi ở đâu?

- Ở Trường Sơn, ngay chỗ đường 9, đoạn nối từ Khe Sanh lên, chính tay tôi đã chôn cậu ấy, ngay dưới gốc một cây lim lớn và có đánh dấu, nhưng...

- Nhưng sao- tôi hỏi dồn, một nỗi đau khôn tả đang dầy xéo tim tôi đến nghẹt thở.

- Mỗi ở Trường Sơn thật kinh khủng, ngủ rừng ở đây, nếu không cẩn thận thì sáng ra, ba lô của anh chỉ còn một đồng đất và súng AK của anh chỉ còn lại phần thép mà thôi... mỗi đã xong hết tự lúc nào!

- nghĩa là-
Tôi đau đớn nhận ra một sự thật phũ phàng đó. Mẹ tôi từ này tới giờ lặng im.

Hình như mẹ không đủ sức để mà nói nữa nhưng khi nghe bạn anh tôi nói thế, bà chỉ kịp hét lên một tiếng "chết vinh còn hơn sống nhục con ơi!" rồi bất tỉnh. ...

Tôi một mình bơi ra giữa dòng sông vào lúc nửa đêm. Trăng vàng vạc sáng. Hương bản thoang thoảng thơm quyền lẩn mùi trái chín ngòn ngọt. Tôi trèo tít trên cây cao, chơi vơi tìm trong ánh sáng của trăng những nụ hoa bản còn ngậm sương ướt sũng và những trái bản chín đỏ đem về đặt lên bàn thờ anh tôi. Hình như anh tôi vui, bó hương phát hỏa cháy rần rạt.

Mẹ tôi nằm mê man như thế đến bốn năm ngày rồi tỉnh hẳn nhưng tự nhiên mẹ lại bị một căn bệnh kì lạ, nước mắt cứ chảy không cầm được. Sau này, khi hỏi ra mới biết, mẹ tôi bị tắc tuyến lệ. Tôi đã đưa mẹ đi khắp nơi nhưng điều trị mãi không khỏi.

Sau lần trở về ấy đến giờ, chưa một đêm nào tôi ngủ lại quê cho đến hôm nay.

Lâu lắm rồi tôi mới được đắm mình trong không gian trong lành của một sớm mai ở quê, mà hạnh phúc hơn nữa là có mẹ ngồi bên cạnh. Tôi choàng tay ôm mẹ, thấy mẹ giật mình, tôi ôm chặt mẹ hơn. Mẹ tôi nhỏ bé nép bên ngực tôi, mái tóc lốm đốm bạc. Tôi nghĩ, nếu như bây giờ có thể hoán đổi vị trí giữa tôi và mẹ hẳn tôi cũng như bà, sẽ hạnh phúc đến không thể tả. Mẹ tôi ngày xưa đối với tôi cũng lạnh lạnh và khó gần. Mỗi lần muốn mẹ ôm cũng chần chừ vì bà nhiều công

việc quá, làm gì có thời gian cho cái thằng mè nheo như tôi. Nên mỗi chiều rảnh rang nào đó, bà gọi tôi lại ban đầu tôi cũng chần chừ như thế, giống như tôi đối với mẹ bây giờ. Trong tâm tư của bà, hẳn thấy tôi cao ngạo quá, khó gần quá. Tôi là người nhà nước, lại là lãnh đạo. Lời ăn tiếng nói cũng không được sổ sàng, chẳng giống tôi ngày xưa là bà lại ngại. Hơn nữa, vợ tôi là người thành phố, không quen tính người quê nên khó chiều lòng mẹ. Tôi giấu nỗi buồn tận đáy trái tim, giờ đây, được ôm mẹ mà thấy mẹ nhỏ bé quá. Cứ như sợ khó chiều mong manh trên chái bếp đầu hồi của những buổi mùa đông lạnh lạnh, tan thoảng ra, sà sà mãi ngồi rồi biến mất. Tôi ôm chặt mẹ nhiều hơn, không nói nên lời, tất cả mọi lời nói bây giờ là vô nghĩa. Mẹ ở gần tôi đây, nhưng nhìn bàn tay gầy gầy xương xương của bà tôi lại dự cảm về một chuyến đi dài sắp tới trong vô định.

- Anh về được lâu không?
- Mẹ nhiều tóc sâu quá - tôi tránh câu hỏi của mẹ rồi gãi gãi đầu.

Bà quay lại ôm lấy đầu tôi: Cha bố anh, không giống mẹ cái gì lại giống cái nói tóc sâu; anh cúi đầu xuống đây mẹ nhỏ cho, mắt mẹ bây giờ quá loà rồi, nhìn rõ lắm.

Tôi không thể nói được gì vào lúc này trước lời đề nghị đột ngột của mẹ, tôi nhắm mắt. Nước mắt chảy ngược vào trong làm tôi tức thở. Bàn tay mẹ lẩn tìm tóc sâu trên đầu tôi nhẹ nhàng. Mỗi lần một sợi được nhổ lên là tôi lại cố ghì mình lòng mình để không khóc. Nước mắt ứ lên rồi chực xuống. Tôi không thể để cho mẹ biết mình đang khóc, đang thương mẹ biết nhường nào. Đáng ra, tôi phải nhổ tóc sâu cho mẹ, để mẹ ngồi thành thời yên bình. Giờ đây, trong bộ dạng này tôi nhận ra, mẹ tôi đã quá già và tôi đã không còn trẻ nữa...

- Thăng Tắm mọc sừng lấy người ở đâu mẹ?

- Người làng bên - mẹ dừng tay thở dài - tội nghiệp nó, hoàn cảnh thế đấy, con vợ là thanh niên xung phong hồi trước. Không biết có nên con cái gì không, nó cũng nhiều tuổi rồi, nghe đầu tuổi Canh Tuất thì phải. Hôm qua, hẳn sang đây cả buổi chiều cứ nói chuyện hồi bé của anh với nó rồi cười một mình. Cha bố cái thằng lại nói chắc anh không còn nhớ nó, làm lãnh đạo rồi người ta dễ hay quên chuyện cũ lắm, mà lãnh đạo thì hay cửa quyền, quan liêu, hách dịch... đủ cả. Mẹ là mẹ không tin anh quên đâu.

Mẹ tôi nói một thời một hồi những gì thằng Tắm nói rồi lại nhổ tóc sâu cho tôi. Không gian tự nhiên im lặng. Tôi nhớ lại hình ảnh buổi chiều của mấy mươi năm về trước, cũng bình yên như thế này, nhưng sao bây giờ tôi sợ hãi sự im lặng này kinh khủng. Tôi muốn mẹ nói thật nhiều, trách móc thật nhiều về tôi như thằng Tắm nói để tôi có thể tự ngẫm lại mình. Bao nhiêu năm trôi qua, tôi để mẹ một mình mòn mỏi sống trong hiu quạnh. Tôi có thể chu cấp cho mẹ đủ mọi thứ để mẹ sống thanh nhàn. Nhưng chính sự im lặng này của bà làm tôi đau đớn. Mẹ tôi không cắt chẻ mạn hào vì chờ anh tôi hồi trước rồi giờ lại chờ tôi. Mẹ sống trong ngôi nhà cũ với nhiều kỉ niệm mà ngày cả dáng ngồi cũng không thay đổi. Tôi bây giờ mới có thời gian để soi lại mình kĩ đến thế, để được ở bên mẹ bình yên lâu như thế.

Im lặng kéo dài mãi cho đến khi mẹ tôi mở lời. Bà xoa đi những dãn vật trong tôi bằng lòng vị tha cao cả:

- Anh ngồi đây chơi, mẹ ra chợ kiếm cái gì, trưa thằng Tắm sang anh em uống rượu. Lâu lắm rồi chúng mày có ngồi với nhau đâu?

Nói rồi mẹ tấp tênh cấp chiếc rổ đi ra ngõ. Tôi nằm im như thế không biết bao lâu nữa, chỉ đến khi tỉnh dậy mới mình biết mình đã mơ một giấc mơ thật dài. Mơ được đắm mình trong dòng sông quê hương thơm ngát mùi hoa bản nở, mơ tiếng sáo diều vi vút thổi và bước chân khắp kiểng bước theo mẹ ra chợ qua con ngõ rộng rênh thơm mùi chè mạn hảo tươi vừa mới cắt.■



Minh họa của VŨ ĐÌNH TUẤN

LỄ TƯỞNG NIỆM 100 NĂM NGÀY SINH NHÀ THƠ TRẦN HUYỄN TRẦN, 1913-2013

Buổi lễ trang trọng và ấm cúng do Hội Nhà văn (HNV) tổ chức ngày 30-10-2013 với sự có mặt của bà quả phụ Trần Huyền Trân – lão nghệ sĩ Hạc Đình, cùng con trai Trần Kim Bằng, bên các nhà văn nhà thơ lãnh đạo HNV và đồng đạo văn nghệ sĩ danh tiếng quen thuộc. Nhà thơ Vũ Quần Phương trình bày một tham luận đầy xúc cảm, khẳng định giá trị chất thơ cổ kính, bi phẫn, khắc khổ rất độc đáo cá tính trong thơ Trần Huyền Trân; và đóng góp của chất thơ lãng mạn bi phẫn đó nổi bật trong Thơ Mới; cũng như xu hướng xã hội rất rõ trong thơ Trần Huyền Trân đã khiến ông sớm tham gia vào cuộc đấu tranh cách mạng. Nhà thơ Bằng Việt trình bày một diễn từ ngắn súc tích, nhận định tình phần uất và khí phách trong thơ Trần Huyền Trân chính là cái đã đưa nhà thơ này cùng với Tản Đà thành hai gương mặt lớn của thơ Việt Nam đầu thế kỷ XX. Theo Bằng Việt, Trần Huyền Trân đã có những câu thơ, bài thơ khiến ông đặt tấm vóc một nhà thơ lớn. Chủ tịch Ủy ban Toàn quốc Liên hiệp các hội VHNT VN, Chủ tịch HNV nhà thơ Hữu Thịnh chia sẻ các ý kiến của hai nhà thơ Vũ Quần Phương và Bằng Việt, và nhấn mạnh Trần Huyền Trân là người tham gia sáng lập HNV, tham gia Hội Văn hóa Cứu quốc từ ngày còn bí mật, mà lại ít được biết đến, chưa được đánh giá đầy đủ về thành tựu sáng tác, cũng ít được đưa vào giảng dạy. Nhà thơ Hữu Thịnh bày tỏ ý nguyện và tâm tình tri ân của HNV sẽ khắc phục thiếu sót do lịch sử để lại đó; khẳng định HNV sẽ hành động để không còn cống hiến nào, nhân vật nào bị bỏ sót, bị thiệt thòi trong văn học nữa.



N.C.H Các nhà văn thắp hương tưởng niệm nhà thơ Trần Huyền Trân

Ảnh: HỮU ĐỒ

KIẾM REO TRÊN ĐẦU BÚT (*)

(Trích tham luận của PGS.TS Lưu Khánh Thơ)

ĐẰNG sau tâm trạng cảm khái của ông không phải là những bài ngẫu hứng, tiếc nuối thường thấy trong thơ cổ mà là những nỗi niềm u uất, những day dứt không nguôi về tình đời, tình người giữa thực tại không thỏa mãn. Đôi khi, ta thấy giọng thơ ông bi tráng, tiềm ẩn những tâm sự lớn, những nỗi ưu tư dằn vặt lớn. Đường như đó không phải là tâm trạng ngoại lệ mà là tâm trạng phổ biến của những tâm hồn thi sĩ nhạy cảm đã bắt đầu nhận thấy một điều gì đó đang diễn ra, đang đến gần.

Khác với rất nhiều thi sĩ theo đuổi đến tận cùng thi nghiệp của mình, trong 76 năm hiện diện trên dương thế, Trần Huyền Trân chỉ dành cho thơ độ bảy, tám năm, chủ yếu là từ 1939 đến 1946. Sau này, tuy thỉnh thoảng ông có viết một đôi bài thơ, nhưng sự nghiệp chính của ông từ 1945 trở đi, có lẽ gắn với lĩnh vực sân khấu nhiều hơn.

Đường như đó là một phần lý do để Tô Hoài vừa nhận thấy ở Trần Huyền Trân "Một hơi thở gồ ghề, lấm liếm", vừa nhận thấy trong sự nghiệp ông "bộ môn nào cũng tưởng như đang còn dở dang, chưa hẳn đã tỏ rõ đầy đủ khí thế có thật của anh, nhất là trong thơ. Nếu ai đã đọc thơ anh, dễ thấy có lẽ những bước nhảy vọt trên đường phát triển, anh chưa sửa soạn, chưa có khai phá mới, luôn luôn mới, trong khi thật sự sức mạnh sáng tạo của anh hơn thế nhiều".

Tuy nhiên, tôi lại nghĩ hơi khác. Cái tinh anh của Trần Huyền Trân trong thơ đã phát tiết đúng độ của nó rồi. Cái tài hoa của thơ ông cũng đã đạt đến "cối". Cái bản sắc, giọng điệu riêng của ông cũng đã định hình. Khó có thể tìm ra căn cứ để nói rằng nếu ông không chuyển sang làm sân khấu, cứ tiếp tục sự nghiệp thơ ca của mình thì ông sẽ đạt đến những đỉnh cao sáng tạo khác, những thành tựu thơ ca lớn hơn thế. Tuy sáng tác không nhiều, nhưng ngay từ khi mới xuất hiện thơ Trần Huyền Trân đã "lọt mắt xanh" nhà phê bình Hoài Thanh. Trần Huyền Trân đã được đưa vào *Thi nhân Việt Nam* với lời đánh giá: "Viết đến đây tôi đã định khép cửa lại, dầu có thiên tài đến gõ cũng không mở. Thế mà lại phải mở cửa để đón một nhà thơ nữa! Trần Huyền Trân...".

Với những bài thơ đã có, đủ để người đời biết đến ông bằng danh hiệu nhà thơ, đủ để lịch sử văn học ghi tên ông vào danh sách những nhà thơ có bản sắc trong thơ ca Việt Nam hiện đại. Trong *Tuyển tập Nguyễn Bình* khi so sánh ba nhà thơ thuộc "hội tam anh" chính Tô Hoài xác nhận: "ở trường thơ ấy, mỗi người đã thể hiện một phong cách độc đáo. Thâm Tâm và Trần Huyền Trân sùng sùng và cũng cô đơn như gốc đa, như con đò một mình". Cái chung giữa họ là tâm hồn tù túng, bế tắc. Nhưng cái riêng giữa họ lại mỗi người một vẻ khác nhau: Thâm Tâm thường xúc cảm day dứt về những cuộc ra đi. Nguyễn Bình thường lưu luyến với cảnh xưa người cũ nơi thôn dã, quê mùa đầy tâm sự bi phẫn, u uất.

Đọc thơ Trần Huyền Trân, ta hay gặp những tâm trạng cảm khái:

Nhớ nhau vầy bút làm mưa gió
Cho đồng xương đời được nở hương.

(Lưu biệt)

Bút dầm biển mực chưa thành sóng
Đã phải cầm lòng khúc tráng ca.

(Đôi tay)

Nhớ người, nhạt thết rượu đời

Tay vo chỏm tóc, ta ngồi ta ca
Khóc nhau, ném chén tan tành...
Nghe vang võ cái bát bình thành thơ!

(Độc hành ca)

Có lúc, ta bắt gặp nhà thơ rầu rĩ trong đau khổ, tiểu tụy trong cô quạnh và bần hàn. Nhưng nhiều lúc ta thấy ông như bùng bùng tinh cơn say, trong chiều loạn "mỗi mồn chính khí lạc loài thơ" đã giác ngộ:

Nghĩa lớn ai mua bán chợ chiều
Đập vùi hoa lá biết bao nhiêu
Hãy cùng chiến địa chung trang giấy
Cất bút cho dòng chữ kiếm reo.

(Chiều loạn)

Và khi đụng tới những vấn đề lớn của đất nước, Trần Huyền Trân đã có những câu thơ hùng hục hào khí:

Khôi lửa bốc hoa tay kẻ sĩ,
Bốn phương về thảo chính khí ca.

(Đi trên đường Hà Nội sau ngày
Tuyên ngôn độc lập 1945)

Hay:
Hải Phòng cuộn cuộn dâng như biển
Nước mặn đồng chua thêm máu người.

(Hải Phòng, 11-1946)

Có lẽ, đó là thứ ánh sáng bên trong dẫn dắt ông đến với Văn hoá Cứu quốc, đến với *Đề cương văn hoá Việt Nam* (1943) và đến với những nhà văn, nhà thơ một lòng một dạ dành tâm huyết của đời mình cho sự nghiệp cách mạng của Đảng.

Hãy tạm gạt sang một bên hơi thơ có vẻ cổ kính, ý thơ nhiều khi khác lạ để trân trọng một hồn thơ nhạy cảm và tài hoa. Hình ảnh trước tiên là hình ảnh của chính bản thân ông - một nhà thơ lấm li, gân guốc, nhiều u uất và nhiều dự cảm. Ông hay bộc lộ tâm sự, hay độc thoại và có lúc ngỡ ngàng trước thời cuộc. Nhưng chưa khi nào ông tỏ ra uỷ mị, yếu đuối. Ta luôn luôn thấy ở ông những nghiêng ngả, những do dự, những băn khoăn về lẽ đời, lẽ người, những trăn trở về hành động, những định liệu về các cuộc ra đi đến một nơi nào đó mà chính ông cũng còn chưa ý thức được một cách thật rõ ràng. Một loạt bài như *Mưa đêm lều vó*, *Tha hương*, *Lưu biệt*, *Chiều mưa xứ Bắc gửi người xứ Nam*... đã phần nào nói đến tâm thế ấy của nhà thơ. So với Nguyễn Bình, Trần Huyền Trân ít làm thơ về tình yêu.

Bên cạnh khẩu khí và phong thái cao ngạo của thi sĩ đã bắt đầu chao đảo hơi men giang hồ, thơ Trần Huyền Trân còn bộc lộ một thứ tình cảm ít thấy trong sáng tác của các thi nhân tiền chiến. Đó là tình bằng hữu và tình mẫu tử. Đằng sau hình ảnh tự hoạ của ông, là hình ảnh những người bạn cùng cảnh, cùng chí hướng. Gần gũi hơn cả là Nguyễn Bình và Thâm Tâm. Hình như họ kết bạn với nhau không chỉ vì tài hoa mà còn vì những tù túng đói nghèo, những kỷ niệm rau cháo trong lều tranh, xóm chợ. Chỉ riêng thơ tặng bạn, tặng người thân của ông đã "Bắc cả thiên thu một nhịp cầu". Điều đáng quý là giữa hai phong cách thơ Nguyễn Bình và Thâm Tâm, Trần Huyền Trân vẫn giữ được một bản sắc riêng độc đáo. Thơ Trần Huyền Trân vừa phẳng phất cái dư vị ngậm vịnh của người xưa, vừa gần gũi với đời thường. Có những lúc, ông hình dung ra mình được ngồi uống rượu với Tản Đà, để giao cảm với tiền nhân:

Cụ hăm rượu nữa đi thôi
Be này chúng sắp cạn rồi còn đâu
Rồi lên ta uống với nhau

Rót đau lòng ấy vào đau lòng này.

(Uống rượu với Tản Đà)

Kể từ thời Thơ mới cho đến nay những câu thơ tả thực tâm trạng của con người thật như thế này cũng không phải là nhiều. Lại có những lúc, với một người đàn bà yêu thơ nào đó, ông bộc bạch:

Tìm tới chiếc lá đầu xanh
Tâm đời ăn rồi trở cảnh còn chi.

(Thư bà)

Hình như đó là lúc thi nhân cảm thấy thấm thía nỗi buồn về sự đen bạc của cuộc đời. Song, khác với Nguyễn Bình, Trần Huyền Trân đã khước từ được sự mờ mịt của những cuộc giang hồ. Ông đã đến với Cách mạng sau rất nhiều những dự định lưu biệt, ra đi. Điều đó, phù hợp với những gì đã từng khiến ông day dứt, "say ca" và "bốc máu lên", khi "chân trời đã rạng". Những năm cuối đời, khi đã bước vào tuổi 70 Trần Huyền Trân vẫn có những câu thơ đẹp nói về đất nước mà hồn thơ ông đã suốt đời gắn bó: "Cho xanh gốc tự do - Cho xanh trời độc lập - Cho bông hoa nhỏ nhất - Cũng thơm suốt đời hoa - Ngắm người ta hoá đất - Tuổi nước mất yêu thương - Thơ mang tình đất nước - Vẫn vỗ tận nguồn hương".

Từ năm 1954 trở đi, Trần Huyền Trân chuyển sang hoạt động chủ yếu ở lĩnh vực sân khấu. Từ đó cho đến lúc hai tay buông xuôi "lực bất tòng tâm", ông đã dành cho sân khấu tất cả những gì còn lại: bầu nhiệt huyết của nghệ sĩ và tình yêu trở thành nỗi đam mê với nghệ thuật chèo. Quả thực, ở địa hạt mới này, ông không còn bộc lộ tài hoa như ở địa hạt của thơ ca trước Cách mạng, nhưng ông lại bộc lộ một năng lực khác - năng lực cảm thụ những cái hay, cái đẹp của nghệ thuật chèo truyền thống. Ngoài công việc quản lý và tổ chức, ông cùng một số nghệ sĩ như Lộng Chương, Lưu Quang Thuần, Nguyễn Đình Hàm, đã dày công sưu tầm, chỉnh lý những tích chèo cổ, những trích đoạn đã trở thành mẫu mực nhằm bảo lưu những giá trị nghệ thuật cao quý của dân tộc và đào tạo nghệ cho những thế hệ diễn viên mới.

Số phận Trần Huyền Trân có nhiều điều bất hạnh. Nhưng lúc nào ông cũng là người hiền hậu, vui vẻ và giàu tình nghĩa. Tôi vẫn còn nhớ những lần được đi cùng cha tôi đến thăm ông. Sau một hồi dài ngồi trên tàu điện nghe tiếng chuông leng keng chạy dọc phố Hàng Bội, cha con tôi bước vào căn nhà làm bằng tre nứa của ông ở phía sau nhà thờ Nam Đồng. Ở đó các ông say sưa bàn bạc với nhau những dự định về nghệ thuật, chia sẻ cùng nhau những ấm lạnh của cuộc đời.

Trần Huyền Trân mất ngày 22-4-1989 tại Hà Nội. Rồi thời gian sẽ làm mờ dần hình ảnh tiểu tụy của ông vào lúc cuối đời trong con mắt những người quen biết. Nhưng những câu thơ và bầu tâm huyết ông dành cho nghệ thuật mãi mãi còn gắn liền với cuộc đời tài hoa mà bất hạnh của ông. Ngày chia tay ông, một buổi chiều tháng tư buồn lạnh, con trai ông cầm chai rượu trắng dốc lên mộ, bên cạnh đó nhà viết kịch Lộng Chương nghẹn ngào đọc những câu thơ vĩnh biệt.

Bạn đã đi về nơi vĩnh cửu
Bạn ơi lòng đất ấm tình không?

(*) Đầu đề do Văn nghệ đặt.

HỘI THẢO NHÂN DỊP KỶ NIỆM 95 NĂM NGÀY SINH NHÀ VĂN NGUYỄN HỒNG

ĐỌC “MỘT TUỔI THƠ VĂN” NGHĨ VỀ NHỮNG SAY MÊ HỘI NHỎ CỦA NGUYỄN HỒNG

LƯU VĂN KHUÊ

(Nguyên Tổng Biên tập Tạp chí Cửa Biển)

Chủ tịch Ủy ban Toàn quốc Liên hiệp VHNT Việt Nam, Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam, nhà thơ Hữu Thỉnh hào hứng nhận xét đây là một hội thảo sang trọng và chân tình bậc nhất – có lẽ là bởi nó toát lên được cái phong thái văn học rất riêng đó của truyền thống Thành phố Cảng, mà Nguyễn Hồng là một tấm gương hội tụ.

Hội thảo do Hội Nhà văn Việt Nam và Liên hiệp VHNT Hải Phòng phối hợp tổ chức, với sự hiện diện của nhà thơ Hữu Thỉnh, nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, Ts. Lê Thị Bích Hồng bên cạnh các vị Chủ tịch Liên hiệp VHNT Hải Phòng nhà biên kịch Tô Hoàng Vũ, Chủ tịch Hội Nhà văn Hải Phòng nhà văn Đình Kinh, với các vị khách đặc biệt – ông Đỗ Trung Thoại, Phó Chủ tịch UBND Tp. Hải Phòng, ông Nguyễn Hữu Doãn, Trưởng Ban Tuyên giáo Thành ủy, cùng các con của nhà văn Nguyễn Hồng – ông Nguyễn Văn Sơn, bà Nguyễn Thanh Thu, bà Nguyễn Thanh Diệu.

Đông đảo các nhà nghiên cứu có công trình về Nguyễn Hồng, các nhà văn, nhà thơ cùng bạn đọc nhiều thế hệ tạo nên một cử tọa đặc biệt của hội thảo này.

Hai mươi tham luận gửi về dự hội thảo, có những bài nghiên cứu bề thế như tham luận của PGS.Ts. Trần Đăng Suyền, PGS.Ts. Nguyễn Ngọc Thiện, Ts. Lê Thị Bích Hồng, của nhà văn Hồ Anh Tuấn, nhà nghiên cứu lịch sử Ngô Đăng Lợi, v.v.

Sự nghiệp sáng tác đặc biệt đầy ảnh hưởng của Nguyễn Hồng với hơn 40 tác phẩm được nhìn nhận sâu rộng toàn diện qua các tham luận ở đây. PGS.Ts. Trần Đăng Suyền nhấn mạnh văn chương của Nguyễn Hồng nổi bật như một thành tựu giao thoa của nhiều trào lưu nghệ thuật văn học và tư tưởng hiện đại đương thời, giữa chủ nghĩa hiện thực cổ điển với chủ nghĩa lãng mạn, giữa tư tưởng nhân văn khai sáng với tư tưởng cách mạng tiến bộ của thời đại, giữa sự dày dặn khác thường của trải nghiệm sống với rung động luôn mãnh liệt và tinh tế với tình người bình dị sâu xa.

Nhà thơ Hữu Thỉnh nêu rõ trong kết luận hội thảo: Nguyễn Hồng là một tác gia sử thi hiện đại vào hàng lớn nhất Việt Nam, một nhà văn hiện thực xuất sắc thế kỷ XX, đã góp phần quan trọng hoàn thiện quá trình hiện đại hóa thứ nhất của nền văn học nước nhà, đặt nền móng vững chắc cho văn học cách mạng và kháng chiến.

NHỮNG tác phẩm đưa Nguyễn Hồng đến Giải thưởng Hồ Chí Minh bao gồm các tiểu thuyết: *Sóng gấm* (1961), *Con bão đã đến* (1967), *Thời kỳ đen tối* (1973), *Khi đưa con ra đời* (1976), *Thù nhà nợ nước* (1981), tập thơ *Trời xanh* (1963); các hồi ký: *Bước đường viết văn* (1971), *Những nhân vật ấy đã sống với tôi* (1978); các tiểu thuyết công bố trước ngày thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, nay tiếp tục được sử dụng: *Bỉ vỏ* (1938), *Những ngày thơ ấu* (1941)

Nguyễn Hồng có một tác phẩm ít được nhắc tới, đây là hồi ký *Một tuổi thơ văn*, nhà xuất bản Kim Đồng ấn hành lần đầu năm 1973, trong đó tác giả kể về tuổi thơ của mình với những say mê hồn nhiên, từ chuyện học hành, đọc sách, đá bóng, đến chuyện ông xầm mù hát rong trên đường phố Nam Định. Trong các tác phẩm đưa Nguyễn Hồng đến với Giải thưởng Hồ Chí Minh *Một tuổi thơ văn* cũng không được kể đến⁽¹⁾. Giữa thời buổi chức năng giáo dục được chú trọng đặc biệt thì tính giáo dục ở *Một tuổi thơ văn* có thể nói là quá nhẹ nhàng, hay nói đúng hơn được tác giả quan niệm và thể hiện một cách thanh thoát và không giáo điều. Những Nguyễn Thái Học, Kỳ Con, Nguyễn Đức Cảnh có được nhắc đến nhưng không thể sánh nổi với hứng thú đầy tính trẻ thơ về Đình Bộ Lĩnh cười trâu đánh trận cờ lau hay Na Tra thái tử chân đạp phong hỏa luân, tay vung cần khôn quyền, không thể chen nổi chỗ với một lũ một lốc những là Trụ vương, Đát Kỷ, Tôn Ngộ Không, Hạng Vũ, Tào Tháo, ngựa Xích Thố, thanh long đao, Lỗ Trí Thâm, Lương Sơn Bạc, Hoa Quả sơn, Tây du, Thủy hử... tất cả khoảng 50 cái tên được kể ra không chỉ một lần, theo dòng cảm xúc cuốn cuộn như thể sống lại trong tác giả một thời thơ trẻ với những đam mê đến từ các bài học trên lớp, từ các cuốn truyện, các minh họa trong sách giáo khoa và cả những tờ những sách quảng cáo thuốc chữa bệnh.

Đọc *Một tuổi thơ văn* thấy hai điều: Thứ nhất, thấy những say mê thời thơ ấu của Nguyễn Hồng góp phần không nhỏ trong việc làm nên nhà văn Nguyễn Hồng sau này. Thứ hai, đọc *Một tuổi thơ văn* rồi đọc tiếp hồi ký *Bước đường viết văn* và *Những nhân vật ấy đã sống với tôi* sẽ thấy hiện ra chặng đường văn chương của

Nguyễn Hồng, bắt đầu từ những say mê hồn nhiên thời thơ ấu đến ý thức về trách nhiệm của người cầm bút sau này. Hai điều này thiết nghĩ cần cho những nghiên cứu sâu về Nguyễn Hồng nói riêng và quá trình sáng tác của nhà văn nói chung. Ở đây chỉ đề cập điều thứ nhất.

Tại sao nói những say mê thời trẻ của Nguyễn Hồng góp phần làm nên nhà văn Nguyễn Hồng? Đọc *Bỉ vỏ*, *Cháu gái người mãi võ họ Hoa*, *Chuyện bên bờ suối Cát* và *con hùm con hổ côi*, *Núi rừng Yên Thế* có thể thấy nhiều nhân vật mang màu sắc hào hán, võ hiệp, nhiều cảnh sông nước, núi rừng kỳ vĩ. *Một tuổi thơ văn* lý giải điều này. Và cả bài thơ *Cửu Long giang ta đi* cũng lý giải điều này:

Ngày xưa ta đi học
Mười tuổi thơ nghe gió thổi mùa thu
Mắt ngẩng lên trông bản đồ rực rỡ
Như đồng hoa bỗng gặp một đêm mơ
Bản đồ mới, tường vôi cũng mới
Thấy giáo lớn sao, thước bằng cũng lớn sao

Gây thần tiên và cánh tay đạo sĩ
Đưa ta đi sông núi tuyệt vời
Tim đập mạnh hồn ngây không sao hiểu
Mê không dài hơn ngàn cây số

Nguồn tự Trung Hoa có Vạn Lý Trường Thành
Có Hi Mã Lạp Sơn, Động Đình hồ,
Tây du, Thủy hử

Hội nhỏ Nguyễn Hồng rất mê truyện cổ Tàu. Ngày trước ta ít gọi là Trung Quốc hay Trung Hoa mà gọi là Tàu. Truyện ngắn *Người mẹ Trung Quốc* của Nguyễn Hồng vốn được ông đặt tên là *Người đàn bà Tàu*. Nước Tàu ngày xưa ít khi nào ngừng im trập mạc, đành rằng vậy, nhưng không phải không có lúc thanh bình; đất nước ấy không chỉ có các tiểu thuyết chiến trận *Tam quốc diễn nghĩa*, *Thủy hử* mà còn có các truyện tình *Hồng lâu mộng*, *Tây厢 ký* cũng hay không kém, nhưng Nguyễn Hồng chỉ mê những truyện đánh nhau, mê đến mê mệt những anh hùng hảo hán sức bạt sơn cử đỉnh, võ nghệ cao cường, như Hạng Vũ, Triệu Tử Long, mê cây cây thiết trượng của Tôn Ngộ Không, thanh đại đao của Quan Công, mê bộ râu vênh ngược, đôi búa khai sơn của Lý Quỳ, nắm tay đâm chết hổ của Võ Tòng. Với Bao Công, ông chỉ mê những vụ án lý kỳ còn những câu chuyện tình, những trang tình cảm không

hợp với ông.

Hồi ấy ở thành phố Nam Định có hiệu cho thuê sách và Nguyễn Hồng thường đến đây thuê truyện Tàu để đọc. Hiệu này có cả một đồng những quyển sách vàng xỉn, không trang nào không rách, không dán lại, bìa được chủ nhân gia cố còn dày hơn cả mo nang, khâu chỉ gai rất kỹ mà vẫn gãy gập, nhàn nhúm, chứng tỏ không chỉ Nguyễn Hồng mà rất nhiều người thuê để đọc. Đồng rách và ấy là cả một kho truyện về những vua chúa và anh hùng võ hiệp của cái đất nước nghìn năm tranh giành bá quyền và binh đao khói lửa.

Sách ngày ấy đắt, chủ hiệu để phòng biển thủ nên người thuê phải đặt cược 1 đồng mỗi cuốn; tiền thuê thì từ 1 xu đến 3 xu tùy từng cuốn. Một đồng mua được gánh gạo tám xoan nặng, còn 1 xu thì được cái bánh tây nóng giòn rưới thứ nước mắm từ cái liễn ngâm ngập giò chả, ăn vào sướng lưỡi. Nên Nguyễn Hồng và bạn bè phải rủ nhau góp tiền thuê để đọc chung. Bạn bè không biết thế nào chứ Nguyễn Hồng thì đọc hết nhẵn đám truyện Tàu của hiệu cho thuê sách ấy.

Ngày trước lớp bét bậc tiểu học gọi là lớp năm rồi dần lên lớp bốn, lớp ba, lớp nhì, lớp nhất. Học hết lớp nhất là đã đủ kiến thức để đi làm nuôi thân và nuôi vợ con, vốn tiếng Pháp cũng tạm để giao dịch. Trong một lần nói chuyện với chúng tôi, nhà văn Nguyễn Đình Thi cho biết ngày trước càng các lớp cao tiếng Việt càng ít sử dụng còn tiếng Pháp càng được dùng nhiều, ở bậc đại học thì dùng hoàn toàn tiếng Pháp. Còn như tìm hiểu của chúng tôi thì các nhà văn nhà thơ ngày trước học tới đại học không nhiều. Riêng Hải Phòng, người có trình độ cao nhất là Lê Đại Thanh, ông học đến cao đẳng rồi được bổ về dạy ở Nam Định, chính ông dạy lớp nhì B Nam Cao học, khi đó Nguyễn Hồng học lớp nhì C nên Nguyễn Hồng cũng coi ông là thầy (Lê Đại Thanh: *Ba đức tính của Nguyễn Hồng* - Tạp chí Cửa Biển số 29/1996; báo Văn nghệ số 30, ngày 27/7/1996; 45 năm Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Hải Phòng, Nxb Văn học, 2011.)

Lên lớp ba Nguyễn Hồng bắt đầu được học lịch sử Việt Nam qua cuốn sử kiêm địa lý là *Sử ký địa dư giáo khoa thư*, tuy nhiên ông lại hiểu và yêu lịch sử nước nhà chủ yếu qua những tờ những sách

quảng cáo thuốc. Người ta in bên cạnh tên thuốc và công hiệu của thuốc những tranh vui, truyện kể lịch sử và các sự tích. Nguyễn Hồng có được học một ít chữ Nho nhưng chỉ nhớ lõm lõm, song các biển hiệu chữ Tàu ở các tiệm ăn, cao lầu, hiệu bánh, rạp chiếu bóng ở Nam Định thì dù rắc rối đến đâu ông cũng nhớ vanh vách!

Nguyễn Hồng rất mê đá bóng, năm học lớp nhì có lúc ông mê đá bóng còn hơn cả đọc truyện Tàu. Đá ở sân trường, bãi cỏ, vỉa hè. Nghỉ học ra chơi là đá. Đá quên ăn. Hôm nào đá thắng thì học rất hứng thú.

Nhà Nguyễn Hồng ở Nam Định cách bến tàu thủy chỉ hơn trăm thước. Những con tàu Phi Long, Phi Hồ, Phi Phụng, Giang Môn, Long Môn, Nam Hải ngày đêm ầm ầm nổi còi trên dòng sông vào mùa nước cường vàng như nước giã của và váng rêu tựa hồ chỉ rình dịp là tràn vào thành phố. Nó dội vào đầu óc mơ mộng của ông mơ ước được theo những con tàu như kinh ngư, giao long ấy để đi Hải Phòng vào Sài Gòn và cả những năm châu bốn biển.

Tới lớp nhì Nguyễn Hồng đã ít đọc truyện Tàu, ông bắt đầu mê báo và truyện ngắn mới, thơ mới, ông đến với truyện Tây, như *Lễ Bình San phiêu lưu kỳ*, *Quilive du kỳ*, *Vô gia đình*... (Chúng tôi giữ nguyên tên sách ngày trước và cách gọi của Nguyễn Hồng). Vẫn đầu óc mơ mộng và mê những gì phiêu lưu, hào hiệp nhưng lúc này những tác phẩm li lỳ, những tình tiết éo le đã ít hấp dẫn ông.

Năm 15 tuổi Nguyễn Hồng phải đi thi đỗ tiểu học rồi đi làm hay thi lên thành chung, cuối cùng ông quyết định không học lên nữa mà theo bà nội đi Hải Phòng, Hồng Gai kiếm sống, sau đó chia tay vĩnh viễn Nam Định, gần bó hân với Hải Phòng. Không rõ nhà ông giờ nơi nào trong xóm Cầm, chỉ biết ông kể là ngay dưới chân gác chuông nhà thờ. Ông dạy học và bắt đầu viết. Ở *Một tuổi thơ văn* Nguyễn Hồng không nói kỹ những ngày ở xóm Cầm nhưng trong *Những ngày thơ ấu* ông có nói, gọi là xóm C. và dành hẳn một chương nói về việc dạy học; đến năm 1938 ông đã dạy học được 3 năm. *Một tuổi thơ văn* cũng không nói ông bắt đầu viết như thế nào nhưng trong *Bước đường viết văn* nói ông đến gặp Thế Lữ ở Ngô Nghè như được đến để chiêm ngưỡng ông quyết tâm bước vào con đường văn chương!

Có thể nói những say mê thời thơ ấu của Nguyễn Hồng cũng hết như bất kỳ chú bé nào, chỉ khác, những say mê ấy sau này góp phần làm nên nhà văn Nguyễn Hồng, ít ra là bóng dáng anh hùng hảo hán và hình ảnh kỳ vĩ của núi rừng ở một số nhân vật trong tác phẩm của ông.

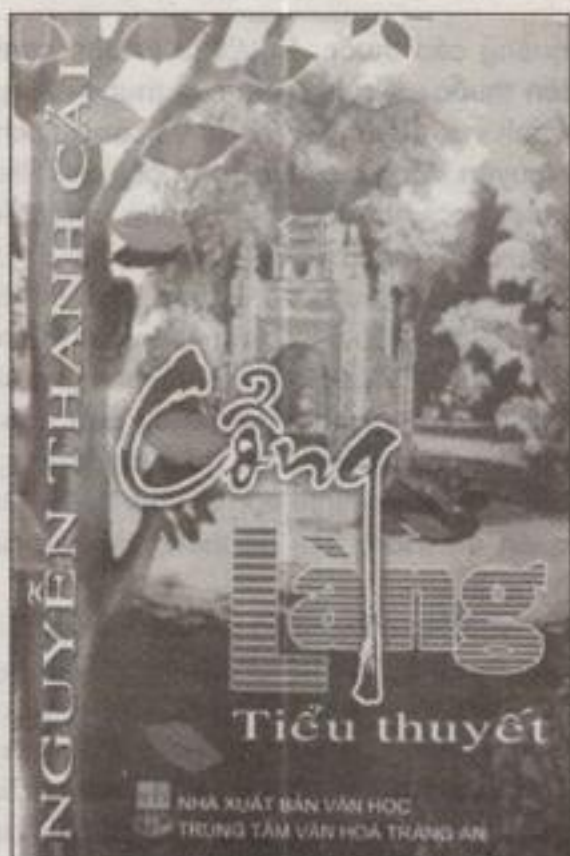
Còn điều nữa cũng cần phải nói: Nguyễn Hồng nặng lòng với tất cả những nơi mình gần bó và ông đã trả gần như trọn vẹn món nợ lòng với tất cả, với Hải Phòng, Bắc Giang, Hà Nội. Còn *Một tuổi thơ văn* ông dành cho thành phố Nam Định cùng tuổi thơ ông. ■

ĐỌC SÁCH

BỨC TRANH SINH ĐỘNG
TRÊN ĐỒNG TRONG LÀNG

(Đọc tiểu thuyết *Cổng làng*
của Nguyễn Thanh Cải -
Nxb Văn học - 2013)

NGUYỄN UYÊN



Nguyễn Thanh Cải cấu dựng các nhân vật và sự kiện, dẫn dắt từ đồng qua cổng về làng, rồi từ làng qua cổng, biến chuyển suốt thời gian rộng dài hơn bốn mươi năm. Phần thứ nhất: - *Vỡ làng* phản ánh giai đoạn hợp tác xã (HTX) hợp nhất *liên thôn*. Giai đoạn này HTX lớn toàn xã, cơ sở vật chất không được đầu tư, trình độ quản lý không được nâng cao. Lãnh đạo điều hành chủ yếu trên *bàn họp*, xã viên thì đi muộn về sớm, nhà nông mà trẻ nãi với ruộng đồng. Tình trạng người nông dân bỏ ruộng bỏ quê đi làm thuê dẫn đến xé đồng và vỡ làng.

Phần thứ hai - *Những mảnh vỡ* phản ánh mỗi hộ gia đình được nhận khoán vài mảnh ruộng, gọi là để nông dân được làm chủ trên thửa ruộng khoán của mình. Đúng là nông dân đã trở về với đất, trẻ con người lớn ra đồng cày cấy trên mảnh ruộng nhỏ chỉ bằng một xá bữa, trâu cày không quay được, dân phải đi cuốc ruộng. Chuyện một người trồng mướp bán xơ thì được, đến khi "Cả làng biến đồng ruộng thành vườn trồng mướp để bán xơ nên sau đây cả làng nghèo xơ xác". "Nhìn cánh đồng cứ như tấm áo vá chằng vá đụp đủ loại mụn vái"... Phần thứ ba - *Những mảnh vỡ ghép lại*, ruộng đồng manh mún, canh tác và tiêu thụ sản phẩm không thể đơn độc tự phát mãi theo chợ làng trong thời đại kinh tế thị trường. Đã đến lúc những mảnh ruộng manh mún phải ghép lại theo chủ trương *dồn ở đổi thửa, cánh đồng mẫu lớn* để thuận lợi đưa công nghệ mới, giống mới vào sản xuất, gieo trồng và tiêu thụ hàng hóa. Bà con tự thấy không thể dùng ba, bảy công cuốc ruộng, trong khi chỉ một vệt máy cày. Vậy là các tổ hợp tác theo ngành nghề hợp lại. Nhận thầu khoán một vùng đầm bãi một vụ bắp bênh để lập vồng trồng cây nuôi thủy sản. Hình tượng đầm bãi nuôi đặc sản rươi có giá trị cao: "Một thúng rươi bằng mười thúng thóc đấy, chủ tịch ơi!". Doanh nghiệp nước ngoài Việt - Hàn vào hợp đồng thuê đất bằng làm xưởng, hợp đồng lao động địa phương, mỗi tháng trả lương ba, bốn triệu đồng. Người lao động không phải đi xa, ăn nghỉ tại nhà mà vẫn có việc làm như công nhân (gọi là xuất khẩu lao động tại chỗ)... Con em quê hương ra ngoài làm ăn phát đạt dành vốn đầu tư bắc cầu, dựng chợ (*Hấn cầu phao*)... Đó là những mô hình mới được tác giả tiếp cận từ thực tế công nghiệp hóa nông thôn mới hiện nay.

Số phận nhân vật văn học là cái cốt

để mang lại sự thành công. Đó là cụ Viễn, người được cứu sống từ đồng xác chết năm *bốn nhăm*. Thoát chết đói nên có dịp một ngày cụ chỉ ăn một bữa, còn một bữa thay bằng hai bát nước chè xanh. Dựng cái nhà nhỏ bên cổng làng, học được chữ nào thì truyền cho dân chữ ấy. Cụ Viễn là nhân vật chứng kiến mọi đổi thay gần nửa thế kỷ của làng Hưng Thái, một công dân cho ý kiến quan trọng là: "Đồng ý dỡ cổng làng cho xe chở thiết bị công nghiệp hóa vào làng". Lão Khủng là đại địa chủ một thời chiếm giữ một phần ba ruộng đất của làng. Muo mà mà thất thế lỡ thời. Lão Khủng được tác giả dày công dựng như nhân vật đại diện cho hệ tư tưởng mang chất tư hữu phong kiến tồn tại trong nông thôn Việt Nam.

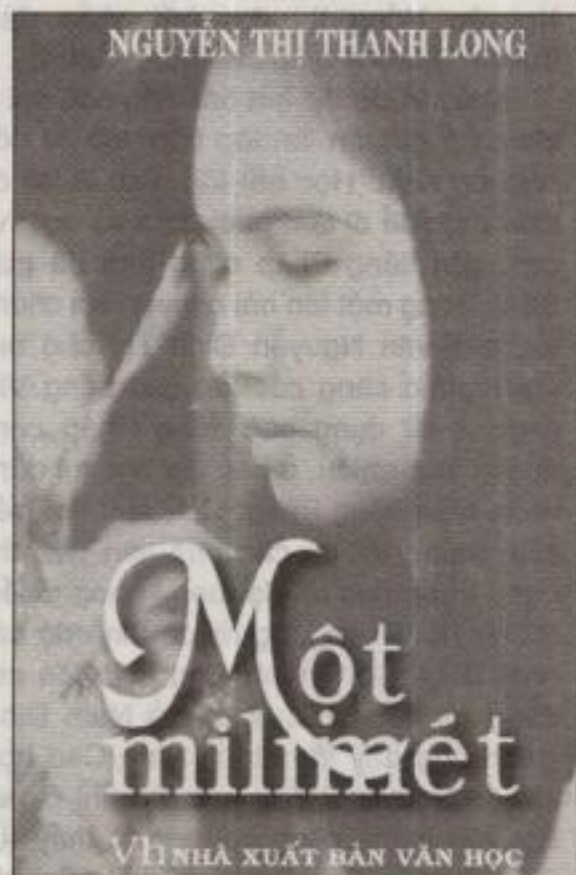
Nhóm nhân vật xuyên suốt từ đầu tới cuối là chủ nhiệm Điện, Bí thư Đức, Chủ tịch Dũng. Chủ nhiệm Điện hiền lành chất phác, tận tụy, nhưng tổ chức nhà nông ấy chỉ là ngọn cờ của một thời *lấy cần cú bù thông minh*. Bí thư Đức thuộc các chủ trương chính sách, nhưng thiếu nhạy bén thực tiễn, nhiều lúc khiến cường, áp đặt, sau rồi cũng phải đi tìm hiểu nơi này nơi khác để khi trở lại điều hành suôn sẻ hơn. Chủ tịch Dũng là thế hệ thứ 2, con của cán bộ đã qua nhiều thử thách nên được kèm cặp từng bước, từng việc lãnh đạo vững vàng hơn. Các nhân vật như nhà báo Nhật Minh và một số cán bộ các ban, ngành Trung ương làm *cầu nối*. Ở đây tác giả cho rằng vai trò cán bộ Trung ương đi cơ sở khi gặp sôi động từ thực tiễn hằng hái, nhưng khi về báo cáo thì rụt rè. Gặp phải trưởng ban nông nghiệp công thần, bảo thủ... Ngoài những sự kiện điển hình, tác giả đã sử dụng vai trò nông dân làm nền của tác phẩm. Những người nông dân có cá tính như lão Sắt, lão Gang chen vào các đám đông. Mọi diễn biến như thế làm cho bức tranh trên đồng, trong làng sinh động và hấp dẫn.

GIÁO ÁN CUỘC ĐỜI
CÓ AI

SOẠN ĐƯỢC KHÔNG?

Đọc hai tập thơ *Một milimét*,
Nxb Văn học, 2011 và *Nửa vòng tay*,
Nxb Hội Nhà văn, 2013 của
Nguyễn Thị Thanh Long)

NGUYỄN VĂN TOẠI



"NGƯỜI đàn bà đọc hành trên đường đời mãi miết" này luôn tiềm ẩn một cơn bão "khát" - khát lạc yêu, khát lối, khát ngô, khát lạc lái, khát mùa, khát cả hương... Cuộc chia lìa như một lát cắt vào từng chữ trong thơ như: *Ngày đang kỳ kết hôn - Lồng tên nhau chữ kỳ - Chữ kỳ giờ vốn vẹn - Tên riêng của mỗi người*.

Biết rằng, là đàn bà mà làm thơ là "tự giam mình vào ngục thất" nhưng Nguyễn Thị Thanh Long vẫn tìm đến thơ làm phương tiện chuyển tải những thông điệp của "trái tim máu tước", cũng là giải tỏa cơn khát đang sung mãn. Từ "đàn bà" lặp đi lặp lại trong thơ chị như điệp khúc buồn. Chị phải tràn trề nhiều để tránh bị cớm bởi cái bóng thơ đồng nghiệp, bằng cách khai thác triệt để những tình huống của riêng mình, đôi khi rất thật, cốt sao đưa lại cho bạn đọc những cách tiếp nhận sinh động khác. Nảy sinh từ đó những ý thơ lạ và không ít câu thơ độc đáo.

Tình yêu với chị là thứ "tình yêu gây tự chít khăn tang". Gặp Đà Lạt thấy "Gió đưa lời báo bão", ấy là khoảnh khắc "Ven nguyên buồn trước vực hoàng hôn", "Trong mơ hồ vàng ngược tiếng chuông rơi"... Đã tự nguyện làm "muôn con sông và lành biển khơi" mà vẫn phải "cho em mượn bờ vai - Để nỗi buồn gây guộc được gục vào". Trung du, quê chị, nơi tán "cọ xèo xanh in nhớ xuống tháng ngày" cũng không giúp chị giải mã được được cơn khát. Trung du có người "Anh", một hình tượng xuất hiện khá đậm nét trong thơ chị, thực đấy mà hư đấy, rồi cuộc chỉ làm người đàn bà làng đời đơn côi khát thêm, để rồi lại đại đột "dùng tim mình viết những vần thơ - đổ sự thực rêu xanh - không đổ được lòng mình - Đêm vỡ" và "bản ngã đàn bà" đã không thắng được "những trang sờn hoen ký ức đàn ông".

Nếu "Hoang sơ vườn con gái" là bài thơ có tứ lạ - con gái đi xa trở về tìm cho người mẹ đã nhiều năm ốm liệt giường, bỗng phát hiện ra vẻ đẹp thời gian trần trụi trên cơ thể mẹ, khiến chị càng thương mẹ hơn lúc nào hết, thì bài "Hợp pháp" giúp nhận thức được một khía cạnh khác trong sự trống rỗng hạnh phúc: Người vợ lộng lẫy một bà hoàng, ông chồng là "mẫu đàn ông thành đạt" nhưng họ chỉ là hai khối thịt bành bao đặt bên cạnh nhau khi hồn đã lìa khỏi xác.

Thơ Nguyễn Thị Thanh Long nhỏ nhẹ, da diết về mình, nhân hậu, đau đáu về đời. Còn những bài thơ, câu thơ "ngoài mình" của chị thường là kém hiệu quả về cả ý tưởng lẫn câu, chữ.

Nửa vòng tay là tên một bài thơ cũng là tên chung cho tập thơ mới xuất bản. Bài *Xin trả lại người* khép lại tập thứ hai này. Cả hai đều lấy cảnh và người trung du làm nền cảm xúc. "Sợ tiền anh rồi em khóc đấy - Trung du - nợ mãi nửa vòng tay". Ứng xử kiểu con gái mà! Tôi đã gọi điện vào tp. Hồ Chí Minh cho tác giả: "Còn nửa vòng tay kia sao không khép nốt lại?" Giọng chị ảm áp qua điện thoại đường dài: "Nếu vậy thì không còn thơ nữa!".

LỤC BÁT GỌI NGƯỜI

(Đọc tập thơ *Lục bát bốn câu*
của Lê Hường
Nxb Hội nhà văn, 2013)

PHẠM HỌC

Lê Hường đã có một "lưng vốn" thơ ca khá khá với 6 tập thơ, tập nào cũng đáng đọc, cũng có những câu, những bài khiến ta phải nhớ. Đa phần trong số ấy là lục bát. Lục bát dưới bàn tay Lê Hường đã mang sắc thái cá nhân riêng có, dung nạp nhiều nội dung vốn ít được khai thác.

Lục bát của Lê Hường mang hơi thở xã hội, cuộc sống đương đại. Những tràn trở trước mặt trái của cơn lốc đô thị hóa: "Liều xiêu phận vạc thân cò/ Dân nghèo lận lợi đi mò nuôi con/ Cái tôm cái tép đầu cò/ Đồng làng dự án treo mồn mỗi treo" (Mòn mõi); *Quê ta ruộng bán vẫn rói/ Ra thành phố ru nhau ngồi câu cơm/ Chợ người ngày một đông hơn/ Ruối nhiều mặt ít... mặt nhơn nhợt đau* (Câu cơm). Sự xuống cấp nghiêm trọng



của đạo đức, sự vô cảm của con người: *Cha vừa mất huyết chưa đào/ Anh em ruột đã ào ào choảng nhau/ Vườn nhà nhiều nhận gì đâu/ Đòi chia với chắc... cho đau đớn đời* (Đau đời). Sự đảo lộn các giá trị sống: *Đồng tiền lật ngửa xoay nghiêng/ Cán cân công lý chung chướng giữa tòa/ Đau thân vệt xót phận gà/ Ngồi nhìn dao thớt bày ra công đường* (Chung chướng).

Đọc thơ lục bát của Lê Hường, liên tưởng đến ca dao. Ca dao thường có kiểu đối đáp giữa các câu thơ hay khổ thơ. Trong thơ Lê Hường, nhiều khi sự đối đáp diễn ra ngay trong câu thơ. Có gọi đấy, cũng có đáp đấy, nhưng bằng im lặng: "Gọi nhà - cửa đông then cài/ Gọi giới - lác đác rơi vài hạt mưa/ Gọi em - không một tiếng thưa/ Gọi đồ - đắm rước dàu vừa qua sông" (Tiếng gọi). Theo lẽ thường, khi bơ vơ, người ta tìm bầu vịu vào những cái từ gần nhất đến xa nhất. Và trật tự lẽ ra là: "Gọi nhà" - "gọi em" - "gọi đồ" - "gọi giới". Đáng này, cái trật tự thông thường ấy bị đảo lộn. Câu thơ lay động bởi cái lý của nó, là logic tâm trạng: một nhân vật trữ tình cuồng quyết tìm liên hệ, mà chỉ nhận về im lặng và lờ mờ... Tâm trạng rối bời cũng là "môi trường" thuận lợi để từ lấy xuất hiện. Trong thơ Lê Hường, từ lấy có mật độ cao. Có khi, chỉ một bài thơ ngắn mà dùng đến 3 từ lấy liên tiếp trong 2 câu thơ: "Ta ngồi đọc ầm mình ta/ Cùng trang lứa bạn đi xa vẫn rói/ Bối hối ngó đất nhìn trời/ Nhăm nhĩ chén chát phận người mong manh!" (Đọc ầm).

Cùng với từ lấy là lối đảo ngữ, tạo ra một âm điệu lay đi lay lại, day dứt: "Nhà nghèo đôi khách đường xa/ Đêm con gà nhép bày ra đôi đàn/ Ruợu ngô rượu sắn nhĩ nhằng/ Mà say sưa mấy ai bằng... say sưa" (Nhà nghèo). Hay như: "Thập thò mấy đám cỏ gai/ Vênh vang nào dọa nổi ai đâu mà/ Gian ngoan vốn sợ thật thà/ Cây cong luôn lách vẫn là... cây cong!" (Cây cong). Lê Hường hay chốt hạ bài thơ bằng một câu dạng định nghĩa có màu triết lý như thế.

Lục bát truyền thống ưa kiểu ngắt nhịp điệu hòa theo lối nhịp chẵn. Lê Hường tìm đến cách ngắt nhịp biến ảo, nhất là những câu "bất" cuối bài: "Bên em, bên bếp than hồng/ Vàng ngô nếp nướng... bênh bóng sương bay/ Sa Pa chính chơng men say/ Khén Mông gọi bạn tình, hay gọi mình?" (nhịp thơ 2/3/3). Hay là cách ngắt nhịp rất lạ 4/2/2: "Bên em ông ánh mắt tình/ Bồng dưng mình lại ngỡ mình trẻ ra/ Địa đàng thơm thảo ngàn hoa/ Cắm bông thương nhớ, để mà... nhớ thương!" (Thơm thảo); cách ngắt nhịp 3/1/4, đọc lên đã thấy "mệt" thật rồi: "Không đâu thấy... thấy... con tim một nhồi!" (áo mộng).

Những thủ pháp đảo ngữ, ngắt nhịp đột biến hay sử dụng nhiều từ lấy đều là giúp Lê Hường nói lên một sự xáo trộn, đôi khi lẫn lộn, đến đổ vỡ, trong tiếng gọi trữ tình.

NGHỆ THUẬT

CUỘC THI NGHỆ THUẬT SÂN KHẤU CHÈO CHUYÊN NGHIỆP TOÀN QUỐC 2013

ĐIỀU MỪNG VÀ NỖI LO

PGS. TẮT THẮNG

24 vở diễn, từ đề tài hiện đại đến đề tài lịch sử, và các đề tài khác như dân gian, huyền thoại... trong cuộc thi này đã khiến cho ta vừa mừng lại vừa lo. Mừng rằng sự phong phú về đề tài diễn tả, đa sắc màu về khai thác chủ đề, nhiều dáng vẻ về sáng tạo phong cách... đã làm nên cái diện mạo mới mẻ và thể chất khác lạ của sân khấu cuộc thi lần này. Sự lạ khác ấy thể hiện ở chỗ đây không phải là cuộc thi chèo để tài hiện đại, thể mà tính hiện đại, cái linh hồn của sân khấu, lại thấm đượm trong hầu hết, và có thể nói là tất cả các vở dự thi. Cái tính hiện đại ấy khi thì nổi lên như sóng cuộn, lúc lại chìm xuống tựa luồng ngầm, tạo nên một dòng chảy xiết trong tiếp nhận và cảm thụ của người xem. Nạn chạy chức chạy quyền, nạn tham nhũng sa đọa cả khi đương chức lẫn lúc về hưu, nạn kiểm lâm cấu kết với lâm tặc, nạn trù dập người nhân nghĩa, nạn hiếu hỉ để thu nhận phong bao... đã là nơi hội tụ tính thời sự tươi rói, tính chiến đấu mạnh mẽ của sân khấu Chèo. Nhiều vấn đề về đạo đức xã hội, nhất là về chính trị quốc gia mà nhiều người, nếu không nói là toàn thể nhân dân đang quan tâm, đã được đề cập. Tính hiện đại còn ẩn trong lòng sâu các vở diễn đề tài lịch sử. Những con người của quá khứ cùng với các sự kiện xảy ra hôm qua và cả không khí của một thời đã lùi vào dĩ vãng... bỗng hiện lên khi tỏ khi mờ dưới ánh đèn sân khấu. Nhưng trong cái mờ tỏ ấy ai cũng cảm nhận được ý đồ sáng tạo của các nghệ sĩ muốn kéo quá khứ về với hiện tại, muốn đưa lịch sử tiếp cận những vấn đề về chống tham nhũng, về nỗi khổ của người dân, về sự lộng hành của kẻ cầm quyền, về cái mà ta có thể gọi là văn hóa từ chức, và do sự nhạy cảm của khán giả Việt Nam, về nỗi lo âu cho nguy cơ của dân tộc, của đất nước.

Nhưng mừng hơn nữa là, đa số các vở dự thi lần này đều đã diễn tả các nội dung trên bằng giọng điệu, cung cách của Chèo, bằng những đặc trưng thi pháp, thể loại của kịch chủng này. Trước hết là không sa đà vào những sự, những việc của hiện tại và quá khứ, mặc dù đôi khi cũng phải trình bày nó ở đề tài hiện tại, lắm lúc cũng nên tái hiện nó trong đề tài lịch sử. Nhưng hầu hết các vở đều tập trung vào *tinh*, vào *người*, cụ thể là vào văn hóa ứng xử giữa con người với nhau. Ấy là cái nội dung nhân bản quán xuyên trong những phương diện đạo đức, tinh thần, tư duy, tình cảm được khai thác ở khía cạnh văn hóa đã tạo nên hiệu quả cảm xúc của Chèo lần này...

Điều đáng mừng hơn nữa là đã thấy ở nhiều vở hình thái *cấu trúc* mảnh trò, một kiểu cấu trúc rất Chèo. Trong các vở này, tính tự sự được thể hiện bằng trò với sự kết hợp một cách hài hòa giữa trò diễn và trò nhời ở cả đề tài hiện đại lẫn đề tài lịch sử. Mảnh trò *Cung phi giả thiến đồ ghẹo thiên sư*, mảnh trò *Nguyễn Công Trứ vác củi* với linh thú biên ải (mà sử sách gia phả ghi là từ 1843 đến 1845), mảnh trò *Nam thê bầy thiếp* - vị

quan, nhà thơ với cả một thê đội vợ cả, vợ lẽ, thê thiếp, nàng hầu, (mà sử sách ghi là 1 vợ cả họ Đặng và 12 vợ lẽ). Mảnh trò *Tráo gươm báu truyền* để đoạt quyền nối ngôi. Mảnh trò *Đào thương tự vẫn* gieo mình xuống biển trên đường đi đẩy tới hòn đảo xa xôi. Mảnh trò *Thấy công trò*, rất nhiều và rất nhiều mảnh trò khác như: *Vương nữ giả điên* lòng đau như xé, xé vải trắng làm khăn tang thờ chống, nhất là mảnh trò *Múa thiêng hát vãn*, trước hòng sùng, người này ngã xuống, kẻ kia đứng lên, cuối cùng bỗng một bé gái xuất hiện tiếp tục hát múa làm sáng bừng lên cả một vở diễn...xu thế trò hóa đã làm nên cái chất Chèo đích thực cho nhiều vở diễn lần này. Và ngay trong *Xu thế trò hóa* đã nổi lên một xu thế khác, đó là *hài hước hóa*, một biện pháp mỹ học đã trở thành đặc trưng của Chèo cổ, được nối tiếp từ Chèo Nguyễn Đình Nghi đến Chèo hiện đại. Biện pháp đó đã quán xuyên hầu hết, thậm chí tất cả các vở diễn trên sân khấu cuộc thi, gây nên những trận cười tưởng như vỡ rạp cùng với những tràng vỗ tay tạo thành nhiều làn sóng đội ngược từ khán phòng lên sân diễn. Cùng với những vai hề ngoài tích mà Chèo cổ rất sở trường như hề gậy, hề mối, hề theo thấy, hề họ mếp... sân khấu đã phát triển những vai hề ấy thành một số vai hài, tức hề có tham gia vào tích. Nói đến đây không thể không nhắc tới hai vai hài nữ với cái tên rất hài Quắc, Quắc những bà đồng nát ngày xưa, không để lại dấu vết trong thư tịch lịch sử, nhưng vẫn được sáng tạo hư cấu, nhất là hư cấu sáng tạo để gây cười có ý nghĩa sâu xa. Một bà chủ quán mệnh danh là mụ Khỏe vừa bán rượu vừa bỏ thuốc đầu độc giặc mà cứ tỉnh bơ như không... và nhiều mảnh trò khác mà chúng tôi không thể kể ra ở đây. *Xu thế hài hước hóa* ấy thể hiện ở việc diễn tả những sự việc buồn cười bằng chính ngôn ngữ buồn cười, hơn nữa là biện pháp dùng ngôn ngữ buồn cười để diễn tả những sự việc nghiêm túc, cao hơn nữa là sự diễn tả cái bi (buồn) trong ngôn ngữ hài hước chứ không chỉ là sự đan xen giữa hai yếu tố này, điều mà bộ ba chèo *Bài ca giữ nước* (những năm 80 của thế kỷ XX) đã rất thành công với mảnh trò chôn sống *Hề già*... Hiện tượng đó lại được thể hiện ở không ít vở của cuộc thi

lần này (năm thứ 13 của thế kỷ XXI)...

Những điều mừng vừa nói ở trên là mừng cho Chèo của cuộc thi lần này và cả cho Chèo của thời đại hôm nay trên con đường tiếp thu những tinh hoa của Chèo cổ xưa kia để phát triển Chèo hiện đại bây giờ. Nói một cách có hình tượng thì, con tàu Chèo mới đã băng băng trên hai đường ray là bản sắc dân tộc và hiện đại tiên tiến. Nhân đây xin thêm: Chèo lịch sử lần này đã làm cho diện mạo và thể chất của Chèo có thêm những nét mới, ấy là cơ thể sử thi và bộ mặt hoành tráng, điều mà Chèo cổ tuyệt nhiên không có, còn Chèo Nguyễn Đình Nghi thì mới chỉ sơ sài vài vở mà thôi.

Trở lên trên là những cái mừng. Bây giờ xin trình bày đôi điều lo. Trước hết là trong cái đa dạng, đa sắc, nhiều hình, lắm vẻ của sân khấu Chèo lần này với sự phong phú về hướng đi của nó, ta nên định hướng như thế nào đây. Tất nhiên, có thể xác định là: giữ gìn bản sắc Chèo cổ và phát triển Chèo mới, tiếp thu những yếu tố tiên tiến hiện đại của các kịch chủng khác nhất là kịch nói. Nhưng như thế vẫn là chung chung, và khi đã chung chung thì đúng quá, mà khi đã quá đúng thì không còn gì để bàn nữa. Cho nên, điều đáng lo là ở chỗ: giữ gìn bản sắc như thế nào và phát triển tinh hoa ra làm sao. Để trả lời câu hỏi này, có lẽ cần có cuộc hội thảo lớn sau cuộc thi; đó là công việc mà các cơ quan quản lý Nhà nước như Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục Nghệ thuật biểu diễn... cần tiến hành ngay, bởi vì đó là vấn đề mấu chốt, hơn nữa đã có những tiền đề để giải quyết nó qua Cuộc thi lần này. Song le, ở đây cũng xin trình bày về một vấn đề đã được đặt ra với nghệ thuật Chèo từ những năm 60 thế kỷ trước: hiện tượng Kịch Chèo hay còn gọi là "Kịch nói cắm Chèo". Hiện tượng này còn đeo đuổi Chèo cho đến tận "Liên hoan Chèo về đề tài hiện đại" tại Thái Bình mấy năm trước. Phải chăng, với Cuộc thi Chèo lần này, ta đã có thể xác định một loại "Chèo cắm Kịch nói", cũng như trước kia ta đã từng than phiền về thứ "Kịch nói cắm Chèo". Nhưng để làm rõ những vấn đề này, thì cũng cần phải có sự nghiên cứu công phu và nghiêm túc.

Một điều đáng lo hơn: đây là cuộc thi Chèo chuyên nghiệp nhưng còn những

nơi, những chỗ nổi lên rất rõ yếu tố nghiệp dư mà một trong những điều dễ nhận thấy của sự nghiệp dư hóa này là thừa ra và thiếu hụt. Trong đời sống, rất cần liều lượng; trong nghệ thuật lại càng cần hơn. Bởi vì đối với nghệ thuật, nhất là Sân khấu, *thừa* cũng không được, *thiếu* lại càng chẳng xong, mà dứt khoát phải *đủ*, phải *vừa*... Tính trữ tình là cội nguồn sâu xa cho hát. Đã nói đến hát thì phải bàn về múa. Hiện tượng sử dụng dàn múa nữ để làm đẹp mắt khán giả, hơn nữa để dẫn Chèo vào cuộc là khá phổ biến lần này. Nhưng việc đưa quá nhiều vũ nữ lên sân diễn một cách không có liều lượng, thậm chí có vở đưa đến mấy chục cô, choán hết cả đất diễn, cứ y như là múa trong lễ hội du lịch ấy... đó cũng là thừa.

Thế là vấn đề lại liên quan đến yếu tố âm nhạc. Đương nhiên không ai phủ nhận sự phát triển của nhạc Chèo trong việc viết những ca khúc mới, thậm chí cả những hợp xướng, những khúc nhạc phức điệu dựa trên giai điệu, làn điệu cổ. Nhưng vấn đề là làm thế nào để các ca khúc và hợp xướng ấy không dẫn dòng sông Chèo ngập tràn ra khỏi lưu vực của nó. Đó cũng lại là một vấn đề học thuật đặt ra cho cuộc thi lần này. Lưu vực ấy cũng đồng thời là lưu vực của một nghệ thuật không gian ước lệ trong mỹ thuật Chèo, đó là *cái không gian tĩnh* với khả năng mở của nó. Nhưng sự phát triển của Chèo lại đòi hỏi tạo nên cả *không gian động* mà trên sân khấu cuộc thi lần này hầu như không thấy được sử dụng... Song nhìn chung, các họa sĩ đã chú trọng tới màu sắc Chèo trong mỹ thuật sân khấu, nên đa số các vở diễn đã có được "màu Chèo", tạo nên những bức tranh sinh động có bản sắc dân tộc rõ nét.

Cuối cùng là mối lo cho khâu chọn kịch bản. Nếu như cần mánh nước cho các nhà hát, các đoàn thì xin nói nhỏ rằng, có nhiều tiêu chuẩn để lựa chọn, nhưng một tiêu chuẩn mà chúng tôi cho là rất quan trọng: hãy chọn lựa những kịch bản có nội dung diễn tả văn hóa ứng xử giữa con người với nhau trong những hiện tượng xã hội, hãy tập trung tinh lực vào "người" chứ sa đà vào "việc", những việc có thể sướng mắt sướng tai đấy, nhưng lại tiềm ẩn khả năng làm tha hóa Chèo, biến nó thành không Chèo hoặc ít Chèo. Vậy trách nhiệm về ai? Xin thưa rằng về những người có quyền lựa chọn. Chọn lựa những vở đã không phù hợp, lại kém chất lượng để dàn dựng, không những dàn dựng mà còn đem dự thi, chỉ tổ làm khổ nghệ sĩ, làm khổ cả đoàn, cả nhà hát, cả lãnh đạo tỉnh thành, làm khổ cả những khán giả của địa phương mê chèo, rong ruổi đường xa đến tận thành phố Hải Phòng-hoa phượng đỏ để xem, mà xem thì thích thú vỗ tay một cách hồn nhiên. Nhưng vỗ tay là việc của khán giả, còn chấm giải là việc của giám khảo. Được giải thì chớ, không được thì than, thì vãn mà kêu lên rằng: "về lần này, chúng em chết". Thật ra, chết thì chẳng chết đâu; nhưng sống dở chết dở thì có đấy!■



BÙI THANH HẢI

Cựu sinh viên khóa 6 (1976-1982)

Kỷ niệm

Kính tặng Trường Đại học Y Thái Bình

Tôi nhớ mãi một chiều thu
Trời lồng gió và lòng tôi lồng gió,
Giây phút ngập ngừng bước qua ngưỡng cửa
Xao xuyến bồi hồi, máu áo mới sinh viên...

Mời về đây còn mơ cảnh chiến trường,
Nằm giường tầng nhớ căn hầm trên chốt
Tiếng bạn giường trên trở mình sang giấc,
Lại ngỡ mưa rừng rơi trên mái tầng nghiêng.

Bệnh viện về đêm sao chẳng được bình yên
Sống chết giằng nhau âm thầm lặng lẽ
Khác với Trường Sơn những năm dài đánh Mỹ
Bom đạn rít găm, vẫn điệp trùng, rộn rã cuộc
hành quân.

Tôi lớn nhiều theo năm tháng thời gian
Càng hiểu rõ hơn những đêm dài bệnh viện
Những nét mặt khổ đau, những vết thương tái
hiện
Cứ giục hoài kỷ ức, quận lòng tôi...

Sáu năm qua, kỷ niệm mãi còn đây
Lời thầy giảng năm xưa, nay trở thành tri thức
Cho tầm mắt nhìn xa, cho đôi chân mạnh bước
Đi giữ màu xanh sức sống cho đời.

Thu lại về cho là bàng rơi
Để mùa sau cây thêm nhiều tán lá,
Kỷ niệm nơi đây mãi trở thành nỗi nhớ,
Sắp sửa lên đường,
tạm biệt nhé
mái trường ơi!

LÊ LỢI

Cựu sinh viên khóa 17 (1987-1993)

Trở lại Thái Bình

Thế là tôi trở lại với Thái Bình,
Vời nón trắng, tà áo dài ông ả...

Nắng mùa thu vàng ươm theo sóng lúa,
Gió trên vòm cây lao xao, lao xao.
Thái bình ơi, bao kỷ niệm ngọt ngào
Thuở sinh viên Y, giờ thành hoài niệm.

Bao lứa sinh viên, rồi đi, rồi đến.
Có lúc nào người nhớ đến trường xưa.
Khi vui đùa học bài, khi vấn vờ,
Sáu năm tuổi thanh xuân, mà ngắn ngủi.

Ăn cũng vội mà học hành cũng vội,
Lúc giảng đường, khi trực viện thấu đêm.
Nhớ thầy cô kèm đường chỉ, mũi tiêm,
Nhớ bằng lăng nở tím trường, mùa hạ.

Đã qua rồi cảnh tranh tre, vách nứa,
Trường ta giờ đẹp hơn nhiều lần xưa.
Hiện đại hơn, trẻ trung đến bất ngờ,
Cứ mỗi lần về, thấy càng mới mẻ.

Thị xã buồn, đang thành đô thị mới,
Công nghiệp vươn lên trên tỉnh lúa Thái bình.
Từng ngõ phố còn vương mùi ổi chín,
Cốm đầu mùa cứ phảng phất đưa hương.

Trong sâu thẳm của tim mình, có lẽ
nếu thấy cô xưa, bạn cũ không về.
Thì giữa trường mình ta thành khách lạ,
Dấu vui cười nhưng lòng sẽ tái tê.

Nhưng vẫn cứ muốn trở về trường cũ,
Tìm lại mình trong nét trẻ sinh viên.
Để được vuốt mái tóc dài ông ả,
Và những đại khờ của tuổi hoa niên.

"Tình thân quý lắm, hơn vàng
là cây cầu dẫn người sang gặp đời
nếu cần đo đếm bạn ơi
thì hãy đo đếm số người thân yêu..."

Đó là những câu trong bài "Thơ trong ngày sinh nhật bạn" rút từ tập *Tháng Mười thương mến*, tập thơ được viết khi tôi nằm điều trị tại Bệnh xá Đại học Y Thái Bình mùa thu 20 năm trước. Với tôi quả vậy, không có tình thân yêu bè bạn với cuộc đời thì chưa dễ tôi đã thành tôi như hôm nay và điều chắc chắn, tôi không sáng tác được tập thơ này. Cũng bởi vậy, cứ mỗi độ Thu về, khi gió may đã trở nên đậm vàng hơn, mở lạnh hơn trong sương khói là lòng tôi thêm nhớ...

Độ Thu 1993 trong hành trình số phận nhỏ bé đời tôi là một mốc quan trọng. Chính nó tạo một môi trường, một chuyển động tâm lý như sự kè kích cho cuộc chuyển dịch sau này. Sau bao năm nằm bệnh, tưởng luy tre làng đã dựng một đường biên không thể nào qua, thì bỗng tôi bị bệnh và buộc phải lên thị xã chữa. Hình như đó là một cái "hích" lạ của định mệnh. Bệnh tình thực ra xoàng xĩnh, viêm phế quản. Lên điều trị tại Bệnh xá Trường đúng 10 ngày thì khỏi. Ấy vậy mà ở quê được một bác sĩ nhiệt tình chữa chạy cả tháng trời không đỡ, cứ chiều chiều là sốt, lại ho dữ. Ho thâu đêm. Người rạc, da tái xám đi, bạn Hoàng Năng Trọng về thăm nghỉ có thể lao phổi. "Phải lên Bệnh xá Trường điều trị thôi, Khôi ả". "Chiếc giường này chưa phải là lựa chọn cuối cùng của đời mình à?". "Vớ vẩn. Chết mà dễ thế".

Đi lại đó đây với tôi bao giờ cũng là cuộc dấn thân. Bởi gặp khó khăn không chỉ về phương tiện, người phục vụ mà còn là cả sự tháo gỡ xích xiềng tâm lý nặng nề. Nhưng hoàn cảnh thêm một lần nữa buộc tôi phải lựa chọn. Tôi liều đi. Trọng thì lo xe cộ đưa đón.

Độ Thu 1993 ấy, Trường trong thời thầy Lê Quang Hoành làm Hiệu trưởng. Bệnh xá thì do thầy Đỗ Thanh Hoài phụ trách. Thầy Hoài trực tiếp khám bệnh kê đơn, chị Duyên y tá hàng ngày chăm thuốc. Tất nhiên, trong giao tiếp không chỉ có thầy Hoài, chị Duyên mà còn có các cán bộ của Bệnh xá, của Trường như bác sĩ Lan, bác sĩ Chiến, bác sĩ Quân, y sĩ Thiệp... cùng các bạn sinh viên thường qua lại thăm nom, trò chuyện. Thầy Hiệu trưởng và nhiều cán bộ khác của Trường như các thầy Phạm Ngọc Khải, Đỗ Hồng Đức, Tạ Xuân Hợi, Nguyễn Trọng Khin, Đỗ Văn Châu, Hoàng Trọng Phang... cũng tới phòng bệnh thăm.

Quảng thời gian tháng 10 đó, như đã thưa, đã cho tôi cảm xúc để sáng tác được tập thơ *Tháng Mười thương mến*. Về sau, khi tập thơ được in ra, trước ngày Tết Ất Hợi, thầy Hoành cùng anh thư ký Phạm Thành Nam và Trọng đã cất công lặn lội về tận nhà tôi ở quê Văn Cẩm, Hưng Hà chúc Tết. Tập sách còn được dùng làm quà tặng cho Đại hội Đảng bộ nhà trường năm ấy. Cũng trong dịp ở Bệnh xá của Trường, có những vị khách, bạn bè đồng nghiệp hay tin tôi đang điều trị bệnh cũng tới thăm. Nhà văn Nguyễn Khải ở Sài Gòn ra. Các nhà văn, nhà thơ Đức Hậu, Minh Chuyên, Đỗ Vĩnh Bảo, Kim Chuông, Xuân Đạm, Bùi Hoàng Tâm, Phạm Hồng Oanh... Các nhà giáo Nguyễn Hải Đạm, Lương Hữu, Hồ Thủy, Trần Đình Chung... giảng dạy tại Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình. Các họa sĩ Hà Trí Dũng, Sinh Kung, Xuân Thu, Thanh Liêm, Quốc Việt... Tôi lại còn được đón tiếp cả các cháu học trò nhỏ tuổi đang học ở các trường phổ thông trong Thị xã tới thăm luôn.

Dịp đó, Bệnh xá bố trí cho tôi riêng một phòng trên tầng 5. Một phòng trên cao sạch sẽ và yên vắng là rất tốt cho công việc viết sách nhưng lại quá khó cho tôi trong việc đi lại, thăm cảnh Thị xã, nhà bạn bè. May mắn làm sao các vị thần hộ mệnh đã được phái tới. Đó là các bạn sinh viên. Từ chỗ yêu thơ, nể thầy đến sự gặp gỡ tình thân yêu đồng cảm, họ đã bế tôi lên xuống tầng 5, rồi lại rú rít đẩy xe đi chơi phố. Về sau, một lần thư An viết: "Em vui vì từng nâng thân thể anh trên đôi tay mình...". Thân, Công, Thoảng, Hiến, Hồng... có dịp về Thái Bình đều đến chơi nhà. Bao nhiêu năm trôi qua tình vẫn như xưa vậy. Tình thân yêu ở trên đời giống một tấm gương trong và sạch. Cát đi nhờ khuất, soi vào tình lại hiện về.

Độ Thu 1993 ấy... giờ đã xa! Tròn 20 năm trong đời một con người còn gì. Một đoạn thời gian đủ cho sự trưởng thành và cũng đủ cả cho sự tàn tạ, lãng quên. Ngay như Thủy Hương, cô học trò yêu bé bỏng, ngây thơ của cô giáo Khánh Xuân ngày ấy giờ đã là Thạc sĩ, giảng viên Trường Đại học Sư phạm I Hà Nội. Cậu sinh viên Đoàn Hải An đã trở thành bác sĩ Đông y, một bậc "giác ngộ", tác giả của những bộ sách có giá trị về Thiền, về Phật giáo.

Trong những khuya, ở một lần Thu nào đó nằm nghe cơn heo may trở mình trên tán lá và nghe tiếng lá

rụng tôi thường không ngủ được. Nhớ nhưng, tiếc nuôi tận lòng. Những chiếc lá rụng chớp lên những ánh vàng như cố thấp lại với trời đất màu sự sống. Đây là cách hiển dằng, níu giữ nghĩa thế gian của bản thể vũ trụ này. Tôi yêu mùa Thu lắm. Phải vì Thu mang một vết thương sắc màu giống như kẻ trọng bệnh là tôi chăng? Thu mong manh, quá đỗi mong manh. Nhưng sự minh bạch, quyết liệt của phẩm chất Thu cũng không gì sánh nổi. Mong manh bởi phía sau Thu là một chu kì tàn hoại. Cái làn hơi may thoáng nhẹ, ấy thế mà chạm lạnh vào đầu, vật đó chuyển màu. Và cũng từ điểm "chuyển màu" này sự minh bạch lộ mình. Mọi xanh non, đèo đẹt, sâu si có thể ẩn trong Xuân trong Hạ chứ quyết không có chỗ trú nấp trong Thu. Chín thì cứ mọng thơm lên mà chín. Tất cả rõ ràng. Và Thu còn chi phối, ám ảnh lòng người bởi một chân trời mù sương, che đường, rấp lối. Con người cảm tình yêu cuộc sống đi trong Thu là cuộc đi trần, không xiêm y mũ mào và phải có lửa lòng thấp làm ánh chiếu. Mỗi dặm đời đi qua đốt cháy một đoạn tình. Lỡ tình tắt lửa xem như đời tắt sáng. Bởi vậy mới cần đến những mối tình lớn, dồi dào nguyên liệu sống. Bởi vậy mới nuôi hi vọng về nghĩa trăm năm. Thân thể trần gian nào cũng trong vòng sinh rồi hoá. Và "hoá" - hoá thân - chuyển hoá, là thứ ánh chớp vật liệu của điều thiêng, tình yêu nuôi được nỗi ấm nồng nhân thế, là những gì còn sót lại cho hi vọng con người. Đường trần trong quan niệm của riêng tôi là một đường Thu. Đường Thu vốn lạnh và buồn, nhờ thế con người mới biết nâng niu từng ý nghĩa của niềm vui sống. Đọc trời đất mùa Thu tôi gặp ý đời này. Đây cũng là cảm thức chủ đạo, ôm trùm của thơ trong *Tháng mười thương mến*.

Tôi viết về sự mong manh và minh bạch của phẩm chất Thu trong không gian một lần Thu Quý Tỵ, còn có một lí do. Để lập thành tác phẩm *Tháng mười...* có bao người tiếp sức cùng tôi và trong số họ tới nay có những người vĩnh viễn ra đi. Đó là Thân và Công, quê Nghệ An - hai bạn sinh viên từng thường xuyên "bế thân thể tôi trên đôi tay mình". Đó là Bác sĩ Vũ Hồng Diệp - giảng viên bộ môn Sinh lý bệnh, phó Bí thư Đoàn trường. Đó là nhà giáo Nguyễn Hải Đạm - trưởng Bộ môn Ngữ văn Trường Cao đẳng Sư phạm. Đó là nhà văn Nguyễn Khải. Và cả nhà thơ Trần Lê Văn - người viết lời tựa cho tập sách. Trong quan hệ đời thường, tôi gọi nhà thơ là chú Văn. Chú là người tài cao đức trọng, được bạn bè trong giới văn bút yêu vì "Hữu duyên thiên lý", thơ tôi gặp chú là việc tình cờ. Một lần lên Hà Nội, bạn Trọng mang theo bản thảo, chú Văn xem và tự nhận viết lời tựa cho. Tình thân giữa chú và tôi tuy trong xa cách, tôi chỉ được gặp chú một lần tại nhà riêng của chú tại Hà Nội dịp Thu 2000 nhưng tình cảm chú cháu thật nhiều nồng hậu.

Một lần Thu thứ 20 lại sắp qua. Chú Văn ơi! Chú Đạm ơi! Chú Khải ơi! Diệp ơi! Thân ơi! Công ơi!... Trong cái khoảng 20 năm ấy với tình thân yêu chúng ta đã thành một kiếp sống rồi. Thời gian đã thoát ra ngoài tay níu với. Nếu nguyện ước thành thì xin những đoạn thơ nghĩa tình được thấp lửa lên.

Với Trường Đại học Y Thái Bình độ Thu 1993 ấy tròn 25 tuổi. Thu 2013 này Trường đã vào tuổi tráng niên, tuổi 45. Thầy Hoành, thầy Quế đã nghỉ hưu. Thầy Hiến đang là người chủ trì, tiếp bước. Trường ngày một phát triển, quy mô ngày một thêm hoành tráng, đang thực hiện sứ mạng cao đẹp, phát huy tiềm năng, lợi thế vùng đồng bằng sông Hồng, đào tạo nguồn nhân lực đa ngành, đa cấp; nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ, cung cấp dịch vụ và sản phẩm, vì mục tiêu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế... Chao ôi, chỉ mới nghe, mới hình dung thôi lòng người quê Thái Bình đã thấy vui mừng, chờ đợi. Trên mảnh đất quê hương mình có được ngôi Trường Đại học quy mô tầm vóc, hỏi lòng ai chả vui sướng tự hào. Các lớp con cháu mình có một địa chỉ gần gũi mà cao sang, hoành tráng để hướng tới học hành. Thật vô cùng quý giá!

Thời gian - dường chỉ đi qua giảng đường là đi với một nhịp điệu khác. Thêm một lần Thu thêm một niên học mới. Một chu trình không ngừng tiếp nối với các lứa bác sĩ, dược sĩ, cử nhân ra trường, họ như trăm, ngàn cánh chim bay về mọi miền quê hương, đất nước để đem tâm huyết cùng tri thức Y học mà trị bệnh cứu người, và phía sau các anh chị là lứa đàn em lại bước vào ngưỡng cửa ngôi nhà Lương Y.

Tri thức và tình yêu cuộc sống là hai viên đá tảng vĩnh viễn chốn giảng đường. Quý báu thay cho những ai gửi được tri thức và tình yêu đời mình trong ngôi nhà ấy. ■

Thái Bình, 16/10/2013

KỈ NIỆM 45 NĂM NGÀY THÀNH LẬP TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y THÁI BÌNH

TRƯỜNG Đại học Y Thái Bình đã bước vào tuổi "tri thiên mệnh".

Trường thành lập theo quyết định của Hội đồng Chính phủ do Phó Thủ tướng Nguyễn Duy Trinh ký ngày 23-7-1968. Mười tám sinh viên tốt nghiệp trường Đại học Y Hà Nội về cùng với một số giáo viên trường y sĩ Thái Bình hình thành lớp cán bộ khung ngày đầu do thầy Dương Tử Kỳ làm Trưởng Phân hiệu. Đến năm 1969, thầy Lê Văn Phước - người Quảng Ngãi, tốt nghiệp Phó tiến sĩ ở Nga về, được Bộ Y tế cử làm Trưởng Phân hiệu, tỉnh ủy Thái Bình cử đồng chí Đỗ Mạnh Phô làm Bí thư Đảng ủy.

Lớp cán bộ lãnh đạo cùng với thầy Kỳ, thầy Phước còn có các thầy Nguyễn Văn Mua, Lê Đình Ban, Vũ Chính. Đội ngũ cán bộ giảng mà lớp môn sinh thời ấy ai cũng nhớ phải kể đến: thầy Trần Văn Lợi tuổi cao, dạy môn giải phẫu, thầy Tấn Minh dạy các môn Lâm sàng hệ nội, thầy Nhâm Thế Rung dạy Sinh học, thầy Trần Thuần dạy Sinh hóa, cô Phạm Thị Chúc dạy Sinh lý, thầy Hoàng Hạnh (Sinh lý bệnh), thầy Phạm Văn Phương (Giải phẫu), thầy Nguyễn Huy Cát (Giải phẫu bệnh), thầy Nguyễn Xuân Dục (Mô phôi), thầy Nguyễn Văn Lớn (Dược lý)... Bóng dáng, tên tuổi các thầy đi qua năm tháng trên giảng đường với sự tự tin sâu sắc, với cốt cách nho phong của thời đại Bác Hồ.

Ông Nguyễn Ngọc Triu ngày trường thành lập đang giữ chức Chủ tịch tỉnh Thái Bình (sau này trở thành Phó thủ tướng Chính phủ), đón nhận trường bằng cả niềm hân hoan, nói với các đồng chí lãnh đạo tỉnh:

- Con cháu nông dân cũng cần tri thức, ai cũng cần được chăm sóc sức khỏe. Dù khó khăn thiếu thốn đến đâu cũng phải tạo điều kiện cho trường...

Tiếng nói của ông Triu - lớp hậu duệ của Nguyễn Công Trứ đi mở đất - đã nhận được sự đồng thuận của nhiều người, trong đó có ông Đặng Trinh, Chủ tịch Thị xã. Tất cả số cán bộ đầu tiên của trường được mua mỗi người một chiếc xe đạp giá cung cấp như một sự ưu tiên đặc biệt. Diện tích đất dành cho trường gần 4 hecta trên cánh đồng Kỳ Bá, nơi trước đây là Trường Y sĩ Thái Bình. Sau này có ý kiến cho rằng tỉnh dành đất cho trường quá rộng, muốn lấy ra một phần, vị tức nho Đặng Trinh phản biện: "Đất cấp cho Đại học Y theo tôi như vậy vẫn còn hẹp, ta phải nhìn ở biên độ mở, nhìn vào sự phát triển sau này của nền y học, không nên "gọt" đất của Trường Y dùng vào việc khác, làm việc đó "lợi bất cập hại". Ý kiến ông Trinh được ông Đỗ Mười khi còn là Phó Thủ tướng, trong lần về Thái Bình năm 1973 ủng hộ. Năm 2005, trước sự phát triển của trường, Thành phố Thái Bình lại cấp tiếp 4,5 hecta đất cho trường xây dựng khu ký túc xá và thể thao đa năng, đã minh chứng cái nhìn hơn 40 năm trước của ông Đặng Trinh thật "thấu thị".

Thành lập khi chiến tranh chống Mỹ diễn ra ác liệt, trường phải sơ tán ở An Vinh, Quỳnh Phụ. Tất cả phải trọ trong nhà dân, thầy trò dồn tụ, bao bọc lẫn nhau. Cuộc sống cơm niều, nước lợ, thầy động viên trò ngồi trên đầu hè đất, chống tre mà học. Ngoài giờ học, thầy trò cùng người dân gánh phân, nhổ lạc, đi gặt. Ngược lại, tấm lòng những người nông dân nghèo nơi đây cũng luôn rộng mở, sẵn sàng đùm bọc thầy trò trong những căn nhà lợp rạ đơn sơ bên mảnh vườn,

ao cá, chiếc hầm kèo bằng tre có giàn sẵn dây leo phủ bên trên. Trong thiên nhiên hòa quyện có cả mái chùa Cao Lãng thân thuộc, che chở cuộc sống sinh viên thời chiến. Sống trong những ngày sơ tán thiếu thốn trăm bề mới thấy, mới hiểu hết mối quan hệ con người với con người, giữa thầy và trò, giữa nhân dân và cán bộ; mới thấm hiểu việc học trong trường chỉ là cái nền học vấn, còn phải gần gũi dân, thấu hiểu dân để bồi đắp thêm lòng nhân ái, yêu thương con người, yêu thương đồng loại, những thứ không thể thiếu được của con người ngành y. Trò được gần thầy càng hiểu thêm thầy; thầy cũng hết lòng vì trò. Thầy Bùi Công Sánh quê Nam Bình, Kiến Xương chấp

tự biên của thầy Nguyễn Đình Bảng được dân dựng, sắm vai là các thầy Thành Xuân Nghiêm, Phạm Xuân Đạt..., cùng với các vở diễn nổi tiếng thời ấy như "Đôi mắt" của Vũ Dũng Minh, "Tiền tuyến gọi" của bác sĩ Trần Quán Anh, "Đường về trận địa" của Tào Mạt, Hoài Giao... thối niếm lạc quan, phấn chấn vào đời sống cán bộ, sinh viên. Nỗi sợ chiến tranh dù chỉ là cảm xúc nhẹ nhàng cũng không còn. Nếu không nhầm thì văn học, sân khấu giai đoạn này đã đóng một vai trò quan trọng tẩy rửa chất yếu hèn trong mỗi con người, thay vào đó là tinh thần lạc quan, yêu đời, sẵn sàng xả thân vì nhiệm vụ. Ngay trong năm đó, 125 bác sĩ ra trường đã tình nguyện lên đường ra mặt trận.

Rồi kí túc xá được xây dựng, hai dãy nhà bốn tầng khang trang, đón gió từ phía Đồng Lôi, sông Trà thổi về. *Mùa thi đến rồi quên cả ngắm trăng lên / Nắng Thái Bình pha hương đồng man mát...*

Cuộc sống, tình yêu của sinh viên thời bao cấp để lại nhiều kỷ niệm. *Chiếc giường tầng xuyên qua bao thế hệ / Chỗ em ngồi ai trước thềm thâu đêm?*

Bước vào thập kỷ 80, ai đã từng trải qua đều khó có thể quên không khí của "đêm trước đổi mới". Trong bối cảnh chung đó, Trường Đại học Y Thái Bình đã gặp phải những khó khăn, thử thách tưởng chừng không thể vượt qua: chỉ tiêu tuyển sinh giảm, cán bộ dôi dư, đời sống

MỘT THỜI NHỎ

VÕ BÁ CƯỜNG



Giáo sư Bộ trưởng Tạ Quang Bửu về thăm Trường năm 1969.

tối một mình đạp xe từ An Vinh về chợ Nội (Đồng Xuân) nơi bệnh viện Việt - Bun sơ tán lấy xác chết vô thừa nhận cho vào bao ni lông chôn vùi. Dọc đường cái bao rơi xuống mấy lần, thầy phải một mình cắp xác đặt lên xe buộc lại, chở đi tiếp, đem về cho vào bể phốt-môn ngâm để học sinh thực nghiệm giải phẫu. Thầy Sánh không hay rượu mà lúc như thế cũng phải làm một vài chén để đi vào giấc ngủ.

Tháng 5-1969, tạm yên tiếng bom, thầy trò làm cuộc "hồi hương lịch sử" từ An Vinh về thị xã, toàn bộ tài sản của trường được vận chuyển bằng xe bò kéo. Chặng đường chỉ khoảng 30 cây số mà di chuyển toàn bộ mất hơn một tháng!

Năm 1972, giặc Mỹ quay lại ném bom miền Bắc. Lại chuyển trường về Minh Lăng, Vũ Thư. Một sự kiện không may xảy đến, đơn vị tên lửa đóng ở Minh Lăng bị lộ. Máy bay Mỹ rải bom bị dọc đường làng. Trường lại chuyển về xã Hiệp Hòa và Tân Hòa. Năm hai lần chuyển trường, "đoạn trường ai có qua rồi mới hay". Thế mà phong trào dự giờ, thao giảng, bình giờ, tự làm dụng cụ thí nghiệm, vẽ tranh, làm mô hình giải phẫu, cất nước bằng bếp than... vẫn diễn ra nơi sơ tán. Lớp học mở ra ở giữa nhà kho, sân đình, bên gốc đa làng. Hoạt động văn nghệ, thể thao thì thật sôi nổi, đúng tinh thần "tiếng hát át tiếng bom". Vở kịch

Sau này, khi chiến tranh biên giới Tây Nam, chiến tranh biên giới phía Bắc nổ ra, Trường đã thành lập đội phẫu thuật do Hiệu trưởng Đoàn Ngưỡng dẫn đầu tham gia phục vụ cấp cứu chiến thương tại mặt trận tỉnh Lai Châu; gần 50 sinh viên tạm xếp bút nghiên nhập ngũ trong đó có cả con ông Chủ tịch tỉnh Nguyễn Ngọc Triu khi ấy đang là sinh viên năm thứ ba.

Trở lại với năm 1972 ấy, không ai có thể quên, trong hai ngày 17 và 19 tháng 8, giặc Mỹ bắn phá, ném bom cầu Bo, đê vùng, riêng khu vực tại thị xã phải hứng chịu hàng chục quả bom phá cỡ lớn. Thầy giáo bác sĩ Nguyễn Hữu Soan - giảng viên bộ môn Tổ chức y tế, quê Thái Thụy (Thái Bình) cùng 17 sinh viên đang làm nhiệm vụ bảo vệ trường đã anh dũng hy sinh. Máu của những người con từ nhiều miền đất nước đã đổ xuống mảnh đất quê lúa Thái Bình. Khoảng trời màu tro tang phủ lên sân trường y còn vương vất những mảnh blu trắng...

Sau hiệp định Pa-ri (1973), lại về thị xã. Trường hoang tàn, ngổn ngang gạch vỡ, cây đổ, đường ống nước bị cây xối tóa tung. Thầy trò tay cuốc, tay xẻng thổ đất lấp hố bom. Hàng trăm gian nhà lá được dựng lên, còn thơm mùi bùn ao, rơm rạ, ai cũng phấn khởi. Ngờ đâu, đến tháng 8, cơn bão số 5 đổ bộ vào Thái Bình lại hất tung đi tất cả...

quá chật vật, nhiều người muốn chuyển công tác... Năm 1988, Trường hợp nhất với Trường Cao đẳng Y tế Nam Định. Rồi có tin trường phải chuyển đi... Bà Đào Thị Nhật, Phó Chủ tịch tỉnh Thái Bình đã góp một tiếng nói đồng thuận để giữ trường lại: "Lúc khó khăn Nhà trường được Đảng bộ và nhân dân Thái Bình cứu mang. Giờ đủ lòng đủ cánh chả nhẽ bỏ đất này mà đi ư...".

Tồn tại rồi nhưng phải phát triển. Thời kỳ này phải kể đến vai trò "đứng mũi chịu sào" của Hiệu trưởng Lê Quang Hoàn. Ông nêu quan điểm "lao động sản xuất và nghiên cứu khoa học ngang tầm với đào tạo". Chỉ thế thôi nhưng đưa được vào Nghị quyết của Đảng bộ nhà trường là cả một cuộc đấu tranh quyết liệt ngay trong nội bộ lãnh đạo. Một trong những điểm đột phá quan trọng là việc trường mở ra Khu dịch vụ khám chữa bệnh. Bắt đầu từ bộ môn Răng - Hàm - Mặt, Khu khám chữa bệnh của trường đã nhanh chóng phát triển; tiếng lành đồn xa, không chỉ người dân Thái Bình mà từ Nam Định, Hải Phòng... nhiều người nghe tiếng cũng tìm đến. Về đào tạo, trường chuyển mục tiêu theo hướng đào tạo bác sĩ chăm sóc sức khỏe ban đầu, phục vụ "tam nông": nông nghiệp, nông dân và nông thôn. Khái niệm "tam nông" giờ đã trở thành phổ biến nhưng ngày đó thực sự mới mẻ! Một loạt chủ trương "hóa" lần lượt ra đời: "ngôi hóa", "cao học hóa", "tin học hóa"... Đời sống tạm ổn định, cán bộ yên tâm công tác, phấn đấu học lên. Những chương trình, đề tài nghiên cứu tủa về các vùng nông thôn, soi sáng vấn đề cơ cấu bệnh tật của người dân, vệ sinh môi trường, kế hoạch hóa gia đình, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em... Cả trường như một guồng máy vận hành đúng hướng, chỗ nào cũng tất bật, hối hả... Có được sự "hồi sinh" ấy, thầy trò trường y và nhân dân Thái Bình phải tốn bao công sức.

Đồng hành với Phó giáo sư Lê Quang Hoàn còn có Phó giáo sư Trần Văn Quế, Bác sĩ Hoàng Hạnh, Bác sĩ Nguyễn Văn Sái, Phó giáo sư Nguyễn Văn Lớn, Tiến sĩ Ngô Toàn Định, Phó giáo sư Hà Thị Lâm (sau là Phó chủ tịch tỉnh Thái Bình)... Sau này tiếp nối có Giáo sư

(Xem tiếp trang 22)

VĂN HỌC - NGỌN ĐÈN CHIẾU SÁNG TÂM LINH CON NGƯỜI

(Tiếp theo trang 3)

như bà và các nhà văn ít tuổi hơn trong con đường chông gai của văn chương. Thay mặt 9 nghìn hội viên Hội Nhà văn Trung Quốc, bà Thiết Ngưng gửi tới các nhà văn Việt Nam lời chúc sức khỏe, hạnh phúc, có sức sáng tạo dồi dào. Nhà Văn thiết Ngưng đánh giá cao tình cảm và sự đón tiếp của Hội Nhà văn Việt Nam đã dành cho đoàn. Đặc biệt bà cảm ơn Nhà thơ Hữu Thỉnh, ông có chất hào sảng của một người lính lại vừa có tâm hồn lãng mạn của nhà thơ, đã rất chu đáo, thân tình trong những ngày đoàn nhà văn Trung Quốc thăm Việt Nam. Hội Nhà văn Trung Quốc có nhiều chuyến thăm cũng như mối quan hệ với nhiều Hội Nhà văn các nước trên thế giới, nhưng không có mối quan hệ nào có thể so sánh được với mối quan hệ với hội nhà văn Việt Nam. Trước khi đến Việt Nam nhà văn Thiết Ngưng và các nhà văn trong đoàn đã đi tham một số nước khác, nhưng khi đặt chân đến Việt Nam, bà đã cảm nhận được sự gắn gũi thân thiết với mảnh đất này, giống như mình đã về đến nhà sau một chuyến đi dài. Nhà văn Thiết Ngưng cảm ơn nhân dân Việt Nam, Hội Nhà văn Việt Nam đã dành những tình cảm đặc biệt cho văn học Trung Quốc và đã dịch, quảng bá văn học trung Quốc ra tiếng Việt. Bà đánh giá cao tinh thần yêu thơ ca, yêu văn học của nhân dân Việt Nam. Bà cho rằng, dân tộc nào biết trân trọng văn học thì điều đó đã quyết định tổ chất của dân tộc ấy. Văn học đối với con người rất quan trọng, có ảnh hưởng rất lớn đến tâm linh. Tác phẩm văn học đích thực sẽ vượt qua thời gian, không gian, ngôn ngữ để đến với trái tim con người. Văn học là lửa, là ngọn đèn, là ánh sáng kỳ diệu có khả năng chiếu sáng tâm linh con người, nếu không vì điều đó thì chúng ta không có mục đích để sáng tác. Sau lời phát biểu của nhà văn Thiết Ngưng, nhà văn Khuất Quang Thụy, dịch giả Thành Đức Trinh Bảo, nhà thơ Trần Quang Quý đại diện cho các cơ quan cấp hai lên trao tặng đoàn nhà văn Trung Quốc các ấn phẩm

của mình.

Phần giao lưu giữa các nhà văn hai nước diễn ra sôi nổi với những ý kiến phát biểu của các nhà văn: Trần Đình Hiến, Đỗ Chu, Bích Thuận, Hoàng Minh Tường.

Dịch giả Trần Đình Hiến cho rằng đây là cuộc hàn huyên của những người biết nhau thậm chí là hiểu sâu sắc về nhau cho nên đã tạo một không khí cởi mở, chân tình và thẳng thắn. Mối quan hệ Việt Nam và Trung Quốc giống như mối quan hệ "môi hở răng lạnh", cho nên chúng ta cần có sự hợp tác đoàn kết, bình đẳng, thẳng thắn, chân tình để cùng nhau phát triển. Còn nhà văn Đỗ Chu thì cho rằng, trong quá trình phát triển của lịch sử nhân loại thì cuộc gặp gỡ của những nhà văn hóa luôn đem lại lợi ích cho nhân loại và nó có thể mang lại lợi ích cho các nhà làm chính trị, ngoại giao. Ông mong các dân tộc luôn tìm đến nhau qua văn chương. Việt Nam và Trung Quốc không chỉ gần nhau về địa lý mà cả văn hóa, đó là mối quan hệ khá đặc biệt, giống như hai cái cây lớn lên cạnh nhau. Nếu cây này đau thì cây kia khó có thể lành lặn được. Nhà văn Bích Thuận và nhà văn Hoàng Minh Tường đã kể về những kỷ niệm của mình với Trung Quốc cũng như bày tỏ sự cảm phục trước ngòi bút của nhà văn Thiết Ngưng.

Trong phần phát biểu của mình, các nhà văn Trung Quốc đã bày tỏ tình cảm của mình đối với đất nước cũng như Hội Nhà văn Việt Nam, kể về những kỷ niệm với các nhà văn Việt Nam và đất nước tươi đẹp này.

Buổi đón tiếp đoàn nhà văn Trung Quốc đã diễn ra trong không khí thân mật ấm cúng thể hiện tinh thần hữu nghị nhân văn, nhân ái giữa các nhà văn Việt Nam và Trung Quốc, đúng như tinh thần Văn học là Ngọn đèn chiếu sáng tâm linh con người... ■

T.Đ

ĐỜI SỐNG VĂN NGHỆ

MỘT CHẶNG ĐƯỜNG MỚI CỦA VĂN HỌC NGHỆ THUẬT THÁI BÌNH

NGÀY 2 tháng 11 năm 2013, trong khuôn khổ chương trình đi thực tế sáng tác của văn nghệ sỹ Thái Bình tại Sơn Tây, Hà Nội, Đại diện của Ban Tuyên giáo tỉnh uỷ, Ban Chấp hành Hội Văn học Nghệ thuật (VHNT), Chi hội trưởng các Chi hội chuyên ngành Thái Bình tiến hành hội thảo với chủ đề: **"Vi sự phát triển của Văn học Nghệ thuật Thái Bình"**. Đây là lần đầu tiên sau 42 năm thành lập Hội VHNT tiến hành hội thảo chuyên sâu về VHNT của địa phương trong hình hiện nay.

Hội VHNT Thái Bình được thành lập sớm (chỉ sau Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh), sau khi thành lập phong trào VHNT của tỉnh phát triển mạnh, đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình trong các giai đoạn lịch sử của tỉnh nói riêng và đất nước nói chung. Chủ đề **"Vi sự phát triển của Văn học Nghệ thuật Thái Bình"** đã nói lên khát vọng của Ban tổ chức vì sự nối tiếp phong trào, cho một tương lai của VHNT trên một vùng đất giàu truyền thống nằm ở trung tâm nền văn minh sông Hồng.

Rất nhiều tham luận sâu sắc đã được đọc trong hội thảo, phản ánh những tồn tại, khó khăn trong công việc sáng tác của văn nghệ sỹ nhưng tất cả đều thống nhất: Hội VHNT chính là vườn ươm cho các giá trị nhân văn. Trong VHNT mỗi tác giả một cá thể mang bản sắc riêng không ai có thể thay thế được. Vì vậy mỗi tác giả là tài sản quý báu của Hội. Công việc của Hội có hàng trăm thứ việc nhưng tựu chung lại chỉ xoay quanh người nghệ sỹ. Việc chăm lo về tinh thần và vật chất, tạo điều kiện cho người nghệ sỹ nâng cao phẩm chất chuyên môn và ý thức chính trị, việc tổ chức trại sáng tác. Đi thực tế, giao lưu với những vùng văn hoá khác nhau để nâng cao tầm nhìn và tư duy sáng tạo là công việc chính của Hội. Được sự quan tâm chu đáo của các cấp lãnh đạo, sau hội thảo này như truyền thêm cảm hứng cho các tác giả. Hội thảo đã đánh dấu một chặng đường mới của VHNT Thái Bình. Hội thảo: **"Vi sự phát triển của Văn học Nghệ thuật Thái Bình"** đã thành công tốt đẹp! ■

PV

MỘT THỜI NHỚ

(Tiếp theo trang 21)

Lương Xuân Hiến - Hiệu trưởng, các phó Hiệu trưởng Trần Quốc Kham, Phạm Ngọc Khái, Hoàng Năng Trọng, Nguyễn Quốc Tiến, Nguyễn Như Chiến, Hà Quốc Phòng. Đây cũng là một giai đoạn quan trọng trong lịch sử phát triển trường.

Mặc dù đã vượt qua bao nhiêu khó khăn, thử thách, dù đã đạt nhiều thành tựu, cho đến những năm đầu của thế kỷ 21, về cơ bản trường vẫn chỉ đào tạo đơn ngành - ngành bác sĩ đa khoa, quy mô có thời điểm chỉ 1500 học viên, sinh viên. Làm thế nào để bứt phá lên, để hội nhập? Với tư duy năng động, dám nghĩ, dám làm, Ban Giám hiệu do Giáo sư Tiến sĩ Lương Xuân Hiến làm Hiệu trưởng đã có những quyết sách mạnh mẽ nhưng hợp lý, hợp quy luật. Nhiều mã ngành đào tạo mới được mở ra, đến năm 2013 này là 6 mã ngành đào tạo đại học. Điểm tuyển vào trường luôn ở tốp cao trong số các trường đại học trong cả nước. Đào tạo sau đại học vươn lên, đào tạo cả thạc sĩ, tiến sĩ. Vùng tuyển sinh được mở rộng gần khắp cả nước, mỗi năm tuyển sinh 1200-1500, lưu lượng toàn trường đạt trên 6000, hội tụ học viên, sinh viên của hơn 20 dân tộc anh em. Sinh viên tốt nghiệp Trường Y Thái Bình được các địa phương, các cơ sở đánh giá là tháo vát, năng động, dám lăn lộn và dễ dàng thích nghi

với mọi hoàn cảnh. Đội ngũ cán bộ trường có 12 giáo sư, phó giáo sư, gần 40 tiến sĩ, 200 thạc sĩ. Bệnh viện Trường đã được nâng tầm, triển khai nhiều kỹ thuật hiện đại, bệnh nhân ngày càng đông. Labo sinh học phân tử đang đi vào những mũi nhọn của khoa học y học. Trường có quan hệ hợp tác về đào tạo, khoa học với nhiều trường đại học, tổ chức quốc tế của các nước Singapore, Thái Lan, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Australia, Pháp, Đức, Hà Lan, Hoa Kỳ... Từ vùng quê lúa, tiếng tăm nhà trường đã và đang ngày một lan xa.

Như một cơ duyên, tôi đã cùng Phó giáo sư Tiến sĩ Hoàng Năng Trọng, Phó Hiệu trưởng Nhà trường, Thạc sĩ Hồ Thị Dung, Trưởng phòng Công tác chính trị đến thăm "Nữ hoàng Cộng sản" Nguyễn Thị Bình, nhân vật lịch sử thời giải phóng dân tộc, nguyên Phó Chủ tịch nước, nguyên Bộ trưởng Bộ Giáo dục. Bà nói luôn quan tâm theo dõi và mừng cho sự phát triển của Nhà trường. Rồi câu chuyện chúng tôi xoay sang việc "học" và "y đức" thời nay. Trong giáo dục ngành y, chuyên môn phải được coi trọng nhưng con người ngành y còn phải có lòng nhân ái, có tâm văn hóa và nhân cách kẻ sĩ. Trong ngành y ai không biết bác sĩ Trần Văn Lai, bác sĩ Trần Duy

Hung - cả hai ông đều từng đảm nhiệm trọng trách "thị trưởng" Thành phố Hà Nội. Ông Lai làm thị trưởng thời gian rất ngắn nhưng làm được nhiều việc lớn trong đó có việc ông đã quyết định đổi một loạt tên đường phố tiếng Pháp sang tiếng Việt lấy theo tên của các vị anh hùng Việt Nam. Còn bác sĩ Trần Duy Hưng được đích thân Bác Hồ mời làm thị trưởng Hà Nội, trở thành thị trưởng Hà Nội liên tục từ năm 1945 đến năm 1977, khi ông viết đơn xin nghỉ. Rồi còn những tên tuổi như Hồ Đắc Di, Tôn Thất Tùng, Phạm Ngọc Thạch, Đặng Văn Ngữ, Trần Hữu Tước... kể cả bác sĩ người Pháp Yersin, với tài năng, nhân cách, công lao của các ông được nhân dân cả nước ghi nhớ, tôn vinh. Đám tang giáo sư Tôn Thất Tùng lớn nhất ngành y. Các con đường, con phố mang tên các ông như những danh nhân văn hóa lịch sử... Có phải vì thế mà ngành y được coi là ngành "đặc biệt", phải được đào tạo "đặc biệt"? Các Trường Y của ta hiện nay cần chú ý đến điều này.

Cách đây đúng 50 năm, năm 1963 Thủ tướng Phạm Văn Đồng đặt câu hỏi cho ngành y tế: "Bao giờ có bác sĩ y khoa về nông thôn?" - câu hỏi trần trụi nhưng là cả một tầm nhìn đã dẫn đến việc ra đời của Trường Đại học Y Thái Bình năm 1968. Tính đến nay, trên một vạn bác sĩ, dược sĩ, cử nhân ra trường - những hạt gạo "cội" vùng lúa - đã tỏa khắp mọi miền đất nước. Mà không chỉ có vậy, nhắc tới Y Thái Bình còn là nhắc đến một địa chỉ, một cơ sở đào tạo bác sĩ cho Lào và Campuchia có tầm cỡ. Dù khó khăn nhưng trường và tỉnh Thái Bình lúc nào

cũng dành cho sinh viên nước bạn những điều kiện thuận lợi nhất. Đã có 600 bác sĩ đã tốt nghiệp về nước, 300 sinh viên vẫn đang học tập. Đầu 11! Sinh viên tốt nghiệp về nước đảm nhận nhiều nhiệm vụ, cương vị quan trọng, có người giữ chức Thứ trưởng. Từ cái nôi Y học Thái Bình họ mang về nước không chỉ có tri thức, nghề nghiệp mà cả lòng "hiếu nhân" của con người Việt Nam.

Tôi vào trường giữa những ngày thu năm 2013 khi thầy trò nhà trường đang chuẩn bị cho Lễ kỷ niệm 45 năm và đón nhận Huân chương Độc lập hạng Nhất. Tôi đã gặp những gương mặt thầy trò dung dị, hiền thảo, những màu áo, nụ cười của sinh viên miền xuôi, miền núi hòa quyện. Đọc lại lời của cố giáo sư Hoàng Đình Cầu, nguyên Thứ trưởng Bộ Y tế, viết nhân kỷ niệm 30 năm ngày thành lập trường: "Với các truyền thống và kinh nghiệm quý báu của thời gian qua, có thể tin tưởng là Trường Đại học Y Thái Bình vững tiến trên con đường vinh quang của mình..., trong buổi bình minh của thế kỷ 21, thế kỷ trí tuệ và nhân văn", tôi cảm nhận sâu sắc thêm bài thơ chữ Hán mà nhà nghiên cứu Nguyễn Tiến Đoàn viết tặng trường, có câu: *Thái Bình linh địa đa tài tuấn / Đại học Y khoa nhất điểm hồng...* (Thái Bình là đất địa sinh nhiều người tài giỏi; Trường Đại học Y khoa là một địa chỉ hồng). Vâng, một địa chỉ hồng - một lời chúc cũng là mục tiêu phấn đấu, là lời cam kết của nhà trường với xã hội. ■

Mùa Thu 2013

V. B. C.



XỔ SỐ KIẾN THIẾT MIỀN BẮC

VÉ 10.000 đ - 15 KÝ HIỆU

Hàng ngày, Hội đồng Xổ số kiến thiết Miền Bắc tổ chức phát hành 15 ký hiệu vé 10.000 đ

MỞ THƯỞNG VÀO TẤT CẢ CÁC NGÀY TRONG TUẦN

CƠ CẤU GIẢI THƯỞNG NHƯ SAU

Tổng số có: 81.150 giải thưởng

BỘ GIẢI ĐẶC BIỆT

Mỗi giải 200 Triệu đồng

3 TỶ ĐỒNG



15.000 GIẢI KHUYẾN KHÍCH CỦA GIẢI ĐẶC BIỆT - MỖI GIẢI 40.000 Đ

Cho các vé có 2 số cuối (Hàng chục, hàng đơn vị) trùng với 2 số cuối của Giải Đặc biệt

BỘ GIẢI NHẤT: 300 TRIỆU ĐỒNG

MỖI GIẢI 20 TRIỆU ĐỒNG

Quay 1 lần 5 số

30 GIẢI NHÌ	- Mỗi giải 5.000.000 đ	(Quay 2 lần 5 số)
90 GIẢI BA	- Mỗi giải 2.000.000 đ	(Quay 6 lần 5 số)
600 GIẢI TƯ	- Mỗi giải 400.000 đ	(Quay 4 lần 4 số)
900 GIẢI NĂM	- Mỗi giải 200.000 đ	(Quay 6 lần 4 số)
4.500 GIẢI SÁU	- Mỗi giải 100.000 đ	(Quay 3 lần 3 số)
60.000 GIẢI BẢY	- Mỗi giải 40.000 đ	(Quay 4 lần 2 số)

Vé trùng nhiều giải được lĩnh đủ giá trị các giải

Đồng thời, Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Thủ Đô phát hành các loại hình:

- **LÔ TÔ 2 SỐ, 3 SỐ, 4 SỐ**
- **LÔ TÔ TỰ CHỌN CÁC CẶP SỐ**
- **ĐẶC BIỆT, XỔ SỐ ĐIỆN TOÁN:**
 - Có hầu hết các loại hình xổ số
 - Xổ số Điện toán 1-2-3 và 6x36 có cơ hội trúng thưởng 6 tỷ đồng
 - Có thể tự do lựa chọn số

XEM KẾT QUẢ XỔ SỐ

Số tin:

XS gửi đến 8297

HOẶC 8197, HOẶC 8597, HOẶC 8797

Chúc Các bạn May mắn !

**CÔNG TY TNHH MTV
XỔ SỐ KIẾN THIẾT THỦ ĐÔ**



TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y THÁI BÌNH – Thái Bình Medical University

45 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

Địa chỉ: Số 373, Lý Bôn, TP Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Điện thoại: 0363.838.545

Fax: 0363.847.509

Website: www.tbmc.edu.vn



NGND.GS.TS
Lương Xuân Hiến
Bí thư Đảng ủy
Hiệu trưởng

Trường Đại học Y Thái Bình thuộc vùng Đồng bằng Bắc bộ, đào tạo nguồn nhân lực đa ngành, đa cấp; nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ; cung cấp dịch vụ và sản phẩm vì mục tiêu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

- Hiện có trên 600 giảng viên, 86 % có trình độ sau đại học, gồm 1 giáo sư, 12 phó giáo sư, 36 tiến sĩ, 144 thạc sĩ.
- Đã đào tạo 17.000 bác sĩ, dược sĩ, cử nhân; trên 600 bác sĩ cho nước CHDCND Lào và Vương quốc Campuchia, trên 2.000 học viên đã tốt nghiệp sau đại học.
- Đào tạo hàng năm: 1.000 – 1.200 chỉ tiêu bậc đại học (bác sĩ, dược sĩ, cử nhân); 300 – 500 chỉ tiêu bậc sau đại học (chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II, Thạc sĩ và Tiến sĩ).
- Đã nghiên cứu thành công trên 1.000 đề tài khoa học, triển khai nhiều chương trình nghiên cứu phục vụ "Tam nông" và xây dựng nông thôn mới.
- Phát triển Labo sinh học phân tử, bệnh viện Trường, triển khai nhiều kỹ thuật hiện đại đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân.
- Có quan hệ hợp tác trên các lĩnh vực với nhiều Trường Đại học, tổ chức quốc tế của các nước: Singapore, Thái Lan, Trung quốc, Hàn quốc, Nhật Bản, Australia, Pháp, Đức, Hà Lan, Hoa Kỳ,...

VĂN NGHỆ - TUẦN BÁO SÁNG TÁC, LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH, THÔNG TIN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

● Tổng biên tập : KHUẤT QUANG THỤY ● Phó tổng biên tập : THÀNH ĐỨC TRINH BẢO

● Tòa soạn, Trị sự : 17 Trần Quốc Toàn - Hoàn Kiếm - Hà Nội. ● Điện thoại: Ban biên tập (04) 62702634; Trị sự: (04) 62702629; Kế toán (04) 62702642

● Email: thuykvn@gmail.com; banthovn@gmail.com; banvanvn@gmail.com; lyluanphebinhvvn@gmail.com; vanhocnuocngoai.vn@gmail.com; bannghehvatvn@gmail.com.

● Văn phòng thường trực các tỉnh miền Nam: 43 Đồng Khởi, TP Hồ Chí Minh - Điện thoại : (08) 38298802 ● Văn phòng thường trực các tỉnh miền Trung: Đại lộ Lê Lợi, TP. Thanh Hóa -

Điện thoại : (037) 3851752 - 3853522; 292 Đường Hai Tháng Tư, TP. Nha Trang - Điện thoại/ Fax : (058) 3825867. ● In tại Công ty in Báo Nhân dân Hà Nội

● ISSN 0866 - 0815 ● MST: 0100784855; Tài khoản: 102010000018171 - Ngân hàng Công thương Hai Bà Trưng - Hà Nội ● Trình bày: PHẠM MINH HẢI

● Giá: 9.800 đồng.